

Tủ sách
KHUÊ
VĂN

Sơ Tắt Tắt



Sông Vh NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

TẮT ĐÈN



TẮT ĐÈN
Ngô Tất Tố

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa
gia đình nhà văn Ngô Tất Tố và Công ty Cổ phần Văn hóa & Truyền thông Sống, 2018.

Bản in này được khôi phục đúng nguyên tác, có ghi chú, chỉnh sửa sai lệch của các lần tái bản do
Cao Đắc Điểm và Ngô Thị Thanh Lịch thực hiện, đã đăng ký quyền tác giả biên soạn và chủ sở hữu
số: 1109/2006/QTG.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hoạt động công bố, xuất bản, sao chụp,
trích đăng... tác phẩm dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của
Nhà xuất bản đều bị coi là xâm phạm bản quyền và làm tổn hại đến quyền lợi của
Nhà xuất bản và tác giả.

Chúng tôi luôn mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp của quý vị độc giả
để sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Góp ý về sách, liên hệ về bản thảo và bản dịch: publication@iamsong.vn
Liên hệ ebooks, hợp tác xuất bản & truyền thông: hoptac@iamsong.vn
Liên hệ dịch vụ tư vấn, đại diện & giao dịch bản quyền: copyright@iamsong.vn

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Ngô Tất Tố

Tắt đèn / Ngô Tất Tố ; S.t., khảo dị, chú giải, giới thiệu: Cao Đắc Điểm, Ngô Thị Thanh
Lịch. - H. : Văn học ; Công ty Văn hoá Truyền thông Sống, 2018. - 220tr. ; 23cm. - (Tủ
sách Khuê văn)

ISBN 9786049692888

1. Văn học hiện đại 2. Tiểu thuyết 3. Việt Nam
895.922332 - dc23

VHL0279p-CIP

NGÔ TẤT TỐ

TẮT ĐÈN

(TIỂU THUYẾT)

(Được khôi phục theo nguyên tác xuất bản lần đầu - 1939)

CAO ĐẮC ĐIỂM & NGÔ THỊ THANH LỊCH

Sưu tầm, khảo dị, chú giải

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI NGỎ

Sao Khuê trong văn hóa Á Đông chủ về văn chương, học thuật. Chọn lọc những áng văn trác tuyệt được ví như những vì tinh tú trong nền văn học Việt Nam đặt vào *Tủ sách Khuê Văn* trong lần xuất bản này, chúng tôi mong muốn đưa những tinh túy của văn học nước nhà thế kỷ XX quay trở lại với độc giả.

Trong lịch sử, chưa bao giờ nền Văn học Việt Nam ghi nhận một thời kỳ phát triển mạnh mẽ như giai đoạn nửa đầu thế kỷ trước. Các trào lưu văn học hiện thực, lãng mạn, thơ mới cùng phát triển nở rộ, đánh dấu giai đoạn mà chữ quốc ngữ cùng với hình thức văn chương hiện đại được sử dụng để phản ánh hiện thực đời sống phong phú, sinh động; phác họa tâm hồn, văn hóa Việt; truyền tải những giá trị nhân văn, tư tưởng đương thời mà cho đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự.

Nhận thức rõ giá trị của các di sản văn chương mà tiền nhân để lại, *Sống – Thương hiệu sách Tác giả Việt Nam* – đặc biệt quan tâm lựa chọn, thẩm định và xuất bản *Tủ sách Khuê văn* gồm những thiên kinh điển như *Đoạn tuyệt*,

Nửa chừng xuân, Gió lạnh đầu mùa Tất đèn, Bước đường cùng, Số đỏ, Thi nhân Việt Nam, Sống mòn,... cùng một số tuyển tập của Nam Cao, Kim Lân, Hoàng Ngọc Phách...

Tái bản những tác phẩm đã quen thuộc với nhiều thế hệ độc giả quả là công việc khó khăn, có phần “mạo hiểm”, vừa là cơ hội vừa là thách thức. Với sứ mệnh góp phần “*Lan tỏa tri thức, bồi đắp tâm hồn Việt*”, chúng tôi kỳ vọng việc xuất bản *Tủ sách Khuê Văn* sẽ làm sống lại những danh tác văn học xưa trong hình hài, diện mạo mới, tạo được sức lôi cuốn, hấp dẫn mới, nhằm tiếp tục nuôi dưỡng, bồi đắp niềm yêu mến, quý trọng tinh hoa văn hóa dân tộc.

Với sự tư vấn, ủng hộ của giới nghiên cứu, phê bình, của thân nhân các tác giả, cùng tinh thần làm việc nghiêm túc, chúng tôi đã cố gắng khôi phục nguyên tác, loại bỏ các sai lệch của dị bản đối với một số tác phẩm, bổ sung hệ thống chú giải, kèm theo những lời bình dưới góc nhìn mới của các nhà chuyên môn...

Trong quá trình biên tập, xuất bản, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của Quý vị độc giả, các nhà nghiên cứu... để xây dựng *Tủ sách Khuê Văn* ngày một phong phú hơn với nhiều tác phẩm có giá trị.

Các góp ý về sách, gợi ý về bản thảo vui lòng gửi đến: publication@iamsong.vn

Trân trọng cảm ơn!

— BAN BIÊN TẬP

LỜI GIỚI THIỆU

Tiểu thuyết đầu tay *Tắt đèn* là một tác phẩm thành công nhất, có giá trị nhất của nhà văn Ngô Tất Tố, là một trong các tác phẩm xuất sắc nhất trong dòng văn hiện thực của văn chương nước ta giai đoạn 1930-1945.

Chỉ vài năm sau ngày nền giáo dục mới của nước ta chính thức định hình, từ năm 1958, *Tắt đèn* đã được trích giảng trong các trường phổ thông và từ năm 1960, *Tắt đèn* cùng thân thế và sự nghiệp của nhà văn Ngô Tất Tố bắt đầu giảng dạy ở bậc đại học.

Sau lần in thành sách đầu tiên, hầu hết những lần in *Tắt đèn* tiếp theo của các nhà xuất bản trên cả nước từ trong Nam ra ngoài Bắc, từ các địa phương đến các nhà xuất bản lớn ở trung ương, đều thấy có những sai lệch khi đối chiếu với nguyên tác.

Điều đáng chú ý là những sai lệch như vậy đã lặp lại qua hơn 100 lần tái bản *Tắt đèn* hơn nửa thế kỷ qua, đã

xuất hiện ngay trong các tuyển tập, toàn tập tác phẩm của tác giả, các sách “vàng”, các tập sách chọn lọc dùng trong nhà trường... cũng như trong các lần tái bản do những nhà nghiên cứu văn học biên soạn, bởi lẽ lần tái bản sau cứ tiếp tục dựa vào nội dung vốn đã có nhằm lần trước đấy rồi sao chép in lại mà không được thẩm định, chỉnh sửa.

*

Tháng 9 năm 1936, trên báo *Tương lai* xuất hiện truyện ngắn *Một ổ chó và một đứa con* đứng tên Thôn Dân, một bút danh của nhà văn Ngô Tất Tố.

Cũng trên báo *Tương lai* số 10 ngày 1-4-1937 có đăng quảng cáo “*Dân cày* của Ngô Tất Tố là cuốn xã hội tiểu thuyết đầu tiên của *Tương lai thư cục*”.

Bạn đọc chưa kịp thấy sách *Dân cày* như quảng cáo thì trên báo *Việt nữ*, từ số 1 ngày 1-8-1937 đến số 10 ngày 8-10-1937, đã đăng liên tiếp nội dung *Tất đèn* có ghi rõ là “tiểu thuyết xã hội của Ngô Tất Tố”.

Đầu năm 1939, “*Nhà Mai Lĩnh*”, lần đầu tiên in *Tất đèn* thành sách, đầu sách đề: “Số đặc biệt Tiểu thuyết Nhật báo – số 199”, cuối sách ghi: “Sách này in 3.000 cuốn xong ngày 1-2-1939”.

Trong bài “Giới thiệu” ghi ngày 25.1.1939, in ngay từ những trang đầu của sách, nhà văn Vũ Trọng Phụng viết:

“*Tắt đèn* là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội, một áng văn có thể gọi là kiệt tác tòng lai chưa từng thấy” và khẳng định: không ai khác, chính Ngô Tất Tố là người có “đủ tư cách” và “đủ thẩm quyền” để viết *Tắt đèn*. Bạn đọc và giới nghiên cứu... thường tiếp cận toàn văn lời giới thiệu này đăng trên báo *Thời vụ* số 100 ngày 31-1-1939 mà ít biết rằng: người trực tiếp viết lời giới thiệu ngay trên sách in lần đầu tiểu thuyết đầu tay của nhà văn Ngô Tất Tố chính là nhà văn Vũ Trọng Phụng.

Cùng thời với lời bình của nhà văn Vũ Trọng Phụng, cũng có những đánh giá ưu ái về *Tắt đèn*. “*Tắt đèn*! Tôi đã bật đèn lên đọc hết cuốn truyện ấy rồi. Trong nửa giờ. Hay lắm! Nên đọc. Trong rừng văn, một cuốn tiểu thuyết như thế, thực hiếm” (T.L. – Báo *Thời vụ* – 1939). “*Tắt đèn* đứng vào hàng những cuốn tiểu thuyết tả chân có giá trị trong văn chương Việt Nam. Tôi không chắc sau này có cuốn nào hơn nó không, nhưng tôi dám quyết trước nó chưa có cuốn nào” (Hoài Xuân – Báo *Con ong* – 1939).

Năm 1952, *Tắt đèn* in lần thứ hai do Nhà xuất bản Mai Lĩnh tái bản tại Hà Nội. Sách không in phần “Giới thiệu” của nhà văn Vũ Trọng Phụng.

Liên tiếp trong các năm 1955 và 1957, với lời giới thiệu tâm huyết của nhà văn Nguyễn Hồng, *Tắt đèn* được in lần thứ ba (Nhà xuất bản Văn nghệ) và lần thứ tư (Nhà xuất bản Văn hóa).

Năm 1960, Nhà xuất bản Văn hóa (Viện Văn học), tái bản *Tắt đèn* lần thứ năm. Năm 1962 *Tắt đèn* được tái bản lần thứ sáu với lời giới thiệu đặc sắc và uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân...

Năm 1973, giữa Sài Gòn, *Tạp chí Văn* in truyện ngắn *Người hay chó* trích từ *Tắt đèn*. Năm 1976, Nhà xuất bản Văn nghệ Giải phóng cho tái bản ngay *Tắt đèn*... Theo thống kê chưa đầy đủ, trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, *Tắt đèn* đã được hơn 30 nhà xuất bản trong cả nước và nước ngoài xuất bản, tái bản hơn 100 lần, lần in nhiều nhất tới 5 vạn (1977) hoặc 8 vạn bản (năm 1984). *Tắt đèn* là tiểu thuyết sớm được dịch ra tiếng nước ngoài. *Tắt đèn* được dịch sang tiếng Nga (1958), tiếng Pháp (1959), tiếng Anh (1960) và tiếng Hung-ga-ri (1984).

*

Nguyên tác lần in đầu tiên, nội dung *Tắt đèn* chia thành 27 phần, được ghi theo thứ tự bằng chữ số La Mã và tác giả không đề “chương” trước các chữ số.

Sau đó, các lần tái bản *Tắt đèn*, hầu hết đều có sai lệch so với cấu trúc của nguyên tác là đã ghép phần 13 với phần 14, phần 17 với phần 18. Sai lệch về cấu trúc như vậy đã lặp lại qua hàng loạt lần tái bản *Tắt đèn*. Một số sách tái bản lại thêm chữ “chương” vào trước các chữ số của từng phần, là điều không có trong nguyên tác.

Nhiều ngôn từ, nhiều phần câu... tác giả viết trong nguyên tác *Tắt đèn* đã bị biên tập của hàng loạt nhà xuất

bản làm sai lệch đi, thậm chí sai đến ngớ ngẩn và trở nên vô nghĩa. Nghiêm trọng hơn là nhiều chỗ trong tiểu thuyết đã bị cắt xén, nhất là những phần tác giả viết về sự chống đối quyết liệt, gìn giữ nhân cách của chị Dậu trước hành vi đồi bại của lão Phũ Tư Ân và quan cố. (Xin xem giải trình chi tiết trong nội dung tiểu thuyết *Tắt đèn* được khôi phục đúng nguyên tác in trong sách này).

Không giống như lời giới thiệu trong sách *Tắt đèn* của nhiều nhà xuất bản:

– Truyện ngắn *Một ổ chó và một đứa con* đăng trên báo *Tương lai* năm 1936 đã được tác giả chỉnh sửa làm hai phần (phần V và VI) khi in thành sách chứ không phải thành một “chương”.

– Chỉ có phần VIII đăng trên báo *Việt nữ*, thuật chuyện “cái Tý về nhà được chữa chạy các vết thương do bị ăn đòn từ nhà Nghị Quế” đúng là đã không được dùng khi in thành sách, nhưng nội dung trước phần này đã được tác giả chỉnh sửa thành phần XX của nguyên bản in các lần đầu.

*

Hầu hết các thế hệ học sinh phổ thông, các tầng lớp công chúng đã từng cắp sách tới trường hơn nửa thế kỷ vừa qua ở nước ta đều biết đến *Tắt đèn* và tác giả Ngô Tất Tố.

Tất đèn đã ra đời giữa làng quê và ở tòa soạn báo ngoài Hà Nội. Ngôi nhà tác giả viết *Tất đèn* tại quê hương đã không còn từ gần năm mươi năm nay. Trên nền đất của ngôi nhà xưa đã xây dựng trang trọng nơi thờ tự, nơi đây đã được gắn biển Di tích lịch sử và cách đây không xa là nơi yên nghỉ của tác giả *Tất đèn*.

Trên cơ sở tôn trọng và bảo vệ vĩnh viễn, “vô thời hạn” “sự toàn vẹn của tác phẩm”, “không cho người khác sửa chữa cắt xén... tác phẩm” như các quy định về bảo hộ quyền nhân thân thuộc quyền tác giả, kết quả khảo cứu những tư liệu gốc đã sưu tầm được về tiểu thuyết *Tất đèn* đòi hỏi phải nêu lại cho rõ, sửa lại cho đúng những sai lệch đã phát sinh và lưu tồn hơn nửa thế kỷ nay của những người biên tập cũng như một bộ phận giới nghiên cứu phê bình văn học khi làm sách *Tất đèn* của các nhà xuất bản.

Khác với hơn 100 lần tái bản tiểu thuyết *Tất đèn* trước đây, trong tập sách này, xin giới thiệu cùng bạn đọc nội dung chính xác nguyên tác tiểu thuyết *Tất đèn* theo đúng cấu trúc, cách hành văn và ngôn từ... của tác giả có kèm theo những ghi chú nhằm chỉnh sửa và cải chính những sai lệch của hàng loạt lần tái bản vừa qua cùng khối lượng lớn các chú giải và biên khảo các phụ lục liên quan trực tiếp đến các phần trong tiểu thuyết.

Khôi phục đúng như bản gốc, đảm bảo chính xác nguyên tác tiểu thuyết *Tất đèn* là yêu cầu hàng đầu trong biên soạn. Những điều nghi vấn, các lỗi nhà in, những chỗ

cần làm rõ ý hoặc có thể là không giống như cách diễn đạt hiện nay, sau khi tra cứu, xin lưu ý bạn đọc bằng các ghi chú.

Chúng tôi kính mong nhận được sự góp ý phê bình của bạn đọc để chỉnh sửa và bổ sung cho các lần in sách tiếp theo.

NHÓM SƯU TẦM, KHẢO DỊ, CHÚ GIẢI

I.

Bắt đầu từ gà gáy một tiếng, trâu bờ lục tục kéo thợ cày¹ đến đoạn đường phía trong điểm tuần.

Mọi ngày, giờ ấy, những con vật này cũng như những người cổ cày, vai bừa kia, đã lần lượt đi mò ra ruộng làm việc cho chủ. Hôm nay, vì cổng làng chưa mở, chúng phải chia quăng đứng rải rác ở hai vệ đường, giống như một lũ phu cờ chờ đón những ông quan lớn.

Dưới bóng tối của rặng tre um tùm, tiếng trâu thờ hì hò², tiếng bò đập đuôi đen đét, xen với tiếng người ho khạc³ khúng khắng.

Cảnh tượng điểm tuần thành linh hiện ra trong ánh lửa lập lòe của chiếc mỗi rơm bị thổi. Cạnh dãy sào, giáo

1. Có bản in sai thành “trâu cày”.

2. Nhiều lần tái bản in là “phì phò”.

3. Có bản in mất chữ “ho” hoặc in sai thành “người khác”.

Tất cả chú thích trong bản in lần này đều của nhóm sưu tầm, khảo dị, chú giải (Cao Đắc Điểm & Ngô Thị Thanh Lịch).

ngà nghiêng dựng ở giáp tường, một lũ tuần phu lỗ nhỏ ngồi trên lớp chiếu quần què. Có người phì phò thổi môi. Có người vè môi thuốc và chìa tay chờ đón điều dóm. Có người há miệng ngáp dài. Có người dang hai tay dụi mắt. Cũng có người còn gối đầu trên cái hiệu sừng trâu, ngành mặt vào vách mà ngáy.

Cái điều cày và cái dóm lửa bị năm, sáu người chuyên tay, chiếu đi, chiếu lại độ vài ba vòng, ánh lửa lại tắt, trong điểm chỉ còn tiếng nói chuyện râm râm.

Gà gáy giục. Trời sáng mờ mờ.

Trâu bò, con đứng, con nằm, thi nhau quai hai hàm răng nhai trấu sông và nhả ra những cục nước bọt to bằng cái trứng.

Thợ cày khắp lượt dùng bấp cày, vai cày làm ghế ngồi, cùng nhau bàn tán băng quơ về chuyện sưu¹ thuế.

Những con chèo bẻo chèo choẹt hót trên ngọn tre, như muốn họa lại khúc ca réo rắt, mà người quê vẫn gọi khúc “váy cô, cô cời” – của mấy con chào mào đậu trên cành xoan, đon đả chào² vẻ tươi đẹp của cảnh trời buổi sáng.

1. Sưu: Là khoản tiền mà nam giới, dân thường từ 18 đến 60 tuổi buộc phải nộp cho nhà nước thời phong kiến, cũng gọi là thuế đinh, khác với thuế điền là thuế đất.

2. Hầu hết các bản in sau năm 1954 đều thiếu hẳn bảy chữ: “đậu trên cành xoan, đon đả chào”.

Toang cổng¹ vẫn đóng chặt. Tuần phu lại lần lượt thổi mỗi hút thuốc lào.

– Ông Trương² ơi, ông làm ơn mở cổng cho tôi đánh trâu ra đồng. Mọi ngày bây giờ tôi đã cày được ba sào ruộng rồi. Hôm nay bây giờ còn nhong nhóng ở đây... Phòng chừng từ giờ đến trưa, cày sao cho xong cái ruộng mẫu hai? Thôi, ông làm phúc, làm đức...

Sau tiếng năn nỉ của anh chàng cục mịch, vai vác cày, tay cầm thùng trâu, Trương tuần quảng cái điều cày xuống đất, thở nốt khói thuốc trong miệng, rồi giương đôi mắt say thuốc lơ đãng:

– Nay chẳng xong thì mai! Ông Lý³ đã bảo thuế còn thiếu nhiều, không cho một con trâu, bò nào ra đồng hết thảy....

– Thưa ông, ông chủ tôi nóng tính lắm kia! Ông ấy đã dặn buổi nay phải cày cho xong ruộng ấy, nếu không xong, đến trưa về ăn cơm, ông ấy mắng như tát nước và nói như móc cơm ra... Chớ tôi có muốn vất vả vào mình

1. Toang cổng: Là cái then to cùng với nệm cái phía trong, chèn ngang giữ khít hai cánh cổng. Nhiều bản in sai là “trong cổng”.

2. Ông Trương: Chỉ Trương tuần, là người trông coi việc tuần tra, canh gác và cai quản tuần phu ở các làng thuộc Bắc Bộ thời phong kiến, thực dân.

3. Ông Lý: Chỉ lý trưởng, là người đứng đầu trông coi việc hành chính của bộ máy thống trị ở các làng thuộc Bắc Bộ thời phong kiến, thực dân.

làm gì? Vả lại, ông Lý sai tuần đóng cổng, cốt để bắt trâu, bắt bò của những người thiếu thuế kia chứ! Ông chủ tôi nộp thuế đã từ hôm qua rồi, xin ông mở cổng cho tôi...!

Trương tuần nhăn mặt:

– Tôi không phải tộc biểu¹, không phải phần thu², biết đếch đâu ông chủ anh nộp thuế rồi hay chưa nộp. Bây giờ mở cổng cho anh, chốc nữa ông Lý ông ấy chửi cha tôi lên, anh có nghe hộ tôi không?

Anh chàng cục mịch lúi thủi đánh trâu gồng cày lúi xuống, để nhường khu đất trước điểm cho người khác vác bừa và đuổi trâu lên.

– Người ta trâu của nhà, ông chẳng cho thì chớ. Đây tôi trâu thuê... đồng hai một buổi đây³, ông ạ. Xin ông lượng tình mà ngó cổng cho tôi ra đồng, kéo trưa quá mất rồi.

Người ấy nói tuy thiết tha, Trương tuần chỉ đáp lại bằng cái lắc đầu:

– Nếu trưa thì bừa luôn đến chiều. Trâu thuê sợ gì!

– Thế được thì còn nói chuyện gì nữa! Của một đồng tiền, ai để cho mình ộp nó đến chiều! Chỉ đến non trưa, ông chủ có trâu cho thuê đã ra tận ruộng tháo vai trâu và dắt trâu về, muốn bừa thêm một nửa đường nữa, người ta cũng không cho, ông ạ. Thôi! Mùa làm ăn, ông nghĩ lại...

1. Tộc biểu: Người thay mặt cho một họ trong hương hội.

2. Phần thu: Người được giao việc thu thuế.

3. Nguyên tác là “đây”, nhiều lần tái bản in sai là “đáp”.

– Tôi chẳng nghĩ lại, nghĩ đi gì cả! Bớ tôi sống lại, bảo tôi mở cái cổng này bây giờ, tôi cũng xin chịu, đừng nói anh...

Người ấy lại vác bừa, đưa trâu trở lại chỗ cũ với cái sắc mặt thiu thiu.

Mặt trời ngấp nghé mặt lữ, muốn nhòm vào điểm. Tuần phiên lẻ tẻ vác sào, cấp chiếu, đeo hiệu đi về. Trong điểm chỉ còn Trương tuần đuổi gỏi kiêu gọng bừa, ngồi trên chiếc chiếu điểm những tro mỗi, bã diều, đóc suất mấy tên đàn em ở lại canh ngày.

Xa xa nẻo trong đình, một hồi mõ cá¹ thật dài tiếp luôn đến trống ngũ liên² nên đủ ba hồi chín tiếng.

Như có vẻ kinh ngạc về những thứ hiệu lệnh dữ dội, mấy con trâu bò đang nằm còng queo trên đường, đồng thời lóp ngóp đứng dậy.

– Mẹ cha chúng nó! Hôm nay vẫn chưa đóng thuế, chúng nó định để tội vạ cho ai! Được! Cứ bướng đi, ông thì bắt hết trâu bò! Bán ráo!...

Tiếng chửi om sòm như giục mấy chục cặp mắt ngơ ngẩn của bọn thợ cày đều phải nghiêng về phía đình. Ông Lý rách cặp cuốn sổ, một tay cầm gậy song, một tay xé

1. Mõ cá: Dụng cụ làm bằng tre, gỗ, lòng rỗng (hình con cá) để báo hiệu, phát lệnh.

2. Ngũ liên: Tiếng trống liên tiếp, dồn dập, mỗi nhịp năm tiếng, để thúc giục hay báo động khẩn cấp.

đôi ống quần móng lợn, vừa đi ra phía điểm tuần vừa thét mắng những người chậm thuế.

Đã năm hôm nay, nghĩa là sau khi bài bố¹ trình phủ² đã được giao về với một chữ “y”, Lý trưởng Đông Xá ngày nào cũng vất vả về thuế.

Đầu tiên hắn còn cho mõ đi rao. Rồi đến tộc biểu, phần thu đi hỏi. Rồi đến đầy tớ của hắn đưa đầy tớ Chánh tổng³ đi thúc từng người. Trong năm ngày nay, ngày nào cũng vậy, mõ cá, trống thúc liên hồi, hiệu ốc, hiệu sừng thổi inh ỏi. Suốt từ sáng sớm cho đến tối mịt, trong làng lúc nào cũng như đám đánh cướp. Bây giờ đã gần đến ngày đổ thuế, công việc càng gấp. Hôm qua hắn đã lên phủ, xin với ông phủ phái cho một người cai lệ⁴ và hai người lính cơ⁵ về làng để trừng trị những kẻ buống binh. Nhờ có cái thần thế ấy, hắn mới chửi rủa, thét mắng khắp làng cho oai.

Thợ cày và tuần phu đều biết cái hách dịch của ông Lý, ai nấy chỉ đáp lại những câu chửi chùm chửi lộp bằng sự nín im.

1. Bài bố: Đã sắp đặt và phân chia các phần bắt buộc phải đóng góp.

2. Phủ: Đơn vị hành chính thời phong kiến, cấp cao hơn huyện, tuy đều trực tiếp dưới tỉnh.

3. Chánh tổng: Người đứng đầu bộ máy chính quyền một tổng (gồm nhiều làng) thời trước ở Bắc Bộ.

4. Cai lệ: Kẻ chỉ huy bọn lính lệ ở các phủ, huyện, thời phong kiến.

5. Lính cơ: Thuộc loại lính mộ địa phương, thời này chủ yếu là giữ nhiệm vụ canh gác, phục dịch, hầu hạ các chức quan lại.

Trâu, bò nhiều con vẩy tai như muốn chào một người chúc việc chăm chỉ phận sự trong khi người ấy qua trước mặt chúng.

Bước lên sàn điểm, Lý trưởng quăng tạch cuốn sổ xuống bàn, giơ tay chỉ vào mặt mấy tên đàn em:

– Hiệu không thôi, để làm sỏ bố chúng bay à?

Một hồi tu tu đồng thời nổi lên, hiệu sừng xen với hiệu ốc cố theo cho đúng mệnh của “nhất lý chi trưởng”.

Đập hai bàn chân vào nhau, giũ cho sạch bụi, rồi co chân lên ngồi vào chiếu, Lý trưởng vợ luôn lấy cái điều cày và sai tuần phu lấy đóm, thôi lửa.

Mấy anh thợ cày của những điền chủ đã nộp đủ thuế, bạo dạn tiến đến trước mặt ông Lý:

– Thưa ông, trưa lắm rồi! Xin ông cho tuần mở cổng để chúng tôi đánh trâu đi cày!...

– Thông thả! Hãy đứng đấy! Cày đã nóng bằng thuế của Nhà nước à?

Vừa nói, Lý trưởng vừa đặt mỗi thuốc vào điều, hút luôn một sạp¹ ba điều. Khói thuốc theo hai lỗ mũi tuôn ra như hai ngà voi, Lý trưởng đồng dục:

– Trương tuần, anh bảo tuần nó mở cổng ra. Nhà nào đủ thuế thì cho trâu bò ra đồng. Còn nhà nào thiếu thì bắt trâu bò điệu cả về đình cho tôi, để tôi liệu cho chúng nó!

1. Một sạp: Một lèo (có ý hút ngấu nghiêng thô tục).

Sau một tiếng dạ của Trương tuần, mấy tên đàn em loay hoay tháo nê, rút then cổng. Rồi cùng đứng choãi chân chèo, cố lấy hết sức của lực điền, họ kéo mãi mới được hai bức cánh lim bị sứt xuống gạch vì cối cổng¹ đã mòn nhiều quá. Lý trưởng đứng lên mở sổ xướng tên những người đủ thuế cho Trương tuần nghe. Ước chừng mười con trâu bò được đi với bọn thợ cày cùng ra ngoài cổng. Còn độ hai chục con nữa đều phải vâng lệnh ông Lý, theo gót Trương tuần và tuần phu lũ lượt kéo vào sân đình, chò khi phải chịu tội thay cho chủ.

1. Cối cổng: Thường làm bằng đá, hình cái cối, chôn sát tường cổng, giữ đứng cánh cổng thay cái “bản lề”.

II.

Mỗ cá trên cột đình lại há miệng nhận những cây dùi giận dữ. Trống cái dưới xà đình lại lì mặt chịu những cái nện phũ phàng. Vừa dứt hồi vang của tiếng mõ, tiếng trống bị những lũy tre ngăn cản phải lật trở lại. Lý trưởng liệng dùi trống xuống sân đình và quát một cách ra dáng, ra phết:

– Từ sáng đến giờ vẫn chưa đem chiếu ra trải thì cha nó ngồi vào đâu? À cái thằng Mới¹ láo thật! Xong thuế rồi ông tổng cổ...

Mẹ Mới ở phía sau đình lếch thếch ôm mấy chiếc chiếu đặt lên sàn đình:

– Bẩm ông, hôm qua ông dặn bố nó nhà con sáng nay phải đi chợ sớm.

– Trải ra! Rồi đi gọi các ông phần việc đến đây!... Kênh dênh! Kênh dênh! Bố người ta đẩy mà hôm nào cũng

1. Thằng Mới: Thằng mõ.

bắt người ta phải mời... Chẳng qua việc là việc làng, chứ việc riêng nhà ai!... Ngày mai không đủ thuế thì ông khai hết ra cho, thử xem thằng nào ngồi tù?

Đằng sau có tiếng léo xéo:

– Làm gì mà gắt gỏng dữ thế ông Lý? Bà cháu bận đi mang cơm thợ cày, tôi phải nấu chín nồi cám cho lợn sề nó ăn. Vì nó mới đẻ, sợ bỏ đói quá thì nó mất sữa rồi con nó xấu. Bởi thế tôi mới chậm ra một chút, chứ có kệnh dệnh gì đâu!

Những câu phân trần tha thiết kéo dài từ ngoài đường vào đến giọt đình¹. Thủ quỹ nhanh nhẩu bước lên thềm đình với cái tráp sơn đen bệ vệ cấp ở sườn tay phải. Lý trưởng vội vàng nói chữa:

– Tôi nói là nói người khác kia! Chứ ông... nhà neo, lắm việc, tôi có trách gì ông đâu... Kìa các ông ấy đã ra cả kia!

Chương bạ² ôm ống sổ³ và một tập sổ đi đầu một bọn độ hơn mười người. Thư ký lồng khăn xếp vào cánh tay. Phó lý quần áo thâm trên cổ. Chánh hội⁴ vắt áo the bên

1. Giọt đình: Nơi trước hiên đình, chỗ những giọt nước chảy từ trên mái đình xuống.

2. Chương bạ: Người giúp việc trông coi sổ sách cho Lý trưởng.

3. Ống sổ: Cái ống thường làm bằng tre hoặc gỗ dùng để đựng sổ sách hay giấy tờ quan trọng.

4. Chánh hội: Người đứng đầu Hội đồng Hương chính ở thôn quê Bắc Bộ dưới chế độ cũ.

vai, năm sáu ông kỳ cựu và tộc biểu lật xệt kéo đôi guốc đã mòn hết gót. Cả bọn lật đặt tiến từ xóm giữa vào đình. Ai nấy trụt guốc cầm tay, nhảy lên sàn đình, dứt guốc vào dưới gậm chiếu rồi ngồi lên trên.

Con vợ thằng Mới cung kính đệ lên bên cạnh cột đình một cái điều đàn¹ đựng trong một chiếc bát gỗ đánh đai bằng lạt và cái mỗi rơm dài chừng một sải. Hai đứa con nó kì kệt khiêng lên chỗ đó nôi nước chè khô mới nấu, khói đương bốc lên nghi ngút và chổng bát đàn sơn bằng những cái nước chè.

Chánh hội vừa khơi mào nói về chuyện thuế thì người nhà Lý trưởng lễ mễ bưng một bộ khay đèn thuốc phiện rước Chánh tổng từ nẻo xóm dưới đi lên. Ông Cai lệ và hai ông lính cơ hộ tổng cụ Chánh vào trước cửa đình. Trong đám đông, mỗi người một câu:

- Cụ đã ra!
- Lạy cụ.
- Xin mời cụ lên trên.

Chánh tổng khoan thai bỏ giày, bước qua một dãy chiếu dưới, để lại mặt chiếu hai hàng dấu chân đầy cát bụi, rồi vắt vèo ngồi lên chiếc chiếu trên cùng. Bộ khay đèn tự tay người nhà Lý trưởng sang tay cai lệ, lên nằm làm bạn với “quan trong hàng tổng”.

1. Điều đàn: Cái điều làm bằng đất nung có tráng men hạng xấu.

Ngay từ sáng sớm, cụ Chánh đã có điểm tâm độ vài chục điều ở nhà Lý trưởng, cho nên cụ rất tỉnh táo. Nghiêm nghị, cụ lên giọng kẻ cả:

– Các ông chức việc làng này thật lười quá. Hôm nay mà thuế còn thiếu be thiếu bét, chưa thu được một nửa bài chi¹? Tôi hạn từ giờ đến tối phải thu cho đủ. Nếu không đủ, sáng mai tôi phải trình quan.

Lý trưởng đón:

– Vâng! Xin cụ thúc giục đi cho! Chứ mấy hôm nay các ông ấy cứ ì ra đó, chẳng ông nào chịu ra miệng ra tiếng... thì phỏng ai nộp cho?

Mọi người đều im lặng. Không phải sợ câu dọa nạt của Chánh tổng, Lý trưởng, họ còn mãi nhìn ra cổng đình.

Thằng Mới kịu kịt trên vai chiếc đòn gánh treo hai chiếc quang. Đằng trước là một xanh vừa gan, vừa phổi, vừa tiết để trên rõ lòng. Đằng sau thì một thúng thịt lợn.

Lững thững ở ngoài tiến vào, nó đặt quang gánh xuống sân đình, và mời ông Lý ra xem.

– Bẩm ông, hôm nay thịt đắt, tất cả hết sáu đồng rưỡi.

Ông Chánh hội, ông Thủ quỹ và nhiều ông khác cùng đổ xô ra. Ai nấy đều bĩu môi chê đắt, Chánh tổng nằm trong giữa đình nói ra:

1. Bài chi: Giấy kê số tiền sưu thuế của các dân đình trong làng.

– Đắt với rẻ, chẳng qua cũng của mấy đứa phụ canh¹, các ông có mất gì đâu! Thôi, để cho nó đem về làm đi, trưa lắm rồi!

Thằng Mới mừng rỡ lại cất quang gánh lên vai. Lý trưởng dẫn theo:

– Phải đánh mỗi mâm một bát tiết canh, mày nhé!

Rồi mọi người cùng lên sán đình², bắt đầu nhúng tay vào việc.

Lý trưởng quăng cuốn sổ điền³ ra chiếu và bảo Thư ký:

– Ông đọc cho các ông kia tính, xem rằng chủ nào bao nhiêu... chủ nào bao nhiêu... rồi biên ghi vào mảnh giấy. Tính những chủ chưa nộp đồng nào ấy thôi.

Thủ quỹ mở tráp lấy ra cái bàn tính, cái bút chì và một tờ giấy tây, rồi đưa bàn tính cho ông Lý cự:

– Ông tính ta, tôi tính tây⁴, rồi cùng kháp lại, hễ hai đằng mà không sai nhau là đúng.

Một người đàn bà rón rén bước vào sán đình với một chuỗi tiền trinh trong tay:

1. Phụ canh: Là việc cấy cấy trên ruộng của làng mình do người làng khác sang làm.

2. Nguyên tác là “sán đình”, nhiều lần tái bản in sai thành “sân đình”.

3. Sổ điền: Sổ ghi ruộng đất.

4. Tính ta, tính tây: Cách tính theo chữ quốc ngữ và theo chữ Hán.

– Lay cụ Chánh, lay các cụ ạ...

Bên bàn đèn, một cậu lính cơ ngẩng cổ lên, quát:

– Làm gì mà đến hôm nay mới đem nộp thuế? Lại còn vác những Khải Định¹ ra đây! Ai lấy cho?

Lý trưởng gạt đi:

– Người nhà tôi đây... Các ông tính giùm, xem của bà ấy có bao nhiêu ruộng tất cả.

Thư ký giở sổ, đọc:

– “Nguyễn Thị Quý điền dĩ hạ²: nhất sở Đồng Bắc xứ bảy sào chín thước, nhất sở Đồng Cá xứ sáu sào ba thước hai thốn...”³.

Lý cự vừa gẩy con toán lách tách vừa nhẩm:

– Nhất ngũ như ngũ, nhị ngũ nhất thập chi, tam ngũ nhất thập ngũ...⁴

Thủ quỹ chăm chú để hai con mắt vào mảnh giấy

1. Khải Định: Ý nói những đồng tiền có đúc tên vua Khải Định

2. Điền dĩ hạ: Ruộng liệt kê dưới đây.

3. Sào, thước, thốn: Thốn hay tấc, là đơn vị đo diện tích ruộng đất cũ bằng một phần mười của thước. Một thước bằng 24 mét vuông (thước Bắc Bộ) hoặc 33 mét vuông (thước Trung Bộ). Sào Bắc Bộ có 15 thước bằng 360 mét vuông. Sào Trung Bộ bằng 495 mét vuông.

4. Nhất ngũ như ngũ, nhị ngũ nhất thập chi, tam ngũ nhất thập ngũ: Cách tính cửu chương theo Hán học, tương tự như cách tính: một năm là năm, hai năm là mười, ba năm mười lăm...

tây dưới ngọn bút chì. Một hồi sau, Thư ký đọc hết, Lý cự hỏi:

– Có phải ba mẫu bốn sào năm thước ba thốn hay không?

Thủ quỹ đáp:

– Không biết. Bây giờ tôi mới tính. Cộng bằng tính tây vẫn chậm hơn tính ta. Ông phải biết thế.

Thị Quý nói theo:

– Vâng! Ông tính kỹ cho. Ruộng nhà cháu có dâu mà được ba mẫu!

Một hồi nữa, Thủ quỹ hì hục với cây bút chì, rồi ngẩng lên mắng thị Quý:

– Bà nói lạ! Bốn mẫu hai ruộng cả thảy, sao dám bảo không được ba mẫu!

Thị Quý thề sống thề chết:

– Cháu có ăn gian thì trời không chứng! Thật quá ruộng nhà cháu chỉ có hai mẫu bảy sào...

Lý cự, Thủ quỹ cùng xô lại dồn thị Quý. Người đàn bà nhất định không chịu. Cái bàn tính và cái bút chì phải làm việc thêm nhiều lần nữa.

Chánh tổng sốt ruột, giục Lý trưởng:

– Ai tính cứ tính, ai đi đốc cứ đi đốc. Chứ xúm nhau ở cả đây, thì đến tết cũng không thể thu xong thuế.

Lý trưởng lấy làm phải, liền sai mấy tên gia nhân đi đưa các ông lệ, lính cơ, đầy tớ Chánh tổng vào khắp những nhà cùng đinh¹ và dặn:

– Đứa nào chưa có sưu hay chưa có thuế thì cứ trói cổ lại và điệu ra đây, để tôi cho chúng nó một mẻ.

Mỡ lại thúc, trống lại giục, tù và lại inh ỏi thối lên. Ánh nắng gắt rút chiếu đến nửa sân đình. Mấy con trâu, bò vẫn nằm gò lưng dưới những gốc gạo, gốc đa, hơi thở trong cổ họng kéo ra hồng hộc.

1. Cùng đinh: Người đàn ông thuộc tầng lớp nghèo khổ và bị khinh rẻ nhất ở nông thôn thời trước.

III.

Nếp nhà tranh lùn cùn nấp dưới rặng tre là ngà, lạng lẽ úp lấy khu đất dề¹ thành và kín đáo nấu trong một xóm cuối làng Đông Xá, đứng xa ngó lại, có thể lầm với nơi nhốt lợn hay chứa tro, đó là nhà của Nguyễn Văn Dậu.

Với tầm cao gần xế mặt thành, dãy mái hiên cườm cượp nhòm ra ven thành, luôn luôn phạt kẻ ra vào bằng những cái cọc bươu đầu choáng óc, nếu họ quên không cúi đầu.

Với lớp rêu xanh điểm những lá tre vàng úa và những cỏ gấu phát phơ, cái sân đất rộng bằng đường bừa, lỗ chỗ vết chân chó xen vết chân người, vừa làm đường đi, vừa làm khu vực hoãn xung phòng bị những lúc mưa rào, đất ở chân thành khỏi lở vào thềm và cửa.

Bao nhiêu bộ phận cần có của một gia đình, đều được thu vào trong nhà.

1. Dề: dìa, ven.

Nhà cất theo lối kiến trúc phổ thông của các cụ, toàn thể gồm có một chái và hai gian.

Gian đầu là buồng.

Bức màn rách mép lướt thướt rủ ngoài cửa buồng, cũng như bức phen nan nửa sừng sững chắn ngang lòng nhà, đều hết sức giữ cho trong buồng có vẻ bí mật. Trái lại, những khe hở ở cạnh cửa và những lỗ thủng ở chân phen lại cũng ra ý phô sòng, như muốn khai rằng: ngoài chiếc giường tre gãy giát, kê giáp bức bụa¹, trong này có một lũ chum mẻ, vại hàn, chen nhau đứng bên cạnh đồng đất hang chuột.

Đối với buồng ấy là bếp đun, cảnh tượng lại càng bề bộn.

Dưới từng mái chái thấp hẹp, những luồng ánh sáng xanh tía, thông thống kéo thẳng từ nóc đến nền, cố hun cho khô những chỗ đêm qua mưa dột.

Cạnh bó củi dong ẩm ướt, đoàn vung sứ miệng hênh hênh nằm giữa trong những cái rế tre, như muốn cười với lũ niêu đất thư nhàn, lông lốc lẩn nghiêng lẩn sắp.

Trên bãi tro trấu tanh bành, nguội lạnh, mấy hòn gạch vỡ chầu đầu vào nhau, nghiêng mình nằm theo thế chân vạc, đương chờ đến lúc đội nổi.

Kế đó đến bàn thờ.

1. Bức bụa: Bức vách trát bùn trộn rơm.

Chiếc ngưỡng tre uốn lưng gù gù đỡ lấy một bộ đồ tre, đồng dặc đứng ra hình chữ “môn” và hộ vệ cho một mớ nan tre lành phành long bựt, giường thờ giống như cái chạn đựng bát, lơ lửng gác giữa khoảng cột của bếp và buồng.

Tờ giấy xanh lạnh lừng phủ ngoài vách đất tỏ rằng nhà mới có tang.

Nhưng, mớ mạng nhện chằng chịt quẩn trên đám chân hương lơ thơ, lại làm chứng cho một thời gian khá lâu, chủ nhân không hề cúng lễ.

Rồi ở giữa nhà, chiếc chiếu rách thùng xộc xệch phủ trên tấm phản long đình.

Rồi ở dưới phản, mấy con chó con đòi ăn, ăng ăng kêu không dứt tiếng.

Và ở ngoài hiên, quang gánh, liềm, hái xen với yếm, áo, váy, quần, loi thoi rù suốt mấy gian đuổi.

Trong tay bồng đứa con gái hai tuổi, chị Dậu thơ thần ngồi trên chiếc chõng long nan. Cái nhanh nhẩu của đôi mắt sắc ngọt, cái xinh xắn của cặp môi đỏ tươi, cái mịn màng của nước da đen giòn và cái nuốt nà của người đàn bà hai mươi bốn tuổi, vẫn không đánh đổ những cái lo phiền buồn bã trong đáy tim. Nét mặt rầu rầu, chị im lặng nhìn sự ngoan ngoãn của hai đứa con nhỏ.

Cái Tý và thằng Dần đương hí hục bới đồng rễ khoai tìm những củ mập, củ dây, bỏ vào trong rổ. Chúng nó

mừng reo hí hửng khi thấy một củ nguyên lành, và chúng nó cãi cọ lâu nhàu khi lục mãi chẳng được gì cả.

Mặt trời gần đến đỉnh đầu.

Ánh nắng xuyên qua lũy tre chiếu xuống trước thềm
khoang khũa¹.

Đằng sau, gà gáy te te.

Nóc bếp lảng giềng, ngọn khói bốc lên nghi ngút.

Thằng Dần với bộ mặt thiu thiu, bỏ đồng rế khoai
đứng giã, lưng búng:

– Nhật mãi từ sáng đến giờ mới được ba mẩu khoai
ranh! Con không phải tội mà bới nữa. U đi mua gạo mau
lên! Hàng xóm nấu cơm trưa rồi, nhà ta vẫn chưa ăn cơm
sáng! Chúng con đói quá!

Ngó con một cách đau đớn, chị Dậu ngọt ngào:

– Con hãy cố nhật thêm vài chục mẩu nữa, rồi chị nó
luộc cho ăn, chứ u làm gì có tiền đóng gạo?

Thằng bé phụng phịu:

– Hôm qua và hôm kia u bán hai gánh khoai lang
được năm hào mà... đã tiêu gì đâu!

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến cạnh mẹ, toan
lăn dài yếm của mẹ. Cái Tý thò thẻ khuyên em:

1. Khoang khũa: Loang lổ.

– Tiền bán khoai còn phải để dành đóng sưu cho ông Lý chứ! Dễ được đem mà mua gạo đấy hử? Em có đói thì hãy ăn tạm củ khoai sống vậy...!

Câu nói nghĩa lý của con bé bảy tuổi, hình như nó có một sức mạnh thần bí, khiến cho chị Dậu hai hàng nước mắt chảy quanh. Uể oải, chị bế cái Tiu lên sườn và lữ thừ đi ra ngoài cổng, để ngóng xem chồng đã về chưa.

Chồng chị – anh Nguyễn Văn Dậu – tuy mới hai mươi sáu tuổi nhưng đã học nghề làm ruộng đến mười bảy năm.

Với cái sức khỏe mạnh, với cái tính nhanh nhẩu, với cái đức chịu thương chịu khó trong nghề cày thuê cuốc mướn, những năm son rồi, vợ chồng nhà anh vẫn kiếm được thừa ăn. Mấy năm gần đây, phần vì thóc cao gạo kém, phần thì con đẻ ra thêm, vợ bận mọn luôn, sự tiêu dùng của anh mới không được dồi dào như trước, vất vả chỉ đủ đút miệng mà thôi.

Rồi tháng tám năm ngoái, mẹ anh bị bệnh qua đời. Lại tháng giêng năm nay, thằng em trai anh cũng vì phải gió mà chết. Dầu anh vẫn hết sức tần tiện, hai cái ma ấy vẫn cứ lôi kéo đi mất của anh hai món lệ làng hết đúng sáu đồng, và hai cỗ quan tài hết gần tám đồng. Nhà không có, anh phải quanh co tần tảo cho có. Hai cái dớp¹ ấy cũng đủ đưa anh lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng

1. Dớp: Việc không may, vận rủi lặp lại, có thể nhiều lần.

đình rồi. Hơn nữa, tháng ba đến giờ, thân bệnh sốt rét ở đâu tiến đến, nó bắt anh cứ phải nghỉ việc nằm nhà. Thế là gần ba tháng trời, những sự đóng góp chi tiêu của một gia đình năm miệng ăn, hết thảy trông vào hai bàn tay của người đàn bà con mọn.

Sự đói rách của con và sự lảm than của vợ, đắp đổi tiến đến trước mắt, đã làm cho anh gan ruột nẫu nà. Thêm mấy bữa nay, Lý trưởng ngày ngày sai người giục thuế, anh càng luống cuống như con kiến bò trong chảo nóng, không biết lo liệu thế nào. Sớm ngày, cơn sốt đã tan, anh phải gắng gượng chống gậy ra đi, cũng định vay mượn lấy một vài đồng trả cho xong “món nợ Nhà nước”. Nhưng đi thì đi, chính anh cũng không tự biết mình sẽ đi đến nhà ai, và chừng bao giờ thì về.

Mong mãi không thấy bóng anh, chị Dậu lại bỗng cái Tiu trở vào, ngồi phịch xuống chõng.

Cái Tý loay hoay với đống rễ khoai, thằng Dần đương rau rầu nhai mẩu khoai sống.

Bên nhà lán giếng có tiếng mâm bát lạch cạch. Mấy đứa con nít tíu tít gọi nhau ăn cơm. Mùi canh dưa và mùi cá kho theo ngọn gió nồm đưa sang ngào ngạt.

Thằng bé hấu đói nuốt vội miếng khoai lang trong miệng, vớ tấm áo nâu toạc vạt khoác luôn vào mình, don dả chạy lại vỗ vào vai mẹ:

– Con sang chơi bên nhà ông bác, u nhé!

Cái Tý trừng mắt:

– Bên ấy sắp sửa ăn cơm đây mà...! Sang làm gì? Rồi bà bác lại đuổi oai oái như hôm nọ ấy. Thôi, đói thì cứ chịu vậy, em cứ nhặt cố lấy mấy củ nữa, rồi chị đứng lên bác nôi.

Thằng Dần quăng tọt cái áo vào chõng, ngoảnh dít quay lại, trên mặt đầy vẻ thất vọng:

– Khổ lắm, bao nhiêu củ ngon củ lành, u đã lựa hết đem bán, ở đây chỉ còn những rễ là rễ, giết ai ra khoai mà nhặt?

Cái Tý lại dịu nét mặt:

– Chả bán thì lấy tiền đâu đóng sưu?... Em hãy chịu khó nhặt với chị! Hãy còn vô khối củ mầm ra đây.

– Nhưng mà em còn đói vàng cả mắt, không nhặt được nữa...!

Nói xong, thằng Dần vùng vằng bước đến bên cạnh rễ khoai, chọn lấy một củ lớn nhất, nó chùi vào bụng cho sạch cát bụi rồi cho vào mồm cắn...

Chị Dậu tuy vẫn ngồi im không nói, nhưng ở khóe mắt, nước mắt lại cứ chan chứa chảy ra. Chừng như không muốn để cho các con thấy sự đau lòng của mình, chị vờ ngoảnh mặt nhìn vào trong vách.

IV.

Con chó cái nằm ở gậm phản bỗng chốc vẫy đuôi rối rít, tỏ ra đáng bộ vui mừng.

Anh Dậu lữ thử¹ từ cổng tiến vào với cái vẻ mặt xanh ngắt và buồn rứt như kẻ sắp bị tù tội.

Cái Tý, thằng Dần cũng vỗ tay reo:

– A! Thầy đã về! A! Thầy đã về!...

Mặc kệ chúng nó, anh chàng ốm yếu im lặng dựa gậy lên tấm phen cửa, nặng nhọc chống tay vào gối và bước lên thêm. Rồi lão đảo đi đến cạnh phản, anh ta lăn kềnh lên trên chiếc chiếu rách.

Ngoài đình mõ đập chan chát, trống cái đánh thùng thùng, tù và thổi như ếch kêu.

Chị Dậu ôm con vào ngồi bên phản, sờ tay vào trán chồng và sẽ sàng hỏi:

1. Lữ thử, không phải là “lữ dữ” hoặc “lữ khử” như nhiều bản đã in.

– Thế nào? Thầy em có mệt lắm không? Sao chậm về thế? Trán đã nóng lên đây mà!

Anh Dậu nằm thừ không cựa, cũng không trả lời. Chị Dậu lại gặng:

– Chắc thầy em mệt lắm thì phải? Từ sáng đến giờ đi những đâu? Hỏi vay của ai?

Vắt tay lên trán, anh Dậu thờ một tiếng dài và cất cái giọng lễ dề của người ốm:

– Tôi lên nhà lão hội¹ Ích.

– Có được đồng nào không?

– Chẳng được gì cả. Tôi cũng biết cái thằng già ấy nó bần như chó, mình đã mắc nợ của nó, chẳng khi nào nó lại cho mình vay thêm. Nhưng vì bí quá nên phải nhắm mắt đi liều. Quả nhiên mới cất miệng hỏi, nó đã mắng sấm xơi xơi², rồi lại dọa rằng: “Ba đồng cầm đất cầm nhà cho vay ngày tháng giêng, lãi mười hai phân³, đến tháng sáu này thì vừa hết hạn, tính thành ra năm đồng một hào sáu xu. Nếu không trả được nó sẽ cầm cả nhà đất để làm chuồng xí”.

1. Hội: Ý chỉ chánh hội.

2. Nguyên tác là *mắng sấm sơi sơi*: Mắng toi tới, át đi làm cho người bị mắng phải sợ. Không phải là *mắng sấm sấm sơi sơi* như nhiều bản đã in.

3. Lãi mười hai phân: Tỷ lệ lãi là 12%, cụ thể là cứ mỗi đồng tiền cũ có 100 xu, thì phải chịu lãi 12 xu.

Chị Dậu cau đôi lông mày:

– Trời đất ơi! Cầm cả nhà đất để làm chuồng xí! Ăn nói như thế thì còn trời đất nào nữa?... Thế sao thầy em không đến ông cậu hỏi tạm lấy một đồng vậy?

– Có, tôi cũng hỏi! Nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy nhieć mãi vợ chồng sức dài vai rộng mà có vài ba đồng bạc tiền sưu cũng không chạy nổi...

Chị Dậu giậm chân xuống đất:

– Khốn nạn! Ấy ông cậu đấy! Ông cậu giàu có nứt đổ đổ vách, cả đời cháu mới hỏi vay mấy đồng, còn nỡ nhieć móc như thế, trách chi người ngoài!... Thế bây giờ thầy em đã định vay đâu hay chưa?

Anh Dậu nín lặng một hồi, rồi lại thở dài tiếng nữa:

– Tôi đã nói với cụ Nghị Quế ở thôn Đoài... Hay là bán quách...

Đương nói dở câu, anh Dậu ngấp ngừng lại thôi, như có vật gì nghẹn ở cổ họng. Chị Dậu cố gắng:

– Bán quách cái gì? Thầy em cứ nói ở đây có ai mà sợ!

Anh Dậu rơm rớm nước mắt:

– Hay là bán quách cái Tý cho cụ ấy?¹

Chị Dậu cũng nước mắt chảy qua gò má rờn rờn. Chị cứ cúi gầm mặt xuống, không biết trả lời ra sao. Cái

1. Bạn đọc thấy rõ ý định bán cái Tý là của anh Dậu.

Tý nghe thấy rụng rời củ khoai trong tay, vội vàng đứng lên năn nỉ:

– Con van thầy! Con van u! Thầy u để con ở nhà chơi với em con. Con van thầy! Con van u! Thầy u đừng đem bán con.

Thằng Dần nhả vội miếng khoai trong miệng và sụt soạt khóc:

– Em không nào! Em không nào! Em không cho bán chị Tý nào! Có bán thì bán cái Tiu kia kìa!

Anh Dậu cũng như chị Dậu ai nấy sẽ sẽ gạt thắm nước mắt và cũng giả cách làm thình.

Cái Tý vẫn bai bai van như tể sao, một hai xin thầy u đừng bán nó đi, tội nghiệp cho nó.

Chừng như cầm lòng không đậu với những lời ngây thơ và thê thảm của con bé ngoan ngoãn, chị Dậu xoa xuýt cái Tiu và yên ủi cái Tý:

– Không! Thầy con nói đùa thế thôi! Bán con thì lấy ai ẵm con bé này cho u đi làm?

Cái Tý vui vẻ ngồi vào cạnh đống rễ khoai, nó lại hí hoáy bới bới nhặt nhặt.

Một bầu không khí tẻ ngắt bao phủ cả mấy gian nhà, người ta có thể nghe rõ tiếng đập ở hai trái tim của hai vợ chồng anh trai cùng.

Ngoài đường có tiếng chó sủa xô xát. Rồi tiếng roi quật vào vách đèn đẹt. Rồi tiếng người hỏi dữ dội:

– Dĩ Dậu¹ có nhà đấy không?

Chị Dậu lật đặt bông con bé con ra cổng đuổi chó. Anh Dậu cũng ngồi nhóm dậm và ngó ra sân.

Người nhà Lý trưởng nghênh ngang múa chiếc tay thước với sợi dây thừng, đưa ông Cai lệ và cây roi song hùng dũng bước vào trong cổng. Hai người cùng ra oai rộ con chó cái và cùng nhảy xổ lên thêm. Phũ phàng, ông Cai lệ chỉ cây roi vào mặt anh Dậu và quát:

– Sưu đâu? Sao không đem nộp? Người ta vào hỏi, vẫn còn ngồi ì ra đó!

Anh Dậu lấy bầy đứng dậy. Cái mặt xanh xao khi ấy đã đổi ra sắc mặt tái mét. Run run, anh sẽ giơ tay gãi tai:

– Thưa ông, tôi chưa có.

Ông Cai lệ thị hùng² bằng hai con mắt gương tròn:

– Cả năm chỉ có hai đồng bảy hào tiền sưu, bây giờ vẫn chưa có, anh định bao giờ mới có?

Với dáng điệu có vẻ van lơn, anh Dậu hốn hển thờ và đáp:

– Thưa ông, vì tôi đau yếu, nên chưa lo kịp, xin ông

1. Dĩ (phụ ngữ, khẩu ngữ): Từ dùng để gọi thân mật người nông dân có con gái đầu lòng còn bé.

2. Thị hùng: Cây có sức mạnh và quyền thế mà bắt nạt người khác.

thư cho đến mai. Thuế còn năm bữa nữa mới phải dâng trường¹ kia mà!

– À! Thuế còn năm hôm nữa mới phải dâng trường cho nên anh không nộp vội, phải không?

Hỏi vậy, nhưng ông Cai lệ không để cho kẻ bị hỏi được có thời gian phân trần. Nhanh như cắt, ông chuyển phất cây roi song sang tay trái và nắm chặt năm ngón tay phải, đưa luôn vào ngực anh Dậu một mớ quả thui. Cái thui chuyên môn của người cửa công khác hẳn thứ thui phổ thông của thường dân. Anh Dậu chỉ ỨC ỨC mấy tiếng, chứ không thể kêu lên được. Thuận tay, ông Cai lệ túm lấy cổ áo anh Dậu và ngánh lại bảo ông người nhà Lý trưởng:

– Thùng đâu? Trói cổ nó lại. Có một suất sưu bây giờ chưa nộp lại còn chực giờ lý sự!

Tức thì hai người xúm lại, mỗi người nắm một cánh tay anh Dậu bẻ quặt ra đằng sau lưng, rồi luồn thùng vào và riết thật chặt. Họ trói anh chàng khốn nạn² giống như kiểu nhà quê trói chó để làm thịt vậy.

Thằng Dần òa lên khóc.

Cái Tý mếu máo nhếch nhác, chạy đến cạnh ông Cai lệ, chấp tay vái lấy vái để:

1. Dâng trường: Đưa nộp lên quan trên.

2. Khốn nạn: Khốn khổ đến mức thảm hại, đáng thương, không có nghĩa xấu.

– Cháu lạy hai ông! Hai ông tha cho thầy cháu. Hai ông đừng trói thầy cháu!

Sẵn roi song trong tay, ông Cai lệ quát luôn cho nó mấy cái vào đít và quát.

– Bước ngay!

Con bé đau quá. Nó lăn đành đạch xuống đất và nó giãy giụa như con gà phải nước nóng. Thằng Dần cũng khóc dữ.

Ông Cai lệ dương con thịnh nộ, lại thẳng tay giơ cây roi song, toan trừng phạt nốt thằng bé này. Chị Dậu lách thếch ôm con bé con chạy vào:

– Thôi. Tôi xin ông Cai! Ông tha cho cháu... Chúng nó hãy còn bé bỏng.

Lời nói thiết tha của người đàn bà có duyên vẫn còn đôi chút hiệu lực. Thằng bé ngây thơ đã được ông Cai ân xá.

Ngánh lại thấy chồng bị trói chặt quá, mặt mũi nhăn như chuột kẹp, chị Dậu lại dễ dàng kêu van ông Cai:

– Nhà tôi đương ốm... Xin ông làm phúc nói rộng nút thừng ra cho.

Lần này không có kết quả, những lời năn nỉ của chị chỉ được ông Cai đáp lại bằng một giọng oai nghiêm:

– Không phải nói! Trói thế cũng chưa chết nào! Mà có chết nữa, chồng chị càng khỏi đóng sưu.

Anh Dậu nói xen:

– Nhưng tôi đau quá... xin ông hãy nói lòng ra cho tôi một tí. Nào tôi có chạy mất đâu!

Ông Cai lệ nổi cơn lôi đình, tặng luôn anh Dậu năm bầy cái tát vào mặt và hăm hè:

– Bướng với ông à? Mày có tội thì ông mới trói. Lại còn bướng với ông à?

Chị Dậu nhìn ông Cai lệ bằng đôi mắt đỏ ngầu:

– Thôi, tôi cũng lạy ông nữa! Chẳng qua nay mai đủ thuế thì thôi, làm gì ông phải hành hạ chồng tôi quá vậy? Có đánh thì ông cứ đánh tôi này. Bao nhiêu tội tôi xin chịu cả. Chồng tôi đau ốm chẳng làm nên tội.

– À, mày thách ông phải không? Hừ! Thấy ông nể mặt mày càng làm già! Được! Ông thử cho mày biết tay. Này thách! Này... thách!!!

Mỗi tiếng “này thách” từ miệng ông Cai đã đưa ra, chị Dậu lại được hai ba quả thụi vào ngực. Đứng không vững, chị này ngã phịch xuống đất. Cái Tiu nằm trong lòng mẹ khóc ngất khóc nghẹn. Cái Tý, thằng Dần mỗi đứa nấp một xó nhìn trộm bố mẹ phải đòn. Cả hai đứa cùng nức nở khóc không ra tiếng.

Người nhà Lý trưởng chỉ cái tay thước vào mặt chị Dậu:

– Không thấy người nào lăm điều như chị. Nếu nhà ai cũng bướng như nhà này, có lẽ thuế của Nhà nước đến

bỏ. Thôi! Đứng dậy mà đi chạy sưu cho chồng, đừng ngồi ăn vạ đấy nữa!

Rồi hai ông hằm hằm túm lấy đầu thừng, sênh sếch¹ điệu anh Dậu xuống thềm. Tới cổng, anh chàng khốn nạn quay lại dặn vợ:

– U nó để cái Tiu ở nhà, sang ngay bên cụ Nghị Quế cho tôi...

1. Nguyên tác là “sênh sếch”, nhiều lần tái bản in thành “sênh sệt”.

V¹.

Bước vào cổng thôn Đoài, đã thấy nhà ông Nghị Quế.

Nó là một đám bung xung² nhọn như ngọn tháp, hùng dũng úp trên đoàn bịch³ vừa đồ sộ, dường như phô nhà mình thóc để hàng bốn, năm mùa.

Nó là một lũ đồng rơm, đồng rạ lớn bằng trái núi chen nhau đứng bên cạnh ngọn mít, ngọn sung, dường như khoe ông chủ cày cấy tới mấy trăm mẫu.

Nó là những tòa mái ngói muốn bảo tồn quốc túy bằng những “đấu”⁴ vuông chòm chõm, những xối tàu⁵

1. Bản in năm 2006 của Nxb. Hội Nhà văn liên kết với Công ty Văn hóa Việt đã ghép phần này với phần IV.

2. Bung xung: Ở đây chỉ vật dụng che mưa nắng trên các bịch chứa thóc.

3. Bịch: Đồ đựng bằng tre nứa, to hơn bồ, thường có hình trụ không đáy.

4. Đấu: Chi miếng gỗ đỡ các cột trốn, cột ngắn đặt bên trên các xà ngang.

5. Xối tàu: Khung gỗ hình tam giác đặt ở trên hai đầu mái.

cong r uốn và những con cá chép “mảnh sứ” há miệng nằm giáp tường hồi.

Nó là nếp nhà hai tầng muốn phản đối mỹ thuật bằng những khung cửa ngang phè, những cây cột phục phịch và những con rồng, con phượng xanh đỏ vẽ ở ngoài bộ cánh cửa sơn vàng.

Nó là một dương cơ rộng chừng ba mẫu quây quần trong bốn bức tường gạch cấm mảnh chai, cảnh tượng phức tạp, giống như ngôi chợ đóng trong khu trại, hợp đủ các vật sang, hèn, các kiểu cũ, mới¹.

Cái cơ nghiệp ấy tuy tự tổ tiên để lại, ông Nghị cũng có khai thác thêm nhiều.

Ông không đi buôn, không đi thầu, chỉ làm ông chủ ruộng kiêm ông chủ thả lãi.

Dụng đến của ông, nhẹ nhất cũng là mười phân. Và, vay từ một đồng trở lên, đều phải viết ruộng hay nhà, hoặc phải gửi vật gì khác làm đồ bảo đảm. Quá hạn thì mất. Dương cơ ông ở cũng như ruộng nương ông cấy, hạc đồng, lọ sứ ông thờ, phần nhiều là của người vay nợ hết hạn không trả bị ông chiếm lấy và bắt lấy.

1. Năm lần tác giả dùng liên tiếp *Nó là... Nó là...*, giống như nhiều lần dùng *Nào ở... Nào ở...* (trang 53-54). Đây là *nghệ thuật lặp từ* mà tác giả đã dùng bắt đầu từ những năm tháng ở Nam Kỳ, sau đó tác giả thường dùng trong suốt cuộc đời viết văn, làm báo.

Nhà ông đời đời phát về bên hào¹. Bước đường công danh của ông cũng bắt đầu từ chức Lý trưởng vượt qua những bậc Phó tổng, Chánh tổng, rồi, cơm rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau đưa ông lên ghế nghị viện.

Không như những kẻ mặt người dạ thú, mượn tiếng “thay mặt dân” để hót Chính phủ mà xin xỏ việc này việc kia, ông ra nghị trường, chỉ cốt mua cái “vị thứ tân thời”, lấy chỗ mỗi năm vài lần, ăn uống và... ngồi nằm với bọn tai mặt trong xứ.

Cái đức “không thêm biết... chữ” của ông hơn hẳn các bạn đồng viện, tuy những ông ấy chỉ xuất thân bằng nghề lái lợn hay cai phu. Vào viện, ông cũng như hầu hết các ông nghị khác, không bàn đến và không cần nghe ai bàn. Nhưng ông cũng chỉ ngáp vặt, chớ không ngủ gật bao giờ, vì sợ đôi giấy Chí Long để dưới chân ghế lỡ bị mất trộm trong khi ông phải co chân lên mặt ghế cho hợp thói quen của ông.

Từ ngày “giữ chức ông Nghị”, danh tiếng của ông đã bay khắp tỉnh Trung Sơn. Thế nhưng, suốt năm chí tối, ông không phải thết một ông khách nào, trừ ra hai ngày giỗ cha và giỗ mẹ.

Cố nhiên, ông phải là một người cơ chi, so kè, từ một đồng xu trở đi. Vậy mà lắm khi ông lại rất hào². Nhất là

1. Hào: Ý chỉ có thế lực, mạnh thế hơn người.

2. Hào: Rộng rãi, hào phóng (khác với nghĩa “hào” ở trên).

những dịp tết ta, tết tây, không dịp nào ông quên không bắt chim ngói, gà mái theo những thùng gạo tám thơm vào cửa mấy ông lớn.

Với ông, vợ chồng dĩ Dậu không có họ hàng thân thích gì cả. Nhưng vì các hân cày thuê cấy mướn cho ông đã nhiều, nên đều biết nhà, biết người.

Sau khi cai lệ và người nhà Lý trưởng đã dẫn anh Dậu ra đình, chị Dậu theo lời chồng dặn, trao con bé con cho cái Tý, vớ chiếc nón rách đeo vào cổ tay. Thằng Dần khóc nhéch khóc nhác, rầu rĩ kêu đói. Giả điếc, chị cứ lúi thủi cắp nón ra đi.

Ánh nắng tháng năm rất như lửa chàm¹ vào mặt.

Hơi nước dưới đồng bốc lên, nóng như hơi trong chỗ xôi.

Những con cua chửa và những con rắn nước chịu không nổi sức nóng của nước trong ruộng, rú nhau bò lên mặt đường và núp vào các khóm cỏ.

Đông Xá với Đoài Thôn vẫn là một xã, cách nhau độ ba cây số. Trong lúc nắng gắt, người ta coi đoạn đường ấy như con đường thiên lý trong bãi cát già. Nhưng, với chị Dậu nó không mùi gì, vì đời chị đã quen hàng ngày dạn mặt với thần nắng.

Nhờ sức che chở của chiếc nón rách, chị chỉ bước rảo một thôi thì tới cổng nhà Nghị Quế.

1. Chàm: Dùng kim nhọn đâm chọc vào da để xăm hình.

Mặt trời đứng bóng.

Trâu bò lũ lượt lôi thợ cày ở ngoài đồng về.

Thập thò ngoài cổng, chị nâng vạt áo nâu mốc lau những giọt mồ hôi nhễ nhại trên đôi lông mày và mở to đôi mắt quáng nắng nhòm vào trong cổng.

Trên cái sân gạch Bát Tràng mông mênh như bãi đá bóng, không điểm một vết bóng râm.

Đàn chim bồ câu chống mông mổ trên nong đỗ.

Con gà mái ấp cục tác từ trên chuồng nhảy xuống, ưỡn đít bón một bãi phân cho chấu lan.

Mấy con lợn con theo mẹ nghêu ngهن điều chung quanh chấu nước vo gạo.

Không có người nào qua lại.

Đánh bạo, chị Dậu xăm xăm tiến vào sân.

Một đàn chó dữ như đàn hùm ở đâu nhất tể xỏ ra. Chúng nhảy chồm lên tận mặt người lạ.

Hoảng quá, chị Dậu ngồi phịch xuống gạch, vừa vung cái nón khua đuổi những con ác thú, vừa kêu:

– Anh bếp có nhà không? Làm phúc đánh chó cho tôi với!

Trong nhà có tiếng thét ra the thé, nghe rõ là tiếng đàn bà:

– Làm gì mà nheo nhéo thế? Nhà ai không có chó?

Làm sao đi không mang gậy? Thằng bếp còn bận việc khác, nó không phải hầu chúng bay.

Rồi lại im.

Thì ra vợ chồng ông Nghị đương ăn cơm ở nhà khách. Nghe tiếng chị Dậu léo xéo, bà Nghị bực mình, quát đồng vài câu cho oai, chứ bà không thềm đứng dậy. Tính bà xưa nay vẫn thế, chẳng khi nào chịu hạ mình mà đi mắng chó, đuổi chó cho kẻ vay nợ hay người làm thuê.

Đàn chó cứ vây kín chung quanh chị Dậu như quân đèn cù. Hình như chúng nó muốn cố làm hết phận sự với chủ: con nào con nấy nhe răng lè lưỡi, chỉ chực vồ vào hai chân chị chàng đáng thương.

Cái nón dùng làm khí giới đã bị đàn chó cắn rách tan tành. Chị Dậu luống cuống không biết làm thế nào. Bí quá, chị phải giơ hai nắm tay đánh nhau bộ với “đội lính coi nhà” của ông Nghị.

Một mụ thợ cấy ở dưới nhà bếp lật đật vác gậy chạy lên. Mụ đuổi đàn chó tán loạn mỗi con chạy đi mỗi ngã. Chị Dậu lóp ngóp đứng dậy và đi đến trước nhà khách. Bàn tay phải bị chó cắn vào lúc nào không biết, máu tươi chảy ra đầm đìa. Ghé răng, chị xé một miếng ở đầu dải yếm, buộc chặt lấy chỗ bị thương. Rồi, rụt rè, chị lên bậc thềm:

— Thưa lạy hai cụ ạ!

Bà Nghị gắt:

– Chó cắn vào tay phải không? Cho chết! Đương lúc người ta ăn uống, ai bảo cứ dẫn xác vào! Hỏi gì?

Ông Nghị đặt bát xuống mâm, vừa nhai nhồm nhoàm vừa đón:

– Sáng ngày chồng nó đã sang xin bán đứa con. Chắc là nó đến để nói nốt chuyện ấy, chứ gì nữa.

– Bầm cụ phải, con sang thừa cụ về việc ấy.

Bà Nghị đưa mắt ra hiệu cho ông Nghị rồi bảo chị Dậu:

– Thông thả! Hãy ngồi đấy! Để người ta ăn xong cái đã. Đừng quấy rầy!

Ông Nghị như đã hiểu ý của vợ, cứ việc chan chan gấp gấp, không nói không rằng.

Khép nép, chị Dậu ngồi phệt xuống mặt thêm gạch.

Mọi ngày tuy vẫn làm mướn cho ông Nghị đấy, nhưng chị chỉ thì thọt ra vào trong mấy gian bếp, chưa biết nhà trên thế nào. Hôm nay bạ men¹ tới đây, ấy là lần đầu chị được trông thấy cảnh tượng nhà khách của ông dân biểu. Trong mắt chị nhà ấy lịch sự vô cùng.

Nào ở cạnh bức hoành phi khảm trai, mấy cô con gái tổng ngồng đuôi, vú vừa nằm, vừa túm tím cười tình.

Nào ở giữa đôi câu đối sơn then thếp vàng², hai thằng

1. Bạ men: Nhẹ nhàng lại gần, không phải là “bạo men”.

2. “Sơn then thếp vàng”, không phải là “sơn son thếp vàng” như có bản đã in.

bé con béo tròn và xoay tròn, lễ mễ khiêng hộp sữa bò cao lớn gần bằng chúng nó.

Nào ở bên chiếc độc bình men đỏ, cái điều ống vát vều vươn cành xe trúc dài thườn thượt như cái cần câu.

Rồi ở trong cái tủ chè chạm dây nho, một rô trứng gà đầy lùm, ngát ngào chồng lên trên bộ khay chè trắng bóng.

Rồi ở trước cái sập gụ lên nước, bốn chiếc ghế gụ mặt đá cùng châu vào chiếc bàn mây sơn xanh.

Và ở đầu cái giường tây sơn quang dầu, quần lĩnh thâm và khăn quàng nhiều xanh cùng vắt một chỗ.

Biết bao của quý vật lạ, chị Dậu nhìn vẫn chưa khắp.

Trên bàn ăn có tiếng leng keng.

Ông Nghị đâm chéo đôi đũa qua mặt mâm, bưng bát nước canh, trộn mắt, húp đánh “soạt”. Rồi ông vừa nhai, vừa nuốt, vừa giục thằng nhỏ lấy tăm. Bà Nghị cầm đĩa giò kho ăn dở, trút vào trong niêu, sai thằng bếp treo lên lao màn¹ và dặn:

– Bà đã đếm kỹ từng miếng rồi đấy. Còn mười bốn miếng tất cả. Hễ mất miếng nào thì chết với bà!

Thằng bếp bưng mâm cơm ra.

1. Lao màn: Là cái sào bằng trúc hay tre nhỏ, thanh gỗ tròn luồn vào nếp vải hình ống khâu liền với mép cạnh của đình màn, dùng để treo màn ngủ.

Thằng nhỏ đệ chậu nước vào.

Ông Nghị, bà Nghị, mỗi người dùng ba ngón tay vào chậu, vuốt qua hai mép một lượt, rồi cùng uống nước, xia răng. Hai đứa dày tớ đứng hai bên cầm quạt phẩy lại. Bà Nghị mở cái tráp tròn lấy trầu và cau nhai với một sợi thuốc. Ông Nghị nhấc cái điếu ống để trên tróc tù, dặt thuốc, châm lửa, vít cái xe trúc vào miệng. Bắt chân chữ “ngũ”, ông vênh mặt hút sòng sọc một hơi:

– Con mẹ kia! Bán con bán cái thế nào? Vào mà nói chuyện với bà...!

Rón rén, chị Dậu đứng nép vào cửa và ngấp ngừng:

– Thưa lạy hai cụ, nhà con túng quá, xin hai cụ cứu giúp chúng con.

Bà Nghị nhả miếng bã trầu cầm tay, quai thật dài cặp môi cắn chỉ:

– Chẳng cứu với vớt gì cả! Mà có bán đứa con gái tao mua!

– Xin vâng.

– Sáng ngày chồng mày nói rằng con bé ấy đã lên bảy tuổi, xin lấy ba đồng. Cụ ông tưởng nó nói thật, bằng lòng cho nó hai đồng. Nhưng giờ nghe nói con mày mới có sáu tuổi, thì tao chiết đi một nửa, chỉ cho một đồng thôi. Thuận bán thì về đưa nhau sang đây!

Chị Dậu ngơ ngác:

– Thưa cụ, thật quả cháu đã lên bảy, nó đẻ tháng giêng năm Tý. Chúng con không dám nói dối cụ ạ!

– Tao không thể tin cái miệng vợ chồng nhà mày! Người ta mách tao là nó lên sáu, thì tao hay nó lên sáu. Chứ tao biết đâu nó đẻ năm Tý hay đẻ năm tỵ năm tỵ...!

Chị Dậu đỏ mặt, không biết nói sao. Bà Nghị tiếp:

– Vì cái Hai bên kia...

Ông Nghị cau mặt ngắt lời:

– Sao bà cứ gọi lối thách mé như vậy? Tôi đã dặn bà phải gọi nó là mợ... Bây giờ ở nhà các quan, con gái đều được kêu gọi là mợ tất cả. Tôi hèn ra cũng là một ông Nghị viên, có lúc ngồi với quan Sứ quan Thượng, danh giá không kém gì một ông quan. Bà có gọi con gái là mợ, cũng không quá lạm kia mà!

Bà Nghị cười ngật cười nghẹo:

– Thế thì ông cũng lắm rồi! Con dâu kia... người ta mới gọi là mợ, con gái thì người ta đều gọi là cô. Chẳng cứ gì nhà các quan, tôi thấy những nhà ông Ký, ông Phán, những nhà buôn bán ở Hà Nội đều như thế cả.

– Miễn là đừng gọi chúng nó bằng cái kiểu tục tằn của những nhà bố cu, bố dĩ... Mợ thì mợ, cô thì cô...

Bà Nghị ra bộ đắc ý:

– Vâng, thì cô!... Cô Hai bên kia hiếm hoi, mấy lần xem bói, thầy bói đều bảo cô ấy phải nuôi con nuôi thì

mới đúng số¹. Bởi thế, tao muốn mua cho cô ấy một đứa, để nó “gánh vác đồ đi”. Chứ nhà tao thiếu gì người hầu hạ? Vả lại, con bé mới lên sáu tuổi, đã làm được công trạng gì mà tao phải chuốc? Huống chi nó sang ở với cô ấy cơm no áo lành, lại không sung sướng gấp trăm gấp nghìn lần ở nhà với vợ chồng mày hay sao? Đáng lẽ biếu không thì phải... Cho một đồng cũng quá lắm rồi... Không phải nài nỉ gì nữa!

Chị Dậu ngồi chờ như gỗ, không biết trả lời ra sao.

1. Đúng số: Ý nói số mệnh con người đã đến lúc được định đoạt, được gặp điều may mắn hay gặp hạnh phúc.

VI.

Bà Nghị chỉ tay quát thằng nhỏ lấy nước. Bà uống một hớp dấp giọng rồi hỏi chị Dậu:

– Thế nào, mày nghĩ tao nói có phải hay không?

Chị Dậu rơm rớm nước mắt:

– Vâng, thưa hai cụ con cũng biết rằng cháu được sang đó nương nhờ các cụ và cô Hai, thật là phúc cho nó lắm... Nhưng vì, nhà con thiếu hơn hai đồng tiền sưu, mới phải đến kêu cửa cụ. Nếu cụ chỉ cho một đồng thì còn hơn một đồng nữa, chúng con không biết chạy vào đâu được. Vậy xin hai cụ đón¹ tay làm phúc...

Ông Nghị quát:

– Thiếu bao nhiêu mặc kệ mày, kể lể gì? Mày định bố² vào nhà tao đấy à?

1. “Đón”, không phải là “nhón” như có sách đã in.

2. Bố: Chia phần để bắt phải đóng góp.

Chị Dậu thèn lện, nâng dài yếm sẽ chùi vào mắt.

Bà Nghị yên ủi:

– Thiếu một đồng nữa, thì xem trong nhà còn có cái gì đáng tiền, đem mà bán nốt đi vậy! Chứ đứa con gái sáu tuổi, bây giờ cho không cũng không đắt thay, ai động rồ mà trả mảy hơn...

– Thưa lạy hai cụ, thật quả nhà con không còn cái gì đáng giá hai hào.

Bà Nghị cười nhạt:

– Sao bảo nhà mảy có con chó cái khôn lắm?

– À! Thưa cụ, có! Nhưng nó mới đẻ, con nó hãy còn non lắm, có bán cũng không ai mua, nếu có người mua cho, chúng con đã không phải bán con cháu!

– Nó đẻ mấy con? Con nó đã mở mắt chưa?

– Bẩm, bốn con. Nó biết ăn cơm đã hai hôm nay. Hay là xin cụ đỡ con hai đồng, lỡ lãi thế nào con cũng xin vâng. Chi độ hai phiên chợ nữa, mấy con chó ấy cứng cáp, bán được, thì con lại xin nộp cụ.

Bà Nghị bĩu môi:

– Tiền tao có phải vỏ hến mà tao quảng cho mảy bây giờ? Dễ tao hám lãi của mảy lắm đấy? Thôi, thế này này: chó non tao cũng mua vậy. Bắt cả con chó cái và đàn chó con sang đây, tao trả cho một đồng nữa. Với con bé kia một đồng là hai... Thế là nhà mảy đủ tiền nộp sưu, lại khỏi nuôi chó, khỏi nuôi con. Sướng nhé!

Rồi bà Nghị vui vẻ nhìn mặt ông Nghị:

– Ấy tôi cứ hay thương người thế đấy!... Người khác thì họ mặc kệ, ai hơi đâu! Kêu lắm thì bã bọt mép.

Chị Dậu lại chứa chan nước mắt. Buồn rầu, chị sẽ ngồi xuống bậc cửa và nói chầu lên:

– Vâng! Con cũng biết cụ có lòng thương nhà con mới thế. Chứ đàn chó vừa mới mở mắt, ai mua làm gì!... Nhưng, thưa cụ, giá chó bây giờ cũng không rẻ lắm, một con chó cái, con đem ra bán ít nhất cũng được đồng rưỡi. Còn bốn con chó con, nếu nuôi thêm vài phiên chợ nữa, thế nào cũng được năm hào một con. Vậy là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho một đồng thì thiệt con quá. Xin cụ trông lại!

Ông Nghị đập tay xuống sập:

– Đem ngay đi chợ mà bán! Không nói lời thôi! Mất thì giờ! Thời Tây bây giờ, thì giờ là vàng bạc, không ai công đâu mặc cả với mày... Hừ! Vừa mới ngoen ngoén nói rằng “bán không ai mua”, người ta làm phúc mua cho, lại còn lằng nhằng kêu rẻ! Rẻ thì đem ngay ra chợ mà bán. Ra ngay!

Chị Dậu nhồm đít toan đứng lên. Bà Nghị thẽ thọt:

– Chúng bay cứ cái thói ấy, không trách chẳng ai buồn thương, khổ là đáng kiếp. Trong lúc thuế má ngật ngòi, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt, thế là người ta làm

ơn cho mày. Mày tưởng người ta không thể mua đâu được chó đấy chắc? Hay là chó của mày bằng vàng. Thôi, cho thêm hào nữa, thế là vừa con, vừa chó, cả thấy được hai đồng một. Bằng lòng không?

Chị Dậu lại tần ngần ngồi xuống:

– Bầm cụ, một vài hào ở cụ chẳng thấm vào đâu, nhưng, ở con thì nó lớn lắm. Xin cụ cho con lấy năm hào nữa vậy.

Bà Nghị ra bộ dễ dãi:

– Con mẹ này cũng ghê gớm lắm! Thấy bỏ thì đào mãi! Ừ, thì tao cũng trả thêm cho một hào. Là hai đồng hai. Bằng lòng thì lên nói với ông Giáo làm văn tự cho. Và phải trả ông ấy hai hào giấy mực. Nghe không!

Chị Dậu thất vọng:

– Thế thì con chỉ được hai đồng đem về...

Ông Nghị lại càu:

– Chứ bao nhiêu nữa? Hai chục nữa nhé! Thôi, cho thế cũng đắt lắm rồi. Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng!

“Về thì đâm đầu vào đâu? Để chồng bị trói đến bao giờ nữa?... Thôi, trời bắt tội, cũng đành nhắm mắt liều...”. Bên tai chị Dậu văng vẳng có tiếng như vậy.

Nước mắt ứa ra, chị lại đứng dậy với bộ mặt nảo nùng:

– Vâng con xin bán hầu hai cụ. Nhờ các cụ cho báo ông Giáo làm giấy giúp con!...

Bà Nghị đồng dặc gọi xuống nhà dưới:

– Đứa nào lên nhà học mời ông Giáo xuống đây cho tao!

Đồng hồ trên tủ thông thả đánh mười một tiếng. Dây cót xỏ ra xòe xòe.

Bà Nghị tươi cười nói với ông Nghị:

– Sao bây giờ mới mười một giờ? Hay là đồng hồ nhà ta chạy sai?

Ông Nghị rung đùi, vuốt chòm râu tây cong vát trên mép ngậm tăm:

– Bà quê lắm! Đồng hồ của Tây làm ra có bao giờ sai? Bây giờ mười một giờ là đúng. Nhà ta ăn cơm khí sớm.

Bóng nắng xuống thêm gần một hàng gạch.

Xe lửa “một giờ” toe toe hét còi.

Ông Giáo kéo đôi giày vá từ đầu nhà thờ đi sang. Trong tay đủ cả quán bút, lọ mực, giấy trắng và giấy thấm.

Với cái búi tóc ngất ngưỡng trên đầu, với cái sức học chữ nho bằng rươi quốc ngữ, ông ấy gọi là thầy đồ thì đúng hơn. Chỉ vì về phần nhà chủ nuôi cơm, tiếng nuôi ông đồ không sang bằng tiếng nuôi ông Giáo, cho nên ông ấy phải đổi sang ngạch “thầy giáo”, để dạy mấy đứa trẻ học

*Tam tự kinh*¹ và A B C, và viết văn tự cho những người đến nhà ông Nghị cầm cố vay mượn. Vào nhà khách, ông Giáo sẽ đẩy thúng gạo nếp trên chiếc tràng kỷ gỗ lát và lễ phép ngồi vào chỗ đó.

Sau một hồi để ý nghe lời ông Nghị dặn dò, ông Giáo nghiêm trang cúi vào mặt bàn. Trịnh trọng, ông ấy viết.

Cả nhà im lặng.

Năm phút, mười phút, nửa giờ... ông Giáo ngẩng lên ngó mặt chị Dậu:

– Chị kia, sang đây tôi đọc cho nghe, rồi điểm chỉ vào!

Rón rén, chị Dậu đến cạnh tràng kỷ. Ông Giáo dang hắng ba tiếng rồi bằng giọng cắt nghĩa cho học trò, ông ấy đọc:

“Tên tôi là Nguyễn Văn Dậu, hai mươi sáu tuổi ở làng Đông Xá, và vợ tôi là Lê Thị Đào, hai mươi bốn tuổi, cũng ở làng ấy, có mượn của bà Hoàng Thị Sẹo, năm mươi tám tuổi, vợ cả ông Nghị viên Trần Đức Quế ở làng Đoài Thôn, một đôi hoa tai bằng vàng nặng ba đồng cân, đáng giá hai chục đồng bạc. Hạn trong năm năm² phải trả. Nếu không trả, chúng tôi xin chịu tội bội tín.

Giấy này làm tại làng Đoài Thôn, ngày... tháng... năm...”

1. Tam tự kinh: Là cuốn sách chữ Hán, do Vương Ứng Lâm đời nhà Tống (Trung Quốc) soạn ra, đến đời Minh, Thanh được bổ sung. Mỗi câu có ba chữ, xưa được dùng để dạy trẻ con.

2. Từ bản in lại năm 1955 – Sdd – đến những sách tái bản sau này đều in sai thành “năm ngày”.

Chị Dậu nghe rồi giãy nảy:

– Thưa ông, ông lầm rồi. Tôi bán con và chó, chứ có mượn hoa tai của cụ bà đâu!

Ông Nghị rút vội cái tấm trong miệng mình đặt ngang vào miệng tách nước:

– Không ai thèm đánh lừa chúng bay. Bây giờ luật mới nghiêm cấm cha mẹ bán con, cho nên văn tự phải viết như thế, chứ không nói con, nói chó vào được. Sau này, mày để cho con mày ở mãi với cô Hai thì có giấy ấy tao cũng coi như không có. Nếu mày trở mặt mà đem con về, tao sẽ chiếu giấy bỏ tù cả vợ lẫn chồng. Giấy làm như vậy, chỉ cốt nhà mày khỏi lật nhà tao, chứ nhà tao không đòi nào thềm lật nhà mày. Thế là bao giờ tao cũng nắm đằng chuôi, chứ tao không cầm đằng lưỡi. Nghe không?

Dứt mạch diễn thuyết, ông Nghị bưng tách nước uống một hớp lớn, xúc miệng ờng ọc mấy cái rồi nhổ toẹt xuống nền nhà:

– Tùy đấy, mày có tin nhà tao thì điểm chỉ vào đem về cho chồng mày ký tên và xin chữ ký Lý trưởng nhận thực tử tế. Rồi mang sang đây, thì tao sẽ giả tiền cho. Nếu mày không tin thì thôi. Đây tao không ép.

Hai hàng nước mắt hòa với những giọt mồ hôi thánh thót rơi xuống gò má, chị Dậu cắn mặt đứng im. Một lát sau, chị quả quyết:

– Con xin vâng theo lời cụ.

Thế rồi chị giơ bàn tay buộc giẻ, chìa hai ngón tay để cho ông Giáo bôi mực và in vào bức văn tự. Xong việc, chị gấp bức văn tự, giắt vào lưng. Bước ra thêm, chị nhặt lấy cái mê nón. Ngần ngại, chị đặt mê nón lên đầu, cúi chào vợ chồng ông Nghị và ông Giáo. Bà Nghị căn vặn nhắc đi nhắc lại:

– Nhớ lấy cái gì đây cho mấy con chó con, kéo nó bị nắng.

VII.

Bóng cây ngả đến gần tường bao lan.

Mặt trời chênh chếch nhòm vào gốc đa, gốc gạo.

Những con trâu, bò bị bắt và bị ký giam chông gong nằm dưới nắng, uể oải nhai những rễ khoai hoặc cỏ héo của chủ ban cho.

Một lũ đàn bà chờ đợi nộp thuế, lê la ngồi khắp thêm đình.

Đàn chó chui trong gậm đình, chực cướp xương rơi, con nọ cắn con kia í ắng.

Trên đình ăn uống đã tàn.

Chánh tổng ngậm tăm nằm cạnh bàn đèn, hai mắt lim dim dờ ngủ.

Cai lệ ngồi nhồm hai chân cạo lạo, cặp môi thâm sệt nhàn ra gần tới mang tai.

Cậu lính cơ lấy hết gân guốc trên bộ mặt đỏ gay, ra sức nghiền cục xái trong cái chén mè.

Mấy ông Hương trưởng, Tộc biểu, Trương tuần xúm quanh cái điều đàn và chiếc ấm tay, kẻ hút thuốc, người phùng miệng thổi bát nước nóng.

Lý trưởng tựa lưng bên bức câu lơ, thù tiếp Chánh hội, Phó hội bằng mâm cỗ chỉ còn rau chuối và lá tía tô.

Thư ký, Chương bạ lễ phép chìa đĩa, mời nhau gấp mấy miếng thịt mỡ khô cong các cạnh.

Lý cự, Phó lý, Thủ quỹ châu đầu trên lớp bát đĩa đầy những nhặng xanh, gật gù nhắc chén lên lại đặt chén xuống.

Người nhà Chánh tổng, người nhà Lý trưởng, mấy anh tuần phu canh ngày, ken vai vây lấy rá cơm “đi hơi”¹ và chậu nước xuýt ruồi chết nổi lều bều, soàn soạt vừa và vừa nuốt.

Mỗi người mỗi miệng, ai nói nấy nghe. Sự âm âm càng giúp sức cho sự nóng nực.

Chị Dậu về đến cổng đình, vừa thấy tiếng ông Lý cự quát vang trong đình:

– Thằng Mới đâu? Vào ty lấy thêm mấy chai rượu nữa ra đây! Chúng tao còn uống! Ai thôi mặc ai.

Tiếp đến tiếng ông Chánh hội:

– Hãy gượng! Rượu còn đầy, các ông cứ uống cho hết. Để nó đi mua vài đồng thuốc phiện nữa đã. Cụ Chánh đợi đã lâu rồi!

1. Đi hơi: Bay hơi, bốc hơi, ý nói cơm đã nguội.

Rồi đến tiếng ông Hương trưởng:

– Thong thả hãy mua thuốc phiện cũng được! Miệng tao còn chưa rửa đây. Ra giếng múc tao chậu nước!

Rồi đến tiếng ông Thủ quỹ:

– Rồi hãy múc nước! Mày đi rót một ít nước mắm vào đây cái đã!

Rồi đến lượt ông Lý cự vặc lại:

– Các ông đừng bi mặt¹ nhau! Tôi đương bảo nó đi lấy thêm rượu, các ông lại nổi vố vào mặt tôi, người này sai nó việc này, người kia sai nó việc khác... Khinh nhau vừa vừa chứ!

Bạo dạn, chị Dậu bước lên cửa đình, hạ cái mê nón ở trên đầu xuống:

– Chào các cụ, chào các ông.

Cả đình đổ xô trông ra. Người nhà Lý trưởng tráo ngược đôi đũa chỉ vào mặt chị:

– Sư của anh ấy đủ chưa? Dem mà nộp đi!

Cai lệ vừa cạo hết xái trong lọ, ngẩng đầu trông lên.

– À! Con vợ thằng gì ở xóm cuối làng phải không? Chị ta cứng cổ, lý sự lắm. Sáng nay nếu không vội đi bắt đứa khác thì tôi biếu thêm cho chị ấy vài chục quả phạt thủ² nữa.

1. Bi mặt: Coi thường, khinh rẻ nhau.

2. Quả phạt thủ: Ý nói là quả đấm.

Phó lý chỗ vào:

– Nó là vợ thằng đĩ Dậu chứ thằng gì? Sao ông không giã thêm cho nó một mẻ? Ông Lý tôi mời ông về đây, chỉ cần có thể.

Lý trưởng rung đùi ra bộ đắc ý:

– Tôi nói trên có cụ Chánh, có ông Cai và đông các ông tất cả: vụ thuế này tôi làm kể cũng cứng lắm. Không cần gì hết, đứa nào trái ý, đánh luôn. Mà cũng có thể mới được. Chúng tôi làm vua làm việc, quanh năm đầu chày dít thớt, chỉ có những lúc “hồng thủy trưởng giật”¹ và những khi “sưu thuế giới kỳ”² như thế này, thì mới có quyền. Tha hồ đánh, tha hồ trói, trai làng thằng nào bướng bỉnh... đánh chết vô tội vạ.

Chị Dậu chẳng nói chẳng rằng. Điềm tĩnh, chị nhìn khắp mấy gian đình.

Góc đình trong cùng, chừng hơn mười anh trai đình choãi chân ngồi sắp hàng sau đám mâm bát lỏng chống. Ai cũng như nấy, khuỷu tay gô vào chấn song bởi một sợi dây thừng kéch xù.

Cố nhiên, đàn bà con gái không thể đi qua trước chỗ

1. Hồng thủy trưởng giật: Nước lụt đầy quá tràn ra.

2. Sưu thuế giới kỳ: Tới kỳ thu nộp sưu thuế.

“Hồng thủy trưởng giật” và “sưu thuế giới kỳ” là những cơ hội cho đám chức dịch ở thôn quê thỏa sức dùng quyền lực vừa đốc thúc vừa chèn ép, đàn áp dân làng.

dân làng ăn uống. Chị Dậu bèn lùi trở xuống, quành ra cửa sau, rồi lên đến chỗ chồng ngồi.

Anh Dậu ngả đầu vào bức chấn song, mắt nhắm nghiền, miệng há hốc ra và thờ hồn hển, mười đầu ngón tay xuống máu sưng lớn bằng mười quả chuối.

Chị Dậu rụng rời nổ đốt:

– Trời đất ơi, chồng tôi làm sao thế này?

Những bạn bị trói của anh Dậu, mỗi người trả lời một câu:

– Anh ấy lên cơn sốt rét từ hồi non trưa kia đấy. Bây giờ chùng như mệt quá, hấn mới lả đi và mới im được một lát, lúc nãy còn vừa run vừa rên, làm sốt cả ruột người ngoài.

– Thôi, liệu mà vay mượn bán chác mau lên, cố lo cho đủ tiền sưu, rồi đem anh ấy về nhà. Chúng tôi khỏe mạnh thế này mà bị người ta chằng trói cũng còn đau rức khổ sở thay, huống chi anh ấy đương ốm...!

Chị Dậu sụt sùi:

– Khốn nạn! Nào tôi có tiếc gì đâu? Trông thấy chồng con thế kia, dầu có ruột gan là sắt cũng phải đau đớn. Nhưng vay chưa được, bán chưa kịp, các bác ạ!

Vừa nói chị Dậu vừa nước mắt giàn giụa, ngồi xuống, chị se sẽ vỗ vai chồng:

– Thầy em! Thầy em ơi! Tỉnh dậy cái nào!

Anh Dậu vẫn li bì, lịt bịt.

Phó lý ở ngoài lòng đình ra oai:

– Con mẹ dĩ Dậu! Mà có cãm đi không thì ông và vào môm bây giờ! Đình làng chứ xó buồng của vợ chồng mà đây à? Ai cho chúng bay đú đờn với nhau ở đây? Đàn bà thối thây, suốt năm có một suất sưa của chồng mà không chạy nổi, lại còn nỏ môm... “thầy em” với “thầy anh” gì?... Ngứa tai chúng ông!

Chị Dậu như không nghe biết chi hết, cứ việc nắm lấy hai vai chồng lay đi lay lại, như người ta cứu kẻ ngộ gió¹. Lâu lâu, anh Dậu lơ dờ mở to hai mắt trắng dã và rên hằm hừ.

Chị Dậu meo máo:

– Thầy em làm sao thế? Có phải lên cơn sốt rét hay không? Hay là chỗ trói đau quá?

Anh Dậu ú ớ:

– U nó đã ra đây ư? Đi lấy cho tôi bát nước. Khát lắm, ráo cả họng từ sáng đến giờ.

Chị Dậu vội gạt nước mắt đứng dậy, mượn thùng Mới cái bát yêu đàn, chị ra giếng xin một bát nước bưng vào. Anh Dậu vục đầu vào bát, ồng ọc nốc một hơi dài, rồi anh ngửa cổ ra bức chấn song mà thở. Bụng sủi ầm ầm như suối reo.

1. Kẻ ngộ gió: Người trúng gió độc mà mắc bệnh.

Bên ngoài, mấy ông lý dịch vẫn uống rượu, vẫn hút thuốc, vẫn quạt thành phách, vẫn giở lý luật cãi nhau lộn bậy.

Chị Dậu sờ trán chồng, sờ chân chồng, sờ cổ tay chồng, rồi chị lân la sờ cái nút thùng ở đằng sau lưng chồng, toan tính cởi trộm cho nó rộng ra một chút. Nhưng cái nút ấy, người ta thắt kiểu “móng lợn”, và riết chặt lắm, chị không thể nào mà nói ra được. Một lát sau, anh Dậu hơi tỉnh, mơ màng nhìn vợ:

– Thế nào? U nó đã sang nhà cụ Nghị Quế hay chưa?

– Đã! Tôi ở bên ấy về đây!

– Cụ ấy bằng lòng đấy chứ?

– Bằng lòng! Nhưng người ta bắt viết văn tự và bắt đèo thêm...

Chị không nữa nói hết câu, ngáp ngừng, chị cười dài lưng, lấy mảnh giấy tây trao tay cho chồng:

– Tôi đã nhờ ông Giáo bên ấy viết hộ văn tự rồi đây. Thầy em coi xem thế nào.

Anh Dậu tuy đón lấy bức văn tự, nhưng vì cánh tay bị dây thùng ghì lại chặt quá, anh không thể đưa nó lên gần mắt mà coi. Chị Dậu lại phải cầm lấy và chìa lên tận ngang mắt cho chồng lăm nhăm đánh vẫn.

Lý trưởng ngược mắt ngó thấy, cơn lòi đình nổi lên tức thì:

– Giầy má gì đấy? Con mẹ dĩ Dâu! Đơn kiện phải không? Ừ! Được! Có giới thì đi kiện ngay ông đi! Ông thử cho mày thêm một trận nữa, để mày đi kiện luôn thể.

Rồi hấn đứng choàng ngay dậy, giơ chân toan bước. Nhưng cái cây thọt nó cứ lão đảo như người lên đồng, xiêu xiêu, sọc sọc, chỉ chực ngã xuống sàn đình. Hấn phải vịn vào cột đình, và lại ngồi phịch xuống chiếu. Cậu lính cơ hùng hổ đứng lên:

– Ông Lý cứ ngồi đấy. Để tôi trị cho chúng nó! Muốn đi kiện thì được đi kiện, khó gì?

VIII.

Vừa nói cậu Cơ vừa dùng dùng chạy lại, giơ thẳng cánh tay tát đánh bốp vào mặt anh Dậu một cái. Và mồm môi, mồm lợi, cậu thét:

– Mày đi kiện đi, ông xem! Bây giờ vẫn chưa nộp sưu còn chục sinh sự với ông à?

Anh Dậu chết điếng người đi. Nước mắt chảy ra như mưa, anh sẽ đập đầu vào bức chấn song và kêu:

– Ối trời đất ơi! Ối cha mẹ ơi! Thân tôi sao mà nhục đến thế này? Nào tôi có định kiện tụng gì ai cho cam!

Chị Dậu ậm ục muốn khóc, nhưng không khóc được. Những người bên cạnh đều rút nước mắt.

Cậu Cơ vẫn nét mặt hằm hằm. Nắm chặt bàn tay, cậu chĩa vào mặt anh chàng khốn nạn:

– Mày muốn vu vạ, báo ông!

Luống cuống, chị Dậu vội đứng dậy. Một tay giơ bức

văn tự, một tay nắm lấy cổ tay cậu Cơ, thê thảm, chị nói bằng giọng van lơn:

– Thôi! Em xin ông quyền¹. Nhà em đau yếu, ông tha cho! Có phải đơn kiện đơn tụng gì đâu? Đây ông coi, cái văn tự của em bán con bé cháu để lấy tiền nộp sưu cho nhà em đấy mà!

Chùng muốn tỏ ra mình là người thạo chữ, cậu Cơ đón bức văn tự, trầm tĩnh, xem xét từ đầu đến cuối. Rồi cậu dịu giọng sẽ gắt:

– Nói láo! Cái giấy mượn đôi hoa tai bằng vàng đấy chứ, văn tự đâu mà văn tự?

Chị Dậu lễ phép:

– Thưa ông, thật văn tự đấy ạ! Lúc nãy, ở bên cụ Nghị, ông Giáo viết xong, đọc cho em nghe, em cũng ngạc nhiên và đã nói như ông vừa nói. Cụ Nghị bảo rằng: Luật mới không cho cha mẹ được phép bán con, nên phải viết thế, chứ có hoa tai hoa tung gì đâu? Nhà em “kiết xác mỏng tờ” ai còn dám rời hoa tai cho mượn?

Những lời êm ái của chị hình như cũng có sức mạnh, làm cho nhà binh dần lòng đứng lại, nghe cho hết câu. Rồi, cố liếc con mắt cho có vẻ tình để nhìn vào mặt chị nhà quê, cậu Cơ trao trả chị này tờ giấy văn tự và hỏi một cách lả lơi:

1. Ông quyền: Nói tổng quát những người do địa vị hay chức vụ mà được làm, ở đây chỉ người lính cơ.

– Đức ông chồng vẫn chưa ký tên đây mà! Sao không bảo đức ông chồng ký vào, rồi đi lấy tiền mà nộp sưu cho xong đi, cứ để lòi thoi mãi thế?

Ngay thật, chị chàng nhà quê không biết cái lối mảnh khỏe, vẫn đáp bằng giọng rầu rĩ:

– Em vừa giờ lên cho nhà em coi, các ông tướng là đơn kiện đã cùng đánh mắng om xòm...

Cậu Cơ nhăn răng và cười hềnh hếch:

– Thế ra đức ông chồng phải đòn oan nhĩ! Nhưng thôi, bây giờ đức ông chồng cho tên vào đó cũng chưa muộn gì.

Chị Dậu năn nỉ:

– Cánh tay nhà em bị trói chặt quá, không thể cầm bút ký được. Ông làm phúc cởi trói ra cho nhà em, thì em ơn ông vạn bội.

Cậu Cơ vẫn túm túm:

– Tôi muốn làm... ơn cho chị lắm lắm... Nhưng còn quyền ở ông Lý.

Lý trưởng nghe nói tên mình, liền cất giọng lè nhè.

– Ông Lý cái gì? Việc gì mà nói đến ông Lý đấy?

Cậu Cơ tươi tắn chạy đến trả lời:

– Nhà chị gì kia, chị ta muốn xin ông cởi trói cho đức ông chồng, để đức ông chồng chị ta ký vào văn tự.

Lý trưởng lại kéo dài cái giọng khề khà:

– Thế nó không đi kiện nữa à, mà còn muốn xin cời trời cho chồng? Cậu bảo nó: “Không có phép” nhé! Nộp đủ tiền sưu thì đây cời cho! Nếu mà tiền sưu chưa đủ, ông trời xuống đây cũng không tháo được cái thùng ở tay thằng Dậu. Đây còn trời. Có giới cứ đi kiện. Đây chỉ trời cho mà đi kiện!

Lý cự bưng bát rượu kể gần lên môi, và gật gật gù gù:

– Mặc! Đây không biết. Ai trời cứ trời, ai cời cứ cời mà ai đi kiện cứ đi kiện! Đây qua cầu¹ rồi, cứ việc đánh chén cho đầy! Thằng Mới đâu? Ông bảo mày lấy thêm rượu, làm sao từ nãy đến giờ chưa thấy? Đừng láo, ông thì chẻ xác mày ra!

Chánh hội quăng tọt đôi đũa xuống mâm và nói đồng dục:

– Ông Lý cự! Việc gì đến ông mà ông “đâm ba chày củ” vào đấy? Uống rượu thì cứ việc uống, người ta nói gì thì mặc người ta. Cậu nào cũng chõ mồm vào, không để cho ai bàn bạc gì nữa!

Lý cự đặt bát rượu vào mâm và đâm thật mạnh xuống sàn đình:

– A! Ông cấm tôi nói à? Quyền ông được thế, phải không, ông Chánh hội!

Chánh hội vênh bộ mặt hách dịch:

1. Qua cầu: Ý chỉ vượt qua được một việc gì nguy hiểm hay một điều gì khó khăn.

– Ủ đây! Quyền tôi được thế! Quan sức cho tôi “hiệp dữ lý trưởng”¹ thôi đốc vụ thuế năm nay, người nào gai ngành tức là “hãn trở thuế sự”² tôi gông cổ lại cho mà xem!

Lý cự sừng sộ:

– Miệng ông, ông nói; đình làng, ông ngồi! Đố thằng nào làm gì được ông!

Chánh hội hùng hăng đứng lên, rồi lại loạng choạng ngồi xuống, và quát:

– Tuần đâu? Chúng bay trói cổ thằng Lý cự lại cho ông! Tội đâu ông chịu!

Tuần phu im lặng không thưa. Lý cự sẵn nắn vén hai tay áo lên đến khuỷu tay:

– Cha thằng nào không trói được ông!

Chánh hội vớ luôn chai rượu cạnh mâm, toan liêng ra chỗ Lý cự. Phó hội nhanh tay giằng được và can:

– Thôi ông! Làm gì mà nóng quá thế! Ông Lý cự ông ấy say rượu đấy mà!

Lý cự gằn gộc:

– À! Ông Phó hội! Ông bảo tôi say rượu phải không? Ủ thì tôi say! Rượu uống chả say, thì ra rượu đổ vào hang chuột à? Nhưng mà đây tôi không say, ông đừng nói bậy!

1. Hiệp dữ lý trưởng: Góp sức, hợp sức cùng với lý trưởng.

2. Hãn trở thuế sự: Gây khó khăn, làm trở ngại cho công việc thu sưu thuế.

Thuế làng bỏ hai đồng một mẫu, các ông thu của ngoại canh¹ ba đồng năm hào, có ai nói với tôi được câu nào không? Các ông mời tôi ra đây uống vài chén rượu lại còn khả khía! Tôi không cần, đây tôi uống của mấy đứa phụ canh, không thêm uống nhờ thằng nào.

Lý trưởng động lòng:

– Tiền phụ canh, nó vẫn giắt ở cạp váy nó ấy. Chúng nó ngồi dưới giọt đình kia kia. Xuống lần cạp váy chúng nó mà uống. Bữa rượu hôm nay tiền túi của ông bỏ ra, ông muốn mời ai thì mời, ông không phải nói với đứa nào hết. Ông thu “lạm” đấy! Thằng nào làm gì được ông?

Lý cự hung hăng như người điên:

– À! Thằng Lý đương! Mà bảo ông uống máu mấy con ngoại canh đấy à?

Đánh “soảng” một cái, cái bát ở mâm Lý cự bay thẳng sang mâm Lý đương. Và đánh “chát” một cái, cái chậu ở chiếu Lý đương cũng đập luôn vào cây cột bên cạnh Lý cự. Nước canh, nước mắm bắn ra tứ tung. Hết thấy mọi người đều lố nhố đứng dậy. Rồi hết thấy mọi người lại lão đảo ngồi xuống. Tuần phu và người nhà Lý trưởng, người nhà Chánh tổng sấn sổ chen vào, chạy hết mâm bát, chai, chén xuống sân đình.

1. Ngoại canh: Công việc cấy cấy do người làng khác đến làm trên đất làng mình, thường bị bọn đương chức sở tại ép buộc đánh thuế rất nặng.

Cai lệ rước chén thuốc phiện và bộ khay đèn sang thẳng gian đình bên kia.

Thủ quỹ cố ôm tráp bạc đứng dậy, nhưng không đứng được, lại phải ngồi thụp xuống.

Chánh tổng sức tan giấc mộng, ngơ ngác hỏi giật hỏi giọng:

– Cái gì thế? Cái gì thế? Nốc cho lắm rồi nói bậy! Người nào gây chuyện với người nào?

Trong đám đông mỗi người một câu:

– Bẩm, ông Lý cự với ông Chánh hội.

– Bẩm, ông Lý cự với ông Lý đương.

Chánh tổng lên giọng hống hách:

– Tuấn đâu? Mày điệu cổ thằng Lý cự xuống sân đình kia cho ông! Nó định ăn cướp tiền thuế của Lý trưởng à? Rồi ông trình quan cho nó.

Lý cự vớ miếng mảnh chậu ở cạnh cột đình toan rạch vào trán. Trương tuần vội vàng chạy đến giật được, vút đi. Hấn xóc nách Lý cự và vục ra cửa. Rượu, thịt, rau, đậu tộ trong miệng ông Lý cự thông thốc tuôn ra thêm đình.

IX.

Hương trưởng, Tộc biểu, những người vô sự lẻ tẻ đứng dậy cố dìu Lý cự về nhà. Chỉ còn mấy ông chức dịch đương thứ¹ phải ở lại đây lo lắng việc thuế.

Chị Dậu chờ cho tan cơn ồn ào, mới dám rón rén bước lại nói với Lý trưởng:

– Thôi con lạy ông! Xin ông hãy tạm tha trói nhà con một lúc, để nhà con ký vào văn tự, con mới có tiền đóng sưu.

Lý trưởng vẫn giận dữ:

– Đừng lằng nhằng! Trói cũng ký được. Không phải tha!

– Bẩm ông, xin ông trông lại! Thật quả nhà con bị trói chặt quá, cánh tay quật ra đằng sau lưng, không sao

1. Chức dịch đương thứ: Những người hiện đang làm việc trong bộ máy cai trị ở làng quê trong xã hội cũ.

ký được! Chứ nếu nhà con ký được thì đâu dám kêu van cho rác tai ông!

– Đưa văn tự đây ta xem!

Chị Dậu sẽ sàng nâng mảnh văn tự trao cho Lý trưởng, rồi im lặng, chị nén lòng ngồi đợi ở cạnh câu lơn.

Mặt trời đã nghiêng sang phía sau đình. Ánh nắng luồn qua chấn song, thấp thoáng soi chỗ anh Dậu.

Thằng Mới lật đật quét dọn cơm rau rơi vãi và mảnh bát, mảnh chậu ném ở sán đình.

Vợ nó cặm cùi ngồi dưới sân đình rửa bát, rửa mâm, vét vói những bát thịt thừa canh dờ.

Mấy mụ đàn bà ngoại canh lần lượt lên đình nói với Thủ quỹ giở sổ tính thuế.

Lý trưởng đánh vắn hết bức văn tự, liền thở hơi rượu vào mặt chị Dậu:

– Chỉ cần chống mày ký vào văn tự thôi à?

– Cụ Nghị bắt phải xin triện của ông nhận thực cho nữa. Nhưng con sợ ông, nên chưa dám nói.

Lý trưởng cười lối khinh bỉ:

– Triện của ông có phải củ khoai? Để ông đóng không cho mày đấy chắc!

– Xin ông thương con. Nếu không có triện của ông, cụ Nghị lại không giao tiền.

– Một đồng bạc! Nghe chưa? Thế là ông thương mày đấy, người khác thì phải năm đồng.

– Lạy ông, ông xét lại cho. Con bán cả con lẫn chó mới được có hai đồng bạc.

– Mặc kệ! Không biết! Dù một đồng bạc thì ông sẽ đóng triện cho.

Chị Dậu vừa nói vừa khóc:

– Nếu ông không thương, con không lấy đâu được tiền nộp sưu!

– Chẳng có tiền sưu thì chồng mày ngồi tù!

Thất vọng, chị Dậu rũ rượi ngồi im. Đến lượt anh Dậu nằn nì thay vợ:

– Thưa ông, con có muốn chi thế này! Trời làm vận hạn đau yếu nên con phải chịu. Xin ông thương lại vợ chồng nhà con, một đồng bạc con cũng xin vâng, nhưng con hãy khát. Ngày mai xong thuế con bắt nhà con cày trừ hầu ông.

Chánh tổng phì cười:

– Bây giờ lại có lối đóng triện cày trừ nữa. Thôi cũng được! Ông Lý nhận lời cho nó đi, đừng để chúng nó nói mãi điếc tai!

Lý trưởng làm bộ khó khăn:

– Vâng! Tôi nghe lời cụ Chánh.

Rồi bèn quay lại hỏi chị Dậu:

- Mày định cấy trả nhà tao bao nhiêu?
- Con xin cấy hầu ông một mẫu.
- Đồng bạc một mẫu thế ra một hào một sào kia à?
Không được! Phải một mẫu rưỡi.
- Ông dạy thế nào con cũng xin vâng.

Chuyện êm, anh Dậu được tạm thoát ly sợi dây thừng để đề tên vào sau văn tự. Nhưng anh bị trói đã lâu, cánh tay sưng lớn và bại liệt, các đầu ngón tay tê tái, bấm không biết đau, lóng ngóng mãi không viết được một chữ.

X.

Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nháy chân sáo:

– U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thế?

Cái Tý ở trong bếp xa xa mắng ra:

– Đã bảo u không có tiền, lại cứ nhằng nhằng nói mãi! Mà ý tưởng người ta dám bán gạo chịu cho nhà mày sao? Thôi! Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra ông xơi, ông đừng làm tội u nữa.

Rồi nó tắt tả bỗng em ra trước thềm đón đả chào mẹ:

– U đã về ạ! Ông Lý cười trối cho thầy con chưa, hử u? Cái nón của u làm sao mà bị rách tan tành thế ấy? Tay u làm sao lại phải buộc giẻ thế kia?

Chị Dậu không trả lời. Thờ thẩn, chị đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mép chõng.

Cái Tý xoa đầu cái Tiu kể lể bằng giọng hú hí:

– Cô ả này hôm nay quấy lắm, u ạ! U đi khỏi nhà, cô ta cứ ra rả khóc không dứt miệng. Dễ thế nào cô ta cũng không nín cho. Đặt ngồi xuống phàn, cô ta lại níu lấy con và cố đứng lên. Con vừa leo đèo cấp cô ta ở sườn, lại vừa hí hục rửa khoai, tra nồi, xin lửa dóm bếp. Cùi thì ướt chảy, ướt nhá, lì lụm mãi không cháy cho. Thế mà con cũng luộc được chín nồi khoai rồi đấy! U bảo con có ngoan không?

Chị Dậu vẫn không nói gì. Buồn rầu, chị kéo chéo yếm cài trong dải lưng, vạch đầu vú nổi gân xanh lè, và bóp mạnh cổ vú, vắt những sữa chua xuống đất.

Thằng Dần lần thẩn đứng bên cạnh mẹ hau háu nhìn những tia sữa bằng hai con mắt tiếc rẻ ngậm ngùi.

Cái Tiu vừa ngậm vú mẹ vừa khóc lăn nhăn. Sữa trong vú chảy ra không đủ cho sức nó nuốt. Nhá bên nọ, nguập bên kia, bú bên này sờ bên khác, con bé vẫn hai đầu vú giống như con mèo vờn cái bong bóng bẹp hơi.

Mấy nét dẫn dúm hiện lên trên sống mũi và mấy tiếng xuýt xoa se sẽ tự trong đầu lưỡi đưa ra, chị Dậu chừng cũng rất ruột về sự phàm ăn của con. Tuy vậy, chị vẫn hết sức nín chịu, và vẫn luôn luôn vuốt tay vào vú, có ý dòn cho sữa xuống.

Cạnh chõng, nghi ngút một đám khói bay.

Cái Tý lễ mễ bưng rổ khoai luộc ghéch vào chân cột, và dặn thằng Dần:

– Hãy còn nóng lắm đây nhé! Em đừng mó vào mà bỏng thì khổn!

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến rổ bát, lục lấy hai cái bát to và một đôi đũa, đem lại. Bới từ tròn rổ bới lên, nó gấp những mẩu khoai to xếp đầy hai bát. Bằng cái dáng bộ vui vẻ, nhẹ nhàng, nó đặt một bát lên chõng:

– Mời u xơi khoai đi ạ!

Rồi nhanh nhẩu, nó bưng một bát, bước qua tấm phản cập kênh, ngửa cổ để lên bàn thờ, và quay xuống, nó bảo thằng Dần:

– Bát này chị để phần thầy đây nhé! Chốc nữa thầy về thầy ăn. Đứa nào ăn vèn¹ của thầy thì chị không cho đi chơi với chị.

Thằng bé không để tiếng nào vào tai, nó cứ ngồi sán bên cạnh rổ khoai và nuốt nước dãi ừng ực. Cái Tý lật đật chạy đi tìm cái quạt nan, để quạt cho khoai chóng nguội.

Rổ khoai vừa đi hết khói, hai đứa xúm lại, lê la ngồi phệt dưới đất, mỗi đứa nhón lấy mỗi củ, không kịp bóc vỏ, chúng nó vừa thổi phù phù vừa cắn ngấu nghiến. Giống như con cạp trong vườn bách thú vớ được miếng thịt bò tươi, đứa nào đứa ấy nhai nuốt một cách ngon lành gọn vẹn. Trừ ra khi gặp củ nào hà nhậ² đắng quá không thể

1. Ăn vèn: Ăn vẹt vào, ăn bớt đi, lấy bớt đi.

2. Hà nhậ: Sâu cánh cứng, ký sinh trong củ khoai, làm cho củ khoai hỏng, đắng, rất khó ăn.

nuốt được, chúng nó mới chịu nhö đi, và khi bị củ nào nhiều xơ, dai quá không thể nhai được, chúng nó mới chịu nhả bã.

Những sự hiếu thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngây thơ vô tình lộ ra từ nãy đến giờ, hình như đều là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu. Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngấn dài.

Ngạc nhiên, cái Tý thò thẻ giục mẹ:

– U ăn khoai đi, để lấy sữa cho em nó bú. Từ sáng đến giờ, u chưa ăn gì, đói quá chịu làm sao được?

Chị Dậu vẫn cứ rầu rĩ nét mặt, những giọt nước mắt rơi xuống càng mau.

Với vẻ mặt bần khoản, cái Tý lại bưng bát khoai chìa tận mặt mẹ:

– Này u ăn đi! Để mãi! U có ăn thì con mới ăn. U không ăn con cũng không muốn ăn nữa.

Nể con, chị Dậu cầm lấy một củ, rồi chị lại đặt xuống chõng.

Vẻ nghi ngại hiện ra sắc mặt, con bé hóm hình hỏi mẹ một cách thiết tha:

– Sáng ngày người ta đấm u có đau lắm không?

Chị Dậu sẽ gạt nước mắt:

1. Hình như đều là, có bản in thiếu chữ “như” thành bình đều là.

– Không đau, con ạ!

– Thế làm sao u cứ khóc mãi mà không ăn khoai? Hay là u thương chúng con đói quá? Không, chúng con không đói nữa đâu. Hai đứa ăn hết ngần kia củ khoai thì no mòng bụng ra rồi, còn đói gì nữa! U cứ ăn đi, u cứ ăn hết bát khoai ấy đi! Nếu u không ăn, lấy đâu ra sữa cho em nó bú?

Chị Dậu vừa nói vừa mếu:

– Thôi u không ăn, để phần cho con. Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi. U không muốn ăn tranh của con. Con cứ ăn thật no, không phải nhường nhịn cho u.

Cái Tý chưa hiểu hết ý câu nói của mẹ, nó xám mặt lại và hỏi bằng giọng luống cuống:

– Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu?

Điểm thêm một dây nức nở, chị Dậu ngó con bằng cách xót xa:

– Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài.

Cái Tý nghe nói giã nảy, giống như sét đánh bên tai, nó liệng củ khoai vào rổ và òa lên khóc:

– U bán con thật đấy ư? Con van u, con lạy u, con còn bé bỏng, u đừng đem bán con đi, tội nghiệp. u để cho con ở nhà chơi với em con.

Thằng Dần cũng khóc tru tréo, bỏ luôn rổ khoai đứng dậy, ngoay ngoáy lắc cái mông đít, nó nhắc lại câu đã nói sáng ngày:

– Em không! Nào! Em không cho bán chị Tý! Nào! Nào! Có bán thì bán cái Tiu này này!

Chị Dậu chỉ thốn thốn, thức thức, không nói thêm được câu gì. Bộ mặt sầu thảm dần dần ngã xuống, đối thẳng với mặt con bé đương bú.

Bên đám lông mày cong rướn, mấy sợi tóc mai là thả rủ xuống, hình như làn khói thuốc lá phớt phơ bay trước khuôn gương. Và trên cái gò má đỏ bừng, vài ba giọt nước mắt thánh thót đuổi nhau, chẳng khác hạt sương buổi mai lạnh đọng trong cánh hoa hồng mới nở.

XI.

Gió chiều thổi đám lá tre rơi tả.

Nắng tây gay gắt đến nửa thêm.

Thằng Dân, cái Tý thôi không ăn khoai, dĩa dĩa¹ vừa van vừa khóc.

Cái Tiu bú đã lửng dạ, hờn hờ ngành ra cười đùa.

Chị Dậu lại càng rũ rượi. Chống tay lên trán, chị như nghĩ ngợi phân vân. Một lúc sau, chị đứng phắt dậy với dáng điệu quá quyết:

– Thôi, phải tội với trời, mẹ chịu! Cảnh nhà đã thế, mẹ đành dứt tình với con!

Tức thì, chị chùi nước mắt và đi làm những việc mà chị cho là đau đớn.

Cái Tiu lại bệu bên sườn cái Tý.

1. Nguyên tác là “dĩa dĩa”: Chưa rõ nghĩa, (có thể là “dín dín” – từ cũ – nghĩa là sợ, ngại).

Con chó cái chui đầu vào sợi xích sắt để cho bà chủ buộc vào cột nhà.

Đàn chó con phải bắt vào trong rổ thưa, trên có mẹt dây và có lạt chằng chắc chắn.

Các việc xong hết, chị lại đón lấy cái Tiu, cho nó bú thêm lúc nữa. Sau khi đã kéo chiếc chiếu thùng rách trên phản trải xuống giữa nhà, chị đặt con nhỏ vào chiếu và sai thằng Dần ngồi đó trông em. Chị lục tất cả quần áo cái Tý và gói chung làm một gói. Rồi một tay nưng rổ chó lên đầu, một tay cầm sợi xích định dắt luôn con chó cái ra cửa, sục sục, chị bảo cái Tý:

– Con hãy đội cái mê nón cho đỡ nắng, và con cấp lấy gói quần áo rồi sang bên cụ Nghị Quế với u.

Chừng như lúc này thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Tý vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng cho mình, cho nên nó đã vững dạ ngồi im. Bây giờ nghe mẹ giục nó phải đi, nó lại nhếch nhác mếu khóc:

– U nhất định bán con đấy ư? U không cho con ở nhà nữa ư? Khốn nạn thân con thế này! Trời ơi!... Ngày mai con chơi với ai? Con ngủ với ai?

Chị Dậu lại lã chã hai hàng nước mắt:

– U van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. Công u nuôi con sáu, bảy năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của! Bây giờ phải đem con đi bán, u đã chết từng khúc

ruột rồi đấy, con ạ. Nhưng mà tiền sưu không có, thầy con đau ốm là thế, vẫn bị người ta đánh trói, sưng cả hai tay lên kia... Nếu không bán con, thì lấy tiền đâu nộp sưu? Để cho thầy con khổ sở đến nước nào nữa? Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con cứ đi với u!

Cái Tý vẫn khóc rưng rức. Chị Dậu cũng vừa dỗ rỏ chó con vừa khóc nức nở, nhưng vẫn cố kiếm những lời thăm thía xót xa để khuyên con.

Lâu lâu, cái Tý chừng cũng hiểu những nỗi đau lòng của mẹ, nó không khóc nữa. Lau sạch nước mắt, nó chạy đến bên chỗ cái Tiu cúi đầu tận mặt con này, nó hôn mỗi má mấy cái, và nó lại mếu:

– Tiu ở nhà nhé! Tiu ở nhà với anh Dần nhé! Chị phải đi đây. Chị sang ở với cụ Nghị kia đây. Từ rày trở đi chị không được ẵm Tiu nữa. Bao giờ Tiu lớn, Tiu sang bên ấy tìm chị, Tiu nhé!

Rồi nó ôm lấy thằng Dần và cũng hôn luôn hai má thằng ấy. Vừa nói, nó vừa giàn giụa nước mắt:

– Dần có thương chị không? Dần có nhớ chị không? U bán chị rồi. Dần ở nhà chơi với Tiu vậy. Nó khóc thì Dần dỗ nó, không được đánh nó đấy nhé. Bao giờ nó lớn, thì Dần rủ nó sang nhà cụ Nghị với chị. Thôi, Dần ở nhà, chị phải đi với u đây, chị không được về nữa đâu, Dần ạ!

Thằng Dần níu lấy áo chị và khóc rầm rĩ:

– Chị phải ở nhà với em! Em không cho chị sang nhà cụ Nghị. Nếu chị sang nhà cụ Nghị, rồi thì em chơi với ai?

Cái Tý khóc hu hu. Nó cứ quẩn quít thằng Dần, không muốn rời ra. Ngoảnh lại nhìn mặt chị Dậu, nó nói bằng giọng năn nỉ:

– Con nhớ em quá! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em. Sáng mai con xin đi sớm.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn:

– Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu, ông Lý lại trói thầy con thêm một đêm nữa, thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

Và chị cố kiếm cho được cái giọng ngon ngọt để dỗ thằng Dần.

– Dần buông chị ra, đi con! Dần ngoan lắm nhỉ! U van Dần, u lạy Dần! Dần hãy để cho chị đi với u, đừng giữ chị nữa. Chị nó có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ! Sáng nay người ta đánh trói thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông Lý vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy.

Thằng Dần vẫn sợ ông Lý, như đứa trẻ khác sợ ông ngoáo ộp, nghe nói đến tên ông ấy nó đã mất vía đi rồi. Lập tức nó rời vạt áo cái Tý và nó òn ẻn dặn mẹ:

– Em chỉ cho chị Tý đi một lúc thôi. Lấy được tiền rồi, u lại phải đem chị ấy về đây với em.

Chị Dậu buột miệng:

– Ủ...

Rồi hình như có ý hối vì mình đã nói dối trẻ con, tức thì chị lại nói chữa:

– Ủ, hể cụ Nghị bằng lòng để cho chị con về nhà vài hôm, thì u đem nó về với con.

Cái Tý với hai hàng nước mắt rùng rùng, hôn hít các em một lượt nữa, rồi lúi thủi, nó đội mê nón lên đầu và cấp gói áo vào nách.

Chị Dậu vừa dặn thằng Dần ngồi coi cái Tiu, vừa cời dây xích lôi con chó cái.

Con vật ấy ở nhà chị Dậu, tuy không làm “tên lính gác nhà” như các bạn nó ở vào những nơi giàu có, nhưng cũng là hạng “tôi tớ” cần dùng. Những lúc con cái chủ nhà đau dạ lạnh lòng!... Công việc “vệ sinh” trong nhà, phận sự nó phải gánh vác tất cả. Sự quan hệ giữa nó với chủ tuy chỉ có thế, song mà trời đã sinh nó làm một loài vật “giàu lòng trung thành” thì, ăn lương của chủ, nó phải hết lòng mến chủ, cũng như nó phải hết lòng vâng theo lời chủ. Cái bản tính ấy, khiến nó chỉ muốn “làm việc” với chủ suốt đời, không muốn có ngày “hưu trí”, mặc dầu chủ vẫn coi nó là giống vật hèn. Vì vậy, nay thấy chị Dậu xích nó, lôi nó, đối với nó có vẻ khác hẳn mọi ngày, hình như nó

cũng không biết rằng chủ nó sắp sửa “đổi” nó đi đâu hoặc là đem nó đến chỗ làm tình làm tội gì đó. Khăng khăng ghì lại, nhất định nó không chịu đi. Chị Dậu càng kéo, nó càng tỏ ra thái độ van lơn. Nếu có một nhà “động vật tâm lý học” đứng ở cạnh nó lúc ấy, tất nhiên người ta có thể đoán rằng: “Nó đương lạy chủ, xin chủ cho nó ở lại thêm một hạn nữa”.

Vô hiệu! Chủ nó cứ dùng cường quyền điệu nó sênh sêch ra đường.

Tuy vậy, nó vẫn còn mong chủ thương. Cho nên ra khỏi cổng rồi, nó cứ còn lăn, còn giãy, còn ngoe ngoáy đuôi, còn kêu hừng hực khi nghe tiếng mấy con chó con ăng ăng ở trên đầu chủ.

Mặt trời đã xế.

Bóng người ngả xuống mặt ruộng, dài thườn thượt như bóng cây cau.

Trâu bò không phải cày chiều, nghe nghe theo đàn trẻ chặn ra các bờ ruộng gặm cỏ.

Với những tiếng thồn thức trong đáy tim và những giọt nước mắt luôn luôn đọng ở gò má, chị Dậu cố sống cố chết, những nhặng dất con và chó lẻo đẻo dưới ánh nắng mùa hè. Con vẫn lứt mướt khóc, chó vẫn ý ăng kêu, chị vẫn nhất định giả câm giả điếc mong cho chóng đến nhà cụ Nghị.

XII.

Nắng quái in ánh vàng trên dãy ngọn tre.

Đàn liễu điệu lúu tíu kêu trong cảnh khế.

Mấy con chiến chiến ríu rít gọi nhau trên tàu cau.

Nghị Quế vênh râu đứng trong sân gạch, ngắm đôi bồ câu gật gù gụ nhau ở cửa chuồng. Nhác thấy mẹ con chị Dậu nhô vào, hấn hỏi một cách thật đồng:

– Làm gì bây giờ mới dất nhau đến? Để cho người ta chờ đợi mấy tiếng đồng hồ! Dính với chúng bay lúc nào bực mình lúc ấy, không có đứa nào giữ được đúng hẹn bao giờ!

Lễ phép, mẹ con chị Dậu cùng cúi đầu chào:

– Bẩm cụ, vì nhà con bị trói ở đình, con phải nói mãi các ông ấy mới cởi ra cho để ký văn tự... Vả lại, đường cũng hơi xa, con đi khí chậm, xin cụ tha lỗi cho!

– Bà ở nhà khách ấy, đem nhau vào mà nói với bà!

Rồi hấn gọi chỗ vào phía trong sân:

– Đứa nào ra coi chó cho chúng nó!

Như anh phường trò đón dịp, thằng bếp dạ một tiếng thật dài, rồi nó cầm gậy đuổi chó, đưa mẹ con chị Dậu và con chó cái lên tòa nhà mà chị đã vào lúc này.

Mụ Nghị phủ đầu bằng giọng gắt gỏng:

– Đã bảo lấy cái gì đây cho mấy con chó con, kéo nó bị nắng, sao lại chỉ úp cho nó một cái mẹt ranh thế kia?

Thèn lện, chị Dậu trả lời bằng câu “lạy cụ”. Rồi nhờ thằng bếp buộc cái xích của con chó cái vào cột, chị thông thả hạ rổ chó con trên đầu xuống thêm.

Mụ Nghị liếc nhìn cái Tý, the the, mụ mắng chị Dậu:

– Thế mà cả vợ lẫn chồng cùng dám xưng xưng nói rằng con đã lên bảy. Lên bảy mà bằng cái nhãi thế à? Bà biết ngay mà! Cái đời nhà chúng bay còn có câu nào nói thật!

– Bẩm cụ, chúng con không dám nói dối, thật quá cháu đã lên bảy tuổi, thằng em nó lên năm, còn con bé nữa lên hai. Con được ba cháu cả thấy.

Nghị Quế ở sân vừa vào, chỉ mặt chị Dậu, hăn tỏ ra người rất oai:

– Im cái mồm. Đừng giỡn con cà con kê ra đấy! Mấy cháu mặc kệ nhà mày! Đẻ lắm thì bán nhiều, chó làm trò gì? Mở cái ổ ra... tao xem mấy con chó con!

Mụ Nghị tiếp theo chồng:

– Ấy đấy! Ông tính nó nói thế có nghe được không?

Rồi mặt ngoảnh trông chị Dậu:

– Này liệu hồn! Bà thì tổng cổ cả đi, không thềm mua bán gì nữa bây giờ! Để bà bằng đôi bằng lứa với mày hay sao? Chưa nói mày đã cãi liền! Láo quen! Con bé bằng ngần kia, mày dám xoen xoét bảo nó lên bảy, nói cho chó nó nghe à?

Cái Tý đứng nép sau cột, nét mặt thiu thiu, như lo mình mới đánh rơi một tuổi lúc nào. Chị Dậu chờ mặt ngồi thừ với những giọt nước mắt đọng ở trong đám lông mi lóng lánh.

Hai bên thái dương Nghị Quế nổi những sợi gân tím bầm để báo tin một câu giận dữ:

– Nó vẫn không mở mấy con chó con ra à? Có tiếc đem về mà nuôi!

Nước mắt nhỏ xuống gạch thềm thánh thót, chị Dậu cầm cúi cời mấy nút lạt buộc và bỏ cái mẹt ra thềm. Nghị Quế vội vàng ngồi xuống cạnh rổ. Bốn con chó lần lượt bị hấn túm cổ xách lên, xem tai, xem mắt, xem lưỡi, xem chân, xem bụng, xem đuôi, xem ngực, có con bị hấn ti mi bôi vạch từng cái lông tơ. Rồi hấn ngăm ngía đến con chó cái. Một lát sau, vẻ mặt hơi dịu, hấn vào ngồi bắt chân chữ “ngũ” trong sập và bảo chị Dậu:

– Văn tự đâu? Đưa đây tao xem.

Chị Dậu ró ráy cời cái văn tự ở đầu dải yếm, khúm núm đặt lên trên sập.

Cầm bức văn tự, nghị Quế chỉ nhìn đi nhìn lại ở chỗ Lý trưởng đóng triện. Lâu lâu, quay ra hắt bảo thằng nhỏ:

– Mày đi lấy mấy bát cơm nguội, lấy nhiều nhiều vào, để tao cho đàn chó này ăn thử, xem sao!

Thằng nhỏ “ba chân bốn cẳng” chạy xuống nhà ngang sau một tiếng dạ gọn ghẽ.

Mẹ con chị Dậu rò rọ ngồi nép bên cột, người nọ nhìn cái mặt chan hòa nước mắt của người kia.

Bốn con chó con lau nhau đi đến ven thềm, mỗi con chiếm mỗi vú của con chó cái.

Nghị Quế vui vẻ bảo vợ:

– Bà thử trông xem, có phải không có con nào bị đuôi chấm sống?

– Tôi cũng đương nhìn. Hình như không cả thì phải.

XIII.

Thằng nhỏ ở nhà ngang lên với rá cơm nguội đầy ụ. Nghị Quế bảo mẹ con chị Dậu bắt đàn chó con thả sang đầu thềm bên này. Tất tả, hấn chạy luôn ra, bưng lấy rá cơm xúc cho mỗi con một bát. Chị Dậu nói thật, bốn con chó con đều biết ăn cơm cả rồi. Riêng con chó cái, hình như vừa mệt vừa lo, chỉ ăn nhỏ nhẹ vài miếng lại nghỉ.

Bằng cái sắc mặt ôn hòa dễ dãi, Nghị Quế nhìn vào chị Dậu:

- Con chó cái nhà mày mua ở đâu thế?
- Bẩm của mẹ con mua ở Lầu Cai¹ đem về cho con!
- Ừ, có thể chứ! Chắc là giống chó Mông Tự, chứ ở nhà quê làm gì có thứ chó này!

Mụ Nghị don đả kể công:

- Bởi thấy nhiều người mách rằng nhà nó có con chó

1. Lào Cai.

cái khôn lắm, cho nên sáng ngày tôi mới cố mua lấy được. Chứ bỗng không ai có động rồ mà chuốc đàn chó vừa mới mở mắt? Thế còn bốn con chó con thế nào?

Nghị Quế lắm bầm gật đầu:

– Đẹp cả! Bốn con bốn kiểu: một con “huyền đề”¹, một con “lốt hổ”², một con “đen tuyền” và một con “tứ túc mai hoa”³. Con nào cũng cúp tai, ngắn mắt, đốm lưỡi, mắt xéch lá đề, đẹp lắm!

Vừa nói, hắn vừa tung tăng đi vào trong sập. Vẫn cái kiểu ngồi bắt chân chữ “ngũ”, hắn vít lấy cái xe điều ống, hút một hơi thuốc lào, rồi hắn rung đùi ra bộ đắc ý:

– Biết cái gì vất vả cái ấy! Ông Phủ Đặng, ông Nghị Bùi, ông Phán Tiên và ông Cửu Xung trên tỉnh, các ông ấy đều biết tôi biết xem chó sành lắm, ông nào cũng khẩn khoản nhờ tôi mua hộ. Tôi định khi nào bốn con chó này khá lớn, thì cho mỗi người một con. Nhưng lại tiếc con chó đen tuyền, muốn để nhà nuôi. Vì giống chó ấy lợi chủ, nuôi nó trong nhà làm ăn thịnh vượng...

Mụ Nghị ngắt lời bằng giọng nói nửa thật nửa đùa:

– Chả có của đâu mà cho. Ai muốn được giống chó tốt phải có tiền đây cho tôi, không thì tôi để nuôi ráo!

1. Huyền đề: Ý nói con chó có đeo móng thừa ở phía sau chân.

2. Lốt hổ: Chó vẫn có lông màu sắc như lốt con hổ.

3. Tứ túc mai hoa: Bốn chân đều có vết trắng. Có bản in sai là *tứ túc hoa mai*.

– Nhà đã mười bốn con chó cả thầy, nuôi làm gì nữa? Cơm đâu!

– Tôi nuôi để nó coi nhà. Nuôi chó còn hơn là nuôi đứa ở. Nhà rộng thênh thang thế này, mười mấy con chó, nhiều gì?

Rồi mặt cười giòn khanh khách và trở vào mặt chị Dậu:

– Cơm chó nhà tao cũng tốn bằng mấy “cơm người” của nhà mày đấy.

Chị Dậu dường như tùi thân, cúi xuống gạt thẳm nước mắt, chị không biết nói thế nào.

Mấy con chó con thôi ăn, kéo nhau trở lại chỗ con chó cái, bỏ dờ cả mấy đồng cơm.

Nghị Quế sai thằng nhỏ hót hết vào rá, đưa cho cái Tý. Ra giọng nhân từ, ông đại biểu của dân bảo đứa con nít khốn nạn:

– Con bé kia! Cầm lấy rá cơm ăn đi, kéo phí của trời. Ăn bốc cũng được, không phải dũa bát.

Nước mắt chảy ra như mưa, cái Tý ngẩn ngại nhìn rá cơm nguội, không muốn chìa tay ra đón.

Ông đại biểu cho dân hằm hằm nét mặt:

– Mày không ăn thừa cơm chó phải không?

Bà Nghị nổi cơn tam bành:

– Mẹ mày dạy mày thế đấy chứ? Con ranh con! Ở đây với bà mày cứ giữ cái thói khoanh ấy, thì bà dần từng

cái xương. Này, bà bảo cho mà biết: mày ăn cơm chó nhà bà cũng chưa đáng đâu. Con chó nhà bà còn được mấy chục, con người như mày, bà chỉ mua có một đồng đấy thôi. Đừng khoảnh với bà!

Nghị Quế hạch lạc chị Dậu:

– Con mẹ khốn nạn! Mày ngồi giường mất ra đấy không biết báo con làm sao. Hay mày sợ con phải ăn cơm chó thì mày xấu hổ?

Dường như thương mẹ bị quở, cái Tý vội vàng đón lấy rá cơm. Rút rề nó bốc một nắm bỏ vào miệng, uể oải nhai như bò nhai trấu.

Mụ Nghị nghiêng răng kèn kẹt và chỉ vào mặt con bé:

– Bà truyền đời báo danh cho mày, từ giờ đến mai, phải ăn hết cái rá cơm ấy, rồi mới được ăn cơm khác!

Chị Dậu chỉ gục đầu vào cột, nước nỡ khóc thầm.

Nghị Quế quát hỏi:

– Thế con mẹ kia có lấy tiền không? Hay còn tiếc con tiếc chó?

Chị Dậu vội chùi nước mắt đứng dậy:

– Bẩm cụ...

Không để cho chị nói hết, Nghị Quế giục vợ:

– Bà trả tiền cho nó về đi, để nó ngồi mãi ở đây, tôi không chịu được!

Cái chuông trong hòm leng keng kêu một hồi dài, mẹ Nghị cầm hai chuỗi trình quang tọt ra thêm:

– Đấy! Tiền đấy!

Chị Dậu lom khom cúi nhặt tiền, toan tính cời ra đếm lại. Mẹ nghị xa xả:

– Không ai thềm làm thiếu đồng nào! Không phải đếm chác gì nữa!

Chị Dậu giắt tiền vào lưng, rồi chị sụt sùi bảo với cái Tý:

– Thôi con ở đây hầu hạ hai cụ, u về nhé!

Cái Tý ôm chầm lấy mẹ và khóc như mưa như gió:

– U đừng về vội! U hãy ngồi đây với con lúc nữa.

Nghị Quế dùng dùng đứng dậy, giơ cái bàn tay hộ pháp tát cho con bé một cái đánh đốp, và hấn hét lên như ông đại tướng trong rạp tuồng:

– Thằng nhỏ lòi cổ nó xuống nhà bếp kia...

Tức thì cái Tý liền phải rời mẹ ra, sênh sếch theo tay cậu hầu cận của ông Dân biểu xuống thềm. Bộ mặt bồ nhếch bồ nhác ngoảnh lại với cái miệng mếu xệch, nó nhìn theo mẹ và nói bằng giọng nức nở:

– Ngày mai u đem thằng Dân sang đây chơi với con nhé, con nhớ em lắm!

XIV.¹

Hai bầu vú xuống sữa mấy gang, sữa ở trong vú rỉ ra, ướt đầm cả một lần yếm, làm cho chị Dậu bồn chồn sốt ruột về con bé ở nhà. Bởi vì theo sự kinh nghiệm của đàn bà con mọn, những lúc xa con, tự nhiên sữa chảy như thế, ấy là đứa con vắng mẹ đã đói và đương gào khóc đòi bú. Chị không dám nghĩ đến cái Tý nữa, sắp giữa, chị cấp cái rổ, cái mẹt và cái mê nón tất tả ra cổng thôn Đoài.

Mặt trời đã lặn xuống tận mặt đất.

Đàn quạ khoang đập diu là xuống các bãi tha ma.

Còi lá dừa của lũ mục đồng rồi rít thúc trâu về nghỉ.

Tối làng Đông Xá, trời đã nhá nhem.

Trong đình vắng tanh vắng ngắt.

Đàn dơi bắt muỗi xập xè bay khắp lòng đình.

1. Các lần tái bản sau năm 1955 đã ghép chung phần này với phần XIII dẫn đến toàn truyện chỉ có 26 phần.

Ngọn đèn dầu ta loe trên hương án cố sức phun những ánh sáng ủa vàng, soi cho mấy nén hương đen lù mù cháy ở dưới cửa võng.

Cả mấy gian đình chỉ còn sự tối tăm giúp sức cho sự kinh trợn. Người ta đã đem hết tiếng âm âm vào nhà Lý trưởng từ lâu.

Chừng cũng đoán biết như vậy, chị Dậu lùi thui theo chỗ có tiếng tù và “rúc hồi” đi vào.

Dưới ánh lửa sáng quắc của hai ngọn đèn hai dây, quang cảnh trong nhà Lý trưởng lúc này cũng như quang cảnh ngoài đình lúc nãy. Anh Dậu và bọn trai đình thiếu sưu đều giơ khuỷu tay cho sợi dây thừng buộc vào cột nhà. Đàn ông, đàn bà chờ đợi nộp thuế còn lơ nhố suốt một bậc cửa.

Lính cơ, Cai lệ vẫn nằm chầu Chánh tổng ở bên kia bàn đèn; Thủ quỹ, Thư ký, Chánh hội, Phó hội và các chức dịch ngổn ngang ngồi ở cạnh những cuốn sổ sách bề bộn.

Cái mặt “bồ hôi nước mắt” vừa ló vào thềm, chị Dậu liền được mấy ông chức dịch nhao nhao thét hỏi:

– Đã bán được con rồi chứ! Dem nộp tiền sưu mau lên!

– Thưa đã!

Vừa nói, chị vừa giở chuổi tiền trình giắt ở dải lưng và tám hào con, tiền bán khoai mà chị vẫn khư khư buộc đầu dải yếm. Bớt lại một hào, chị sẽ rón rén đặt hai đồng bày lên trước Lý trưởng:

– Thưa ông, nhà cháu không kịp đi đổi tiền giấy, xin ông làm ơn nhận cho!

Lý trưởng cầm chuỗi tiền trình đưa cho Thủ quỹ đếm lại và bảo chị Dậu:

– Mỗi đồng phải các ba xu, bỏ luôn ra đây, tao nhận cho. Nhưng sao lại có hai đồng bảy hào?

Ngơ ngác, chị Dậu vừa đưa đồng hào để trả tiền các, vừa đáp bằng giọng lớ ngớ:

– Thưa ông, cháu tưởng năm nay sưu bổ mỗi suất chỉ có bảy nhiều.

– Phải rồi, tiền sưu năm nay mỗi suất chỉ có hai đồng bảy hào. Nhưng nhà mày phải nộp hai suất, nghe không? Một suất của chồng mày, một suất nữa của thằng Hợi.

– Thưa ông, chú nó chết từ tháng giêng rồi mà? Nhà con vẫn chưa “khai tử” hay sao?

Lý trưởng phát gắt:

– Khai tử rồi cũng phải đóng sưu. Ai bảo nó không chết từ tháng mười năm ngoái?

Chị càng ngẩn ngơ ra bộ không hiểu, như ý ngờ người ta ăn hiếp nhà mình:

– Thưa ông, người chết đã gần năm tháng, sao lại còn phải đóng sưu?

Lý trưởng quát:

– Mày đi mà hỏi ông Tây, tao không biết.

Thư ký đồng đạc cắt nghĩa:

– Chết cũng không trốn được sưu Nhà nước! Là vì thằng em chồng chị mới chết tháng giêng An Nam, mà sổ “thông quy” của làng đã làm từ đầu năm Tây, tức là tháng một An Nam năm ngoái. Sổ ấy có tên thằng Hợi – lúc ấy nó còn chưa chết – khi đệ lên tỉnh, tòa sứ cứ theo sổ định trong sổ mà làm bài chi đưa sang sở Kho bạc. Rồi đến kỳ thuế, sở Kho bạc lại cứ theo đúng sổ thuế ghi trong bài chi mà thu. Nó chết tháng giêng, chứ dẫu nó chết tháng chạp cũng vậy, bài chi làm rồi, người ta không có chữa lại bao giờ, “khai tử” hay chẳng “khai tử” mặc kệ! Bởi thế, bài chi làng ta năm nay vẫn không trừ được sổ sưu thằng Hợi nhà chị. Nó chết, vợ con chưa có, ông Lý phải trách cứ lấy vào thân nhân, chồng chị không nộp cho nó thì ai nộp?

Chị Dậu dờ nói dờ khóc:

– Cháu là đàn bà, biết đâu việc quan như thế. Khốn nạn chú nó chết đi, nhà cháu thật như mất cánh tay phải! Còn nó, chúng cháu có đâu đến nỗi khổ sở thế này! Bây giờ, nó đã chẳng may thiệt phận, đành rằng suất sưu của nó, nhà cháu phải đóng, nhưng cháu xin các ông cho khát đến mai. Hôm nay cháu hãy đóng trước một suất, các ông tha cho nhà cháu về, kéo người yếu đau bị trói cả ngày, không khéo chết mất.

Lý trưởng trừng mắt:

– Chết thì ông chôn. Mày tưởng chồng mày chết mà ông sợ à? Muốn chồng khởi trói, về đem nốt hai đồng bảy

nữa ra đây. Nếu không thì ông còn trói, ông trói cho đến bao giờ đủ sưu thì thôi.

Chị Dậu chừng như uất quá, ngồi sụp xuống chỗ cạnh chồng, chị khóc tru tréo:

– Ối trời ơi! Tôi bán cả con lẫn chó và hai gánh khoai mới được hai đồng bảy bạc. Tưởng rằng đủ tiền nộp sưu cho chồng, thì chồng tôi khỏi bị hành hạ đêm nay? Ai ngờ lại còn suất sưu của người chết nữa! Khốn nạn thân tôi! Trời ơi! Em tôi chết rồi còn phải đóng sưu, hờ trời? Tôi biết đâm đầu vào đâu cho được hai đồng bảy bạc bây giờ?

Cai lệ ngồi phất trở dậy, gân cổ thét ra:

– Chỗ mày kêu khóc đây à, con mẹ kia? Muốn sống thì cầm cái mồm, không thì ông sẽ cho một trận nữa!

Anh Dậu run run khuyên vợ:

– Thôi! U nó về đi với con, kéo có hai đứa ở nhà nó khóc hết hơi. Mặc tôi ở đây, bị trói thêm một đêm nữa cũng chẳng chết nào! Đừng nói nữa, người ta đánh đập khổ thân!

Chị Dậu vẫn không dứt được cơn hậm hực.

Thủ quỹ vừa đếm xong hai chuỗi tiền trinh, hấn gọi chị Dậu và bảo:

– Này chị kia, đừng khóc nữa, vào đây mà xem, mỗi đồng thiếu mất bốn xu đây này! Một hào của chị đưa trả tiền các, trừ vào chỗ này hết tám xu rồi, còn thiếu bốn xu nữa nhé.

Chị Dậu lại mếu:

– Khốn nạn! Tôi vẫn cầm chắc còn thừa một hào, đem về đóng gạo cho con ăn. Bây giờ hết cả vẫn chưa đủ! Gớm, cái bà Nghị, giàu thế mà còn làm điều!

Rồi chị rũ rượi ngồi khóc.

Anh Dậu thiết tha giục:

– Thôi! U nó nghe tôi! Có thương tôi thì hãy đi về với con! Đừng có ngồi đây mà khóc cho tôi càng thêm não ruột!

Các bạn bị trói của anh Dậu ra ý thương hại và hỏi:

– Con bé lớn chị đã bán rồi, hai đứa bé con ở nhà với ai?

Chị Dậu sụt sịt đáp:

– Anh em chúng nó ở nhà với nhau, chứ có ai đâu, các bác?

Những người ấy ra ý áy náy:

– Khốn nạn! Thành bé lên năm phải giữ con bé lên hai! Tội nghiệp quá!

– Cứ như các ông ấy vừa mới nói đó, thì người chết rồi cũng phải đóng sưu. Vậy là nhà chị vẫn thiếu một suất sưu nữa. Nếu không có tiền đem nộp, dẫu chị ở đây đến sáng cũng không thể xin cho anh ấy được khỏi trói đâu. Nói lắm mỗi miệng, ai thương? Thà chị về với các cháu cho khỏi khổ thân con trẻ.

– Phải! Bác ấy nói phải! Hãy cứ dành lòng để mặc anh ấy ngồi đây, chị về mà nghỉ với các con. Chứ chị ở đây chẳng qua chỉ thêm đau lòng, ích gì? Rồi nhịn chẳng được, ngựa mồm nói một vài câu, lại tố làm cho anh ấy phải đòn.

Bấy nhiêu lời diễn thuyết tuy chứa chan những giọng tử tế, nhưng không giúp cho chị Dậu tí gì, vì ý chị cũng nghĩ như người ta nói. Buồn rầu, chị sẽ ghé vào tai chồng:

– Cái Tý để phần thầy em một đĩa khoai đấy. Tôi bung sang đây cho nhé!

Anh Dậu lắc đầu:

– Miệng tôi đắng lắm, không thể ăn gì bây giờ. U nó cứ về với các con. Không phải lo đến sự ăn uống của tôi.

Chào chồng bằng hai hàng nước mắt, chị Dậu lúi thủi trở ra với cái mệt, cái rồ và cái mê nón.

XV.

Vàng trắng đã vượt khỏi ngọn tre, mặt nước các ao đã lóng lánh như nồi vàng đang cháy. Trong mấy bụi cây rậm rạp, tiếng cuốc kêu khi thưa khi nhật, khắc khoải hòa với tiếng rên rĩ rên khóc của giun, dế vườn hoang.

Tuy mới chập tối, các nhà đã đóng cửa im im, không đâu còn một chút đèn lửa. Những kẻ cày sâu cuốc bẫm suốt ngày mệt nhọc, khi ấy đều phải “trả nợ mắt” để nuôi lấy sức làm việc cho ngày mai. Trừ xóm Lý trưởng, các xóm khác đều im phăng phắc như cánh đồng không, nếu thỉnh thoảng không có tiếng chó sủa bọn người đi thúc sừa và tiếng xay lúa giã gạo ở mấy nhà hàng xay hàng xáo.

Chị Dậu về đến nhà đã nghe tiếng khóc khàn khàn của hai đứa trẻ.

Sắp ngửa, chị chạy vào cổng, quảng cả rồ, mệt, mê nón xuống sân, rồi, vội vàng, chị vào trong nhà.

Thằng Dần vẫn ngồi cạnh em, hai mắt sưng húp, mặt mũi xám mét như đứa vừa bị ngã ao, hãy còn kinh khiếp

chưa hoàn hồn. Nó không thể tỏ chút dấu mừng rỡ, khi thấy mẹ về, tuy sự ấy là sự đáng mừng rỡ của nó. Trái lại, nó càng ra bộ tủi thân và òa lên khóc, như muốn nhắc cho mẹ biết những nỗi lo sợ từ nãy đến giờ. Nhưng, hình như trong lúc mẹ nó đi vắng, nó đã kêu gào nhiều quá, cổ rát, hơi hết, nó chỉ có thể đưa ra cái tiếng khô khan như người khóc thầm.

Chị Dậu không kịp hỏi đến thằng bé ấy hốt hoảng chị vớ lấy con bé con.

Trời ơi! Một sự ghê gớm kinh sợ.

Đôi mắt nó mọng và đỏ như quả nhót. Mồm mép, chân tay, lưng, bụng, cổ áo tay áo của nó bết một lượt cứng với nước dãi, đất lấm hòa với nhau. Nó khóc, nhưng không ra tiếng, chỉ có cái miệng hồng hốc há ra như miệng cá mè. Sẻ sàng chị Dậu nhắc nó ra cạnh vại nước, tắm rửa qua loa cho sạch dơ bẩn. Rồi chị bồng nó lên lòng. Lần này, không còn thời gian vắt bỏ sữa chua, chị vội vạch yếm lôi đầu vú ấn vào miệng nó. Vừa cho con bé này bú, chị vừa lật đật trở vào đón thằng bé kia.

Thằng bé ấy lệch thệch ra đến giọt thềm, nó vẫn khóc nức nở, thân hình lem luốc như cái tượng đá vừa đào ở dưới lỗ lên.

Dắt nó, một lần nữa chị ra vại nước. Một tay bế con bé con, một tay chị vừa giội nước và vừa kỳ cọ cho thằng bé lớn. Rồi hai tay hai đứa, chị ẵm chúng nó vào trong cái phản cập kênh.

Chiếc chiếu ở đấy lúc chiếu chị đã đem trải xuống đất để đặt cái Tiu, và đã bị nó dái ia dầm dìa. Thằng Dần phải đứng xuống phàn, để chị bồng con em nó vào buồng, cuộn lấy chiếc chiếu trong giường và trải ra đó.

Từ sáng đến giờ, chị chỉ long đong chạy đi chạy về, chưa được ăn uống miếng gì. Chừng như cũng đói và mệt. Uể oải, chị ngả lưng xuống chiếu. Hai đứa con gối đầu vào hai cánh tay.

Cái Tiu đã hơi tỉnh, vừa bú nó vừa mân mê nghịch cái bầu vú của mẹ. Lâu lâu, nó lại thốn thức vài tiếng. Thằng Dần tan cơn nức nở, lại cứ ra rả kêu đói và kè nhè giục mẹ mua gạo nấu cơm.

Trong óc chị Dậu vẫn còn đĩa khoai cái Tý cất trên bàn thờ. Nhồm dậy, chị định nhắc xuống cho thằng bé này ăn nốt. Nhưng, món lương thực ấy đã bị chuột tha gần hết, chỉ còn ba, bốn mẩu con.

Thằng Dần giơ tay xua lấy xua để:

– Con không ăn. Đĩa khoai ấy của thầy con đấy. Lúc này chị Tý đã bảo đứa nào ăn vèn của thầy, chị ấy không chơi với. Con chả ăn, chị ấy mắng con!

Thế là nó lại nhớ đến cái Tý. Sừng sốt, nó hỏi:

– Bây giờ chị Tý đâu rồi? Sao u không đem chị ấy về đây với con?

Nước mắt chị Dậu lại theo lời nói ngây ngô của thằng bé ngây thơ ứa ra chứa chan. Đặt mấy củ khoai xuống

phản, chị ôm đầu nó vào nách, xoa xoa xuýt xuýt, chị ngọt ngào dỗ dành:

– Chị Tý ở nhà cụ Nghị. U đã bán cho cụ Nghị ấy rồi, đem về thế nào được nữa?

Thằng Dần tru tréo:

– Con không! Nào! Lúc chiều con đã bảo u lấy được tiền rồi thì đem chị ấy về đây với con kia mà! Sao u lại để chị ấy ngủ ở bên ấy?

– Nhưng mà cụ ấy không cho nó về, thì u làm thế nào được? Thôi, con ăn mấy củ khoai cho đỡ đói, rồi nằm ngủ đi, mai kia u đưa sang chơi với chị.

– Con không mai kia! Nào! Nào! U phải đem ngay chị ấy về đây bây giờ, để chị ấy ngủ với con!

Chị Dậu sụt sùi sẽ gạt nước mắt:

– Đêm nay con hãy ngủ tạm với u!... Con ngủ với u chóng u yêu, nhí!

– Con không ngủ với u nào! Con thèm vào chơi với u nữa. U bán chị Tý đi rồi. Chốc nữa thầy về, con mách thầy cho!

Rồi nó gào khóc rầm rĩ, nhất định bắt mẹ phải đem cái Tý về ngay. Chị Dậu hết ngọt lại xẵng, hết xẵng lại ngọt, nào dỗ, nào dứ, nào dọa, nào mắng, giờ đã hết cách, nó vẫn không nín. Chị đành mặc cho nó khóc, rồi chị cũng khóc như nó. Thấy chị khóc, nó càng khóc dữ. Lăn

đùng ra phản, nó đập hai chân xuống phản đánh dạch, và cứ làm nhảm gọi mãi “chị về với em”.

Chán chê, ê ẩm, hình như nó đã mệt lử, tiếng khóc dần dần nhỏ sế. Một lát sau, nó chỉ ùn in không khóc. Một lát nữa, thì nó thôi không ùn in. Hai mắt thiu thiu nhắm lại, hơi thở đưa ra phì phò. Nó ngủ.

Cái Tiu cũng nghỉ mút sữa. Đầu vú ở miệng con bé từ từ buột ra. Rồi đôi mắt lơ lơ, con này cũng sắp sửa ngủ.

Chị Dậu rón rén ngả lưng xuống chiếu, chực lừa cái Tiu.

Muỗi bay bên tai vo vo và đốt vào chân nhoi nhói. Chị chỉ se sẽ giơ tay phe phẩy không dám cự mạnh sợ hai đứa con thức dậy.

Cái Tiu ngủ im.

Thằng Dần bỗng cười khanh khách và nói léo xéo:

– A a! Chị Tý đã về. Chị vào ăn cơm, cơm xối rồi đấy.

Rồi nó im. Rồi nó thốn thức. Rồi nó lại nói:

– Bây giờ chị phải ở nhà với em, đừng sang cụ Nghị nữa nhé. Em nhớ chị quá!

Thình lình nó ngồi phắt dậy. Ngơ ngác nhìn ra ngoài sân và bờ ngõ, nó hỏi chị Dậu:

– Chị Tý đâu rồi! Chị Tý em đi đâu rồi, hử u?

Chớp mắt một cái, hình như nó chợt nghĩ ra cái gì, ngó vào tận mặt chị Dậu, nó khóc hu hu:

– U vẫn chưa đem chị Tý về đây cho con kia ư? Con bắt đèn đây. Con bắt đèn u đây! Sao u lại bán chị ấy của con? U đi dậy đi? Đi dậy sang gọi chị Tý về đi! Sao u cứ nằm mãi? Con không cho u nằm nữa!

Chị Dậu ró ráy nhắc cánh tay ra, đặt đầu cái Tiu xuống phản. Ngồi dậy, chị bế thằng Dần vào lòng. Trong nhà tuy không có đèn, ánh sáng ngoài cửa soi vào còn đủ sức sáng để chị nhìn thấy bộ mặt rầu rĩ của nó. Nó vẫn khóc, vẫn ùn ùn bắt mẹ đi gọi cái Tý.

– Con hãy nín đi, cho em nó ngủ, để u ẵm con đi chơi.

Nó không nín lại càng khóc thêm. Xéch nó lên vai, chị Dậu với mấy mẩu khoai trong đĩa, rồi chị bồng nó ra thêm.

Trước thềm, sáng như ban ngày.

XVI.

Vàng trắng thăm thẳm từ trên đỉnh đầu chiếu xuống. Bầu trời trong vắt như một khối thủy tinh. Gió nồm từ các ngọn cây đưa lại hiu hiu. Bóng lá tre in dưới sân rêu luôn luôn lay động như đám bèo nổi trên mặt sóng.

Thằng Dần gục vào vai mẹ và khóc ti ti, chốc chốc lại thúc giục mẹ đi tìm chị nó. Chừng như thương con đói quá, không thể ngủ được, chị Dậu ti mi bóc sạch cả mấy mẩu khoai và dỗ nó ăn. Nhưng nó khăng khăng một mực để phần cho thầy.

Nó lại thiu thiu buồn ngủ.

Bỗng nó vào trong nhà, chị Dậu se sẽ tìm cái quạt nan và se sẽ đuổi muỗi cho con bé con. Rồi chị lại ẵm nó đi ra ngoài sân.

Đi đi lại lại dưới bóng trăng, chị vừa vỗ về thằng bé, vừa rầu rĩ cất cái giọng thê thảm ru cho nó ngủ.

Ánh trăng nhòm vào cặp mắt rưng rưng nước mắt nhắc cho chị nhớ cái đời ngây thơ của chị ngày xưa.

Phải, trong hồi chị còn ngây thơ, còn độ lên sáu lên bảy, tuy không sung sướng cho lắm nhưng cũng được cha mẹ nuông chiều. Bảy giờ, chị chỉ ăn rồi lại chơi, chưa phải tắm em, chưa phải quét nhà, đun bếp như cái Tý nhà chị bây giờ. Những đêm trời khô, trăng sáng như đêm nay, chị vẫn luôn luôn được nô đùa với trẻ con trong xóm. Chúng nó đã giờ ra với chị biết bao là trò mua vui. Nào nhảy nô, nào hú tim, nào đánh rồng rắn.

Những cuộc vui ấy chị còn nhớ rành rành. Qua tuổi trẻ con đến khi mười bốn, mười lăm, chị vẫn được sẵn cơm ăn, sẵn việc làm, chưa hề phải lam lũ. Không biết tội nợ vì đâu mà từ khi lấy chồng đến giờ, tình cảnh nhà chị cứ mỗi ngày một khổ thêm. Hết năm này sang năm khác, vợ chồng đầu tắt mặt tối, không dám chơi không ngày nào. Thế mà vẫn cứ cơm không có ăn, áo không có mặc. Bao nhiêu công trình khó nhọc, bao nhiêu thuốc cam thuốc sài, nuôi từ hờn máu nuôi đi, mới được đứa con bảy tuổi. Bây giờ chỉ vì một suất sưu, đã phải đứt ruột đem nó đi bán, lại đèo thêm hai gánh khoai và năm con chó nữa, cũng vẫn chưa đủ. Chồng vẫn bị đánh trối suốt ngày suốt đêm. Không biết trong lúc đau ốm, lại bị hành hạ như thế, anh ấy có thể sống được đến mai hay không. Và ngày mai chạy đâu cho ra hai đồng bảy bạc để chuộc chồng về! Nếu không lo đủ được số tiền ấy, số phận anh ấy sẽ ra sao? Và lo được đủ tiền chuộc chồng về đi nữa,

cũng đã thiệt mất một đứa con rồi, sau này còn có ngày nào đem được nó về nhà nữa không? Từ chiều đến giờ nó ăn với ai, nó ngủ với ai?...

Thế rồi chị trở vào thêm, rũ rượi ngồi tựa cột hiên, nước mắt rơi xuống lỗ chũm.

Bóng trăng chênh chếch nhòm vào trong thêm. Bụi tre trước nhà, con cú sắp đi kiếm mồi, báo hiệu bằng những tiếng ghê sợ buồn rầu, có thể tưởng như ma quỷ, yêu quái. Máy con cò ngủ giật mình thức giấc phành phạch vỗ cánh, tự trong bóng tối bay ra. Các nhà lán giếng, gà gáy te te. Trống canh ngoài đình gắt gồng điểm nhịp ba tiếng.

Cái Tiu cựa dậy, khóc lu loa.

Chị Dậu se sẽ đứng lên toan vào ru con bé ấy, thằng Dần ở trên vai chị lại cũng thức nốt. Nó mở choàng mắt, và nó nói luôn cái câu vẫn nói trong mọi đêm:

– Chị Tý đem em đi đái!

Chị Dậu vội bế nó đến cổng, tức thì nó đã nghĩ ra, và nói luôn câu khác:

– Con không khiến u! Chị Tý kia! Con không khiến u mang con đi đái. Nào! Nào!

Rồi nó kêu gào bóng giọng và nó giẫy giụa ở trên sườn mẹ. Cái Tiu trong nhà vẫn khóc như beo như ngất. Luống cuống, chị phải đặt vội vàng thằng này xuống đất, để vào đón con bé kia. Quả nhiên, nó đã chồm choạng lặn ra dễ phản, chút nữa thì ngã. Sắp ngửa nhắc con bé ấy, chị

lại tất tả ra sân để ẵm thằng bé kia. Lại hai nách hai con, chị bế chúng nó vào ngồi trong chõng. Cái Tiu đã phải im khóc vì một bầu vú của mẹ lấp kín mồm miệng. Thằng Dần vẫn cứ ra rả:

– U đưa con đi tìm chị Tý! Mau lên!

Chị Dậu dờ khóc dờ mếu:

– Đêm khuya rồi, gà gáy nửa đêm rồi. Ra đường ngáo nó cắn cho, con ạ!

– Ngáo cắn chết thì thôi! Con không cần. Con cứ đi tìm chị Tý, để chị ấy về ngủ với con! U phải đưa con đi ngay bây giờ!

Chị Dậu ngồi ì không biết nói sao. Nó thực tay vào trong yếm mẹ, lôi tuột đầu vú ở miệng cái Tiu và nó vừa khóc vừa mắng con này:

– Ông không cho mày bú nữa. Nhả ra! Nhả ra để u đưa ông đi tìm chị Tý.

Cái Tiu lại khóc ngằn ngặt. Thằng bé lớn vẫn cứ núc nà, thúc thà, nó kéo tóc, nó kéo tai, nó lôi cổ áo của mẹ, bắt mẹ phải đứng dậy đi ngay.

Thì mẹ nó vẫn phải chiều nó. Bởi vì nó yêu chị nó, nó thương chị nó, nó nhớ chị nó, mọi đêm hai chị em nó vẫn nằm với nhau và chị nó vẫn ngheu ngao hát cho nó nghe. Bây giờ tự nhiên mất chị, nó phải bồn chồn nóng nảy, muốn được thấy chị ngay lúc bấy giờ, cho nên nó phải làm tình làm tội cái người đã đem chị nó đi bán. Sự

quấy nhiễu của nó là vô tội. Đối với mẹ nó, nó vẫn có lý, và vẫn đáng thương.

Vàng trắng lui xuống phía sau lũy tre. Mặt đường khuất dưới bóng lá khoang khuếch chỗ vàng chỗ đen giống như bức tranh thủy mặc. Những nhà cạnh đường hãy còn ngủ im thín thít.

Chị Dậu với cái Tiu ở sườn này, thằng Dần ở sườn kia, lẻo đẻo đi hết ngõ này sang ngõ khác. Hai đứa nín im, cái Tiu còn bận nhai bầu vú chảy nhão, thằng Dần thì hy vọng sẽ được thấy chị.

Trời khuya, canh vắng, ba mẹ con thơ thần ôm nhau trên đường, chị Dậu thấy mình là người điên rồ. Mấy lần chị toan quay về ngõ nhà, thằng Dần nhất định không nghe, nó bắt chị cứ phải điên rồ như thế.

Bờ rào sột soạt, đàn chó của nhà bên đường sủa vang, mấy con chó khác của các nhà khác lần lượt sủa theo. Những người gần đấy chợt tan giấc ngủ, choàng dậy kêu trộm rầm rĩ. Ngoài đình và ở các điểm, hiệu sừng hiệu ốc nhất tề thổi lên tu tu.

Tiếng chó sủa, tiếng người hét, tiếng hiệu rúc hồi, náo động suốt cả mấy xóm.

XVII.

Những tiếng thét đêm, thét đánh đã yên.

Người ta không nỡ bắt trói chị Dậu, tuy gặp chị lò mò trong bóng tối, và biết chị đích là thủ phạm gây ra vụ chó sủa, người la, tù và rúc khắp làng.

Là vì xưa nay chị vẫn ngay thẳng thật thà, không hề tắt mắt của ai vật gì đáng bằng cái tơ cái tóc. Hơn nữa lúc ấy, chị lại hai tay hai con, một đứa đương khóc, một đứa đương bú, dù kẻ ghét chị chẳng nữa cũng không thể buộc chị là người định đi ăn trộm.

Mây vẫn.

Sao thưa dần.

Sương mù bắt đầu pha đục bầu trời.

Mặt trăng tà tà đến gần mặt lũy.

Tiếng gà te te lần lượt từ nhà nọ truyền đến nhà kia.

Dưới lớp mái lợp xúp của túp lều tranh, chị Dậu và

vàng trắng tàn thơ thần nhìn nhau, dường như đôi bên đều có riêng một tâm sự.

Cái Tiu no bụng, tinh ngủ hờn hờ nằm trong lòng mẹ đùa với cái bóng của thằng Dần.

Thằng Dần chết khiếp vì trận quất tháo vừa rồi, nó chỉ thốn thức, không dám khóc, cũng không dám giục mẹ đi tìm cái Tý.

Đến lượt cái Tý làm tội mẹ nó.

Mọi đêm cứ đến gà gáy một tiếng, chị Dậu trở dậy sắp sửa nấu cơm, con bé ấy đã đơn đả đón lấy cái Tiu, nó ru, nó hát, nó nói thỏ thẻ với em những câu ngây thơ. Bây giờ vắng nó, trong nhà tẻ ngắt như có tang. Nào nó có tội tình gì. Chẳng qua vì một suất sưu của bố, khiến cho nó phải lìa bố, lìa mẹ, lìa các em, đem thân đánh đổi lấy một đồng bạc. Tội nghiệp cái thân con trẻ nhà nghèo, làm tôi một nhà giàu có, hách dịch như nhà Nghị Quế, còn khi nào được một câu ỏ ê của chủ nhà. Khốn nạn thân nó, đêm nay nó ở bên ấy, ngoài một con chó cái và bốn con chó con, không còn ai là bạn quen...!

Nước mắt theo sự nghĩ ngợi chảy ra như mưa, chị Dậu tự thấy trong ngực nóng như lửa đốt.

Văng vẳng nẻo xa có tiếng chó sủa. Rồi như theo một vệt đường những giọng ăng ẳng kế tiếp nhau, ganh thi nhau, dần dần gần lại, dần dần lớn thêm. Nó xô xát dữ dội ở mấy nhà giữa xóm và nó kéo dài vào ngõ lảng giềng nhà chị Dậu.

Ngoài cổng có tiếng giật giọng:

– Chị Dậu còn thức hay ngủ?

Giật mình, chị vội quay nhìn ra cổng, và chị run sợ kinh khiếp khi thấy mấy người lỗ nhố dưới bóng tối của rừng tre.

Không phải họ đến bắt chị về chuyện náo động lúc này, người ta đem lại cho chị một cái xác người.

Cái xác người ấy rũ rượi gục ở sau lưng một người nhà Lý trưởng, hai tay thông ra đằng trước lưng lẳng như hai quả bầu dài, hai bên có hai anh nữa, cũng người nhà Lý trưởng, đỡ ở hai vai, giữ cho nó khỏi bị lá sang bên cạnh.

Hoảng hốt, chị Dậu bỗng cả hai con đứng dậy, và hỏi một cách thất kinh:

– Ai làm sao thế, hử các ông?

Hình như mấy người ấy, khi ở giữa đường, đã nhiều lần phải thay đổi nhau đài tái một vật nặng nề, ai nấy thở hồng hộc như bò cày nặng. Họ không kịp trả lời chị Dậu. Bệu rạch, họ vục cái xác người ấy sầm sập tiến vào trong nhà và đặt xuống phản. Một người cố nói mấy câu như kẻ đứt hơi:

– Anh ấy phải cảm đấy. Chị xem nhà ai có dầu bạc hà xin một tí mà bôi cho hẩn, may ra hẩn tỉnh được chăng.

Và họ rào cẳng bước ra, không ai dám quay cổ lại.

Hết cả hồn vía, chị Dậu đặt luôn hai đứa con nhỏ xuống đất, tất tả chạy đến cạnh chồng.

Anh Dậu nằm còng queo trên phản, chân tay không hề động cựa. Trước ánh sáng bẽ bàng của vầng trăng tàn úa, hai mắt đều nhắm lim dim.

Sờ khắp trán, mặt, tay, chân của chồng, chị Dậu chỉ thấy chỗ nào cũng giá ngắt, nhưng ở tinh mũi và cuối cằm hãy còn ôn hòa, hai lỗ mũi hãy còn thở man mát. Kề miệng vào tai chồng, chị gọi:

– Thấy em! Tỉnh dậy! Thấy em! Tỉnh dậy!

Chỉ có hai đứa bé con í eo khóc ở dưới đất. Anh Dậu vẫn nằm ngay như khúc gỗ.

Sấp ngửa, chị chạy ra cổng và réo thật to:

– Ba hôn bảy vía anh Dậu ở đâu thì về với vợ với con!

Lồng từ ngõ trong ra ngõ ngoài, lại té từ ngõ ngoài vào ngõ trong, chị hú hồn chồng mới được sáu lượt, thì lưỡi lú lại, không nói được nữa. Chân nọ đá chân kia, chị lại trở về ngồi ở đầu phản. Cuống quýt không biết chạy chữa bằng cách nào, chị để tay vào trán chồng, vừa lay vừa gọi: “Thấy em tỉnh dậy!”.

Anh Dậu vẫn không tỉnh.

Hai đứa bé con dưới đất vẫn khóc tru tréo.

XVIII.

Trống tan canh.

Gà im gáy.

Trời tang tảng rạng đông.

Chị Dậu tuyệt vọng khi ngó mặt chồng thấy sắc mặt xám nhợt như người chết trôi. Tưởng chừng anh ta không thể sống lại, chị đập tay xuống phản, kêu trời, kêu đất, kêu cha, kêu mẹ. Rồi chị đứng dậy đi ra vại nước, lấy cái chậu sành múc đầy chậu nước, đem vào. Lật khăn vuông ở trên đầu xuống, chị nhúng vào nước: lau trán, lau mặt, lau qua chân tay cho chồng, để chồng được sạch sẽ trước khi “hết cơm gạo về với tiên tổ”.

Hàng xóm, láng giềng tấp nập đổ đến.

Kẻ đón cái Tiu, người ẵm thằng Dần, kẻ vào sờ sà anh Dậu, người ghé tận tai anh mà gọi. Có kẻ nhút nhát, chàng vàng đứng tít ngoài thềm ghé vào, có kẻ sốt sắng chạy tốc ra ngã ba, hú hồn anh Dậu thêm một hồi nữa.

Trong nhà chật ních, người đứng vòng trong vòng ngoài.

Họ hỏi thăm bệnh tình. Họ thương hại anh Dậu. Họ khuyên can chị Dậu đừng khóc. Họ cả quyết anh Dậu không việc gì. Rồi họ rối rít, mỗi người chạy đi làm giúp một việc.

Bà này bắt thằng Dần cố sức “dặn đái” đái vào chậu sành, ông kia lấy chiếc lược thưa ghè hai hàm răng anh Dậu. Bác nọ múc ít nước đái đổ vào trong miệng anh ấy. Bà kia bưng chậu nước đái xoa mãi vào mặt, vào mũi, vào cổ, vào gáy, vào hai thái dương anh ta. Cô nọ chạy về nhà mình lấy ít bồ kết đốt than để vào cửa mũi người ốm. Chị kia sang nhà bên cạnh xin cái chổi sể¹ châm lửa cho cháy dùng dùng ở giữa nhà.

Ồn ào một hồi lâu.

Anh Dậu dần dần thở mạnh, rồi lơ đờ sẽ mở hai mắt. Mọi người hớn hờ mừng reo:

– Tỉnh rồi! Anh ấy tỉnh rồi đấy!

Thì ra không phải anh ta phải gió. Chỉ vì bị trói chặt quá, mạch máu nghẽn lại, máu xông lên óc khiến cho anh ta ngất đi. Nhờ có chậu nước lạnh của chị Dậu rửa mặt cho chồng và chậu nước đái của bà con hàng xóm đổ vào

1. Chổi sể hay xể: Chổi làm bằng cây sể (cây thanh hao), dùng để quét rác, khi đốt lên có mùi thơm, đốt lên nhằm trừ khí độc hoặc “đuổi ma tà”. Có bản in sai thành “chổi đề”.

miệng, xoa vào đầu, mặt anh ta, máu lại xuôi xuống dần dần, cho nên anh ấy lại tỉnh.

Câu chuyện bắt đầu vui vẻ.

Người ta hỏi đến cái Tý vì từ nãy đến giờ không thấy nó đâu.

Sau khi nghe chị Dậu vừa mếu vừa thuật lại đầu đuôi việc chị thiếu sưu phải bán nó và năm con chó cho ông Nghị Quế thôn Đoài, lấy hai đồng bạc, thì ai nấy đều có vẻ ái ngại. Và ai nấy đều khuyên chị Dậu phải yên lòng mà thuốc men cơm cháo cho chồng, không nên lo phiền về cái Tý nữa. Người ta bảo nó lớn thì nó lại về, chẳng có khi nào mất con.

Anh Dậu vẫn li bì mệt nhọc.

Thằng Dần mếu máo kêu đói.

Thấy nói từ sáng hôm qua đến giờ, thằng bé mới ăn có vài mẩu khoai, vợ chồng chị Dậu đều phải nhịn sưng, một bà hàng xóm có lòng xởi lởi liền chạy về nhà lấy sang cho vay độ hơn đấu gạo, rồi bảo chị Dậu hãy đi nấu cháo để cả nhà ăn tạm.

Cảm động, chị Dậu cảm ơn bà ấy bằng những giọt nước mắt chứa chan. Rồi chị đón lấy cái Tiu vừa cho nó bú vừa bắc nồi nấu cháo.

Mặt trời lên cao, ánh nắng lọt lỗ nẻ bức cửa, chiếu vào lòng nhà.

Anh Dậu dần dần tỉnh thêm, có thể tiếp chuyện bà con bằng giọng rên rĩ rề rà.

Các cô con gái lẻ tẻ về trước. Các ông đàn ông và mấy bà đàn bà lục tục về sau.

Trong nhà lại thấy cảnh buồn tẻ của sự thiếu vắng.

Chị Dậu bế cái Tíu ngồi cạnh anh Dậu, vừa bóp nắn chân tay cho chồng, vừa dỗ dành thằng Dần, chốc chốc lại phải đứng ra thổi lửa dóm bếp.

Ngoài đình, trống lại thúc, mõ lại khua, tù và rúc liên thanh bất chí¹.

Sau nhà có tiếng gọi người leo xéo.

Thằng Mới vào giục bác đàn em tuần ở nhà bên ấy ra đình sắp sửa cờ trống đi đón quan.

Anh Dậu vật vã thở dài:

– Trời ơi! Từ giờ đến lúc quan về, chạy đâu cho được hai đồng bảy nữa? Nếu không có, chúng nó làm tình làm tội, không khéo thì mình đến chết!

Nước mắt ứa ra, anh Dậu quay mặt vào bức phen nứa, sụt sùi nức nở, anh khóc thằng Hợi, anh khóc cái Tý, rồi anh khóc số phận của anh.

Chị Dậu đương ở trong bếp, vội vàng chạy lại ngồi kế sau chồng, nỉ non khuyên giải:

1. Bất chí: Ý nói liên tiếp không ngừng nghỉ.

– Thôi! Tôi xin thấy em. Đừng kêu khóc nữa, khổ tôi lắm. Chú Hợi nó chết rồi, dù có thương xót, nó cũng không thể sống lại. Cái Tý tuy bị đem bán, nhưng nó sang ở bên ấy chắc cũng được cơm no áo lành. Sau này trời cho làm ăn khá giả, thì lại sang chuộc nó về, có sao đâu? Còn như mấy đồng tiền sưu, tuy có nóng thật, nhưng lo chưa kịp thì khát. Thịt người tanh, chẳng ai ăn được. Thấy em cứ yên tâm nằm nghỉ, không phải lo lắng gì cả. Nếu thấy em cứ kêu khóc mãi, lở ra cơn bệnh vật lên, lại là người đi, thì tôi biết làm thế nào.

Anh Dậu chừng cũng thương vợ, liền giơ bàn tay, run rẩy lau khô nước mắt. Và ngoảnh mặt trở ra, anh cố làm ra bộ tươi tỉnh để ti ti hỏi chuyện cái Tiu.

Nồi cháo đã sủi bọt trắng trào ra cổ nồi, chảy xuống lòng bếp xèo xèo, làm tắt hết lửa trong bếp.

Chị Dậu vội đặt cái Tiu nằm ở cạnh chồng, rồi chị đến bếp hì hục thổi mấy cục than sắp tàn. Thành Dần lệch thịch lại theo sau mẹ. Nó nhất định bảo cháo chín rồi, và nâng nặc giục mẹ bắc ra.

Ngoài cổng, lạch cạch tiếng gậy đập cột vách. Người nhà Lý trưởng hách dịch hỏi từ đầu ngõ hỏi vào:

– Thế nào! Anh Dậu còn sống hay chết rồi! Im lặng thế này hẳn là chưa chết. Tiền sưu đâu? Dem nộp nốt đi! Quan sắp về kia!

Chị Dậu ngồi trong bếp ngọt ngào nói ra:

– Bác tính từ lúc gà gáy đến giờ, tôi nhúng rồi về chạy chữa cho thầy cháu, nào đã lo kịp! Nhờ bác nói với ông Lý hãy cho nhà tôi khát đến chiều mai.

Anh kia mát mẻ:

– Đến chiều mai! Chị nói dễ nghe nhi! Thuế của Nhà nước, chị tưởng chuyện chơi đấy sao?

Chị Dậu nằn nì:

– Tôi cũng biết thuế của Nhà nước không phải chuyện chơi. Nhưng bây giờ chưa có, nên tôi phải khát. Bạn nghèo với nhau, bác nói khéo với ông Lý giúp tôi.

– Tôi không dám bạn với nhà chị. Tôi không biết nói khéo. Tôi không có quyền được nhận lời khát của chị. Lát nữa, để chị khát với ông Cai lệ.

Rồi hần hăm hăm vác gậy đi ra.

Lửa lại đỏ. Chị Dậu ngồi luôn cạnh bếp cầm chiếc dũa cả khuấy cho nồi cháo khởi trào. Ánh nắng gắt gao xuyên lỗ thủng mái bếp soi vào những giọt mồ hôi lóng lánh trên gò má đỏ bừng.

Trời đã thừng buổi¹.

Thằng Dần lại sục sạo kêu đói. Nó vẫn kè nhè ngồi ở cạnh mẹ, hau háu nhìn vào nồi cháo.

1. Thừng buổi: Khoảng nửa buổi, chừng chín giờ sáng.

XIX.

Về phía đầu làng, nghe có tiếng còi ô tô toe toe. Rồi đến tù và tu tu đổ hồi. Rồi đến trống cái thông thả điểm từng tiếng một.

Bà lão lảng giềng lật đật chạy sang, hớt hơ hớt hải nói với chị Dậu:

– Nhà bác chạy đủ sưu chưa?

Chị Dậu vậm vội:

– Thưa cụ, nhà cháu mới nộp một suất, còn một suất nữa ạ.

– Sao lại đóng hai suất?

– Thưa cụ, một suất thầy con cháu và một suất của chú Hợi nó.

– Anh Hợi chết rồi, còn phải đóng sưu nữa à?

– Vâng, cháu thấy các ông ấy bảo chú nó chết dở năm Tây, nên còn phải đóng suất sưu năm này. Nếu nó chết hẳn năm Tây thì mới được trừ.

– Khốn nạn! Người ta chết đã sắp giỗ đầu, anh em còn phải đóng đây tiền sưu! Sao lại có lệ thế nhỉ? Bây giờ nhà bác chưa có thì làm thế nào? Nghe như quan đã về đấy!

– Phải, cháu cũng đoán chừng quan Phủ đã về. Nhưng không có tiền thì phải khát vậy. Cụ bảo làm thế nào được?

Bà lão ái ngại trở ra.

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát mức ra la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và đã thùng thảng đưa nhau từ phía đầu làng đến đình.

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão lảng giềng lại lật đật chạy sang:

– Bác trai đã khá rồi chứ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hầy còn lề bề, lệt bệt, chừng như vẫn mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn sông từ sáng hôm qua đến giờ, còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau mau đi, kéo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy!

Rồi bà lão lại lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu rón rén bưng một bát cháo lớn đến chỗ chồng nằm:

– Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tiu và ngồi xuống đó, như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngóng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kê vào đến miệng, Cai lệ và người nhà Lý trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, Cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái cũ:

– Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu! Mau!

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà Lý trưởng cười một cách mỉa mai:

– Anh ta lại sắp phải gió như đêm qua đấy!

Rồi hấn chi luôn vào mặt chị Dậu:

– Chị khát tiền sưu đến chiều mai phải không? Đấy! Chị hãy nói với ông Cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho! Chứ ông Lý tôi thì không có quyền dám cho chị khát một giờ nào nữa!

Chị Dậu run run:

– Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lòi thoi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ tiền sưu của Nhà nước đâu! Hai ông làm phúc nói với ông Lý hãy cho cháu khát...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hấn quát:

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của Nhà nước, mà dám mở mồm xin khát!

Chị Dậu vẫn cố thiết tha:

– Khốn nạn! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại!

Cai lệ vẫn giọng hăm hè:

– Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng mà thôi à!

Rồi hấn quay ra bảo anh người nhà Lý trưởng:

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia.

Người nhà Lý trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hấn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, Cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hấn:

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho!

– Tha này! Tha này!

Vừa nói, hấn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch, rồi sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại:

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hấn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiêng hai hàm răng:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi chị túm lấy cổ hấn, ấn dúi ra cửa. Sức léo khéo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hấn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà Lý trưởng sẵn số bước đến giờ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người giằng co nhau, đu đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om xòm. Kết cục, anh chàng “hầu cận ông Lý” yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa kêu:

– U nó không được thế? Người ta đánh mình thì không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận:

– Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được...

Người nhà Lý trưởng hết cơn lạng cá. Lóp ngóp bò dậy hắn chỉ vừa thở vừa chửi chị Dậu, không dám động đến thân thể chị nữa. Chị Dậu lại đón cái Tiu vào lòng, và cũng xa xả chửi giã.

Anh Dậu không biết làm thế nào mà can đôi bên, chỉ nằm mắng vợ và xin lỗi ông... người nhà Lý trưởng.

Một hồi hiệu ốc rúc từ ngoài đình rúc vào. Máy bác tuần phu gậy tầy¹ mã thò² theo chân Lý trưởng, Cai lệ kéo

1. Gậy tầy: Gậy lớn hai đầu bằng nhau dùng làm khí giới.

2. Mã thò: Vật dài dùng làm vũ khí.

đến. Thì ra trong lúc chị Dậu và anh người nhà Lý trưởng vật nhau, Cai lệ đã chạy thoát ra đình báo với Lý trưởng, Lý trưởng liền đem tuần phủ vào bắt vợ chồng chị Dậu. Họ đã giang giải ra đình hầu quan tất cả tiếng rên của người ốm, tiếng khóc của hai đứa trẻ con, và tội án của người đàn bà tảo bạo.

XX.

Đôi lọng xanh nằm tráo đầu đuôi trước cửa đại đạo. Cái trống cái và cái đờn tre chơ chổng lẩn bên tường bao lan. Chín, mười lá cờ rũ rượi, rũ dưới giọt đình. Một đoàn giáo, mác loi nhoi chĩa mũi nhọn trên mái giải vũ¹.

Quang cảnh ngoài đình hôm nay khác hẳn hôm qua.

Phó lý, Trương tuần cũng như Tộc biểu, tuần phu, tuy không phải làm việc gì, ai nấy vẫn xơ tóc gáy chạy xuôi chạy ngược. Phó hội, Thủ quỹ đối nhau với Thư ký, Chương bạ, mỗi người khoanh tay đứng dựa mỗi cột, dáng điệu len lén như rắn mỏng năm. Chánh tổng ngồi ngáp vặt cạnh bức câu lơ, con ruồi đậu mép không muốn đuổi. Chánh hội luôn tay giở cuốn sổ thuế, hai mắt vẫn lăm lét trông đi đằng nào.

Vợ chồng chị Dậu không can đảm hơn thằng Dần, vừa ló mặt lên thềm đình đã mất vía về bộ râu của quan phụ mẫu.

1. Giải vũ: Nhà phụ ở hai bên cửa đình, cửa chùa.

Cái râu mới lạ làm sao! Nó đen như vệt hắc ín và cong như cái lưỡi liềm. Nó nhọn như mũi dùi nung và bầu như đầu dao trổ. Nó khum khum quắp lấy hai mép, giống như hai cái cánh dơi. Nó vát vều vênh ra hai mang tai, gần như hai sừng củ ấu. Nó chầu đầu dưới ống mũi, như sắp chui vào trong cái mũi dọc dừa. Nó lại giúp cho cái mồm lèm bèm thêm sự dữ dội.

Nếu không biết quan Phủ xuất thân từ chức thông phán¹, người ta sẽ tưởng ngài được làm quan chỉ vì bộ râu.

Và nếu không rõ là ông quan, người ta lại có thể lầm ngài với ông cai xe hay ông cai thầu khoán.

Dựa tay vào mặt cái bàn phủ tấm thảm đỏ của tế chủ vẫn thường đứng lễ, quan Phủ ngất ngưỡng ngồi vào chiếc chiếu cạp đỏ trải trên ghế ngựa quang dầu. Dưới vành khăn xếp nhiễu tây, cái mặt phèn phẹt luôn luôn hằm hằm như sắp rơi xuống sàn đình đánh “huych”.

Cạnh ngài là một tên tuần đình lực lưỡng vác cái quạt lông đứng đằng xa xa phẩy vào.

Trước ngài, thầy Thừa và anh Nho² đều muốt bồ hôi với mấy cuốn biên lai thu thuế của Lý trưởng.

1. Thông phán: Chức quan nhỏ, thường là ở tỉnh thời phong kiến và cũng là để chỉ viên chức thư ký làm ở bộ máy hành chính (tòa sứ) thời Pháp thuộc.

2. Thầy Thừa, anh Nho: Chỉ những người giúp việc, làm giấy tờ, trông nom sổ sách cho quan Phủ.

– Bẩm ông lớn! Thừa lệnh ông lớn, chúng con và tên người nhà Lý trưởng vào nhà tên Nguyễn Văn Dậu bắt nó đem tiền nộp sưu, vợ tên ấy muốn tháo cho chồng, nó đánh con, đánh cả tên người nhà Lý trưởng, hiện có Lý trưởng cùng bọn tuần phủ đều biết. Lạy ông lớn, xin ông lớn...

Cai lệ chưa nói hết câu, Lý trưởng đứng đằng sau vội vàng cướp lời:

– Bẩm ông lớn, con mẹ ấy tên là Thị Đào, nó buồng binh thứ nhất làng con. Năm, sáu hôm nay, hôm nào chúng con cũng sai người nhà đến giục tên Nguyễn Văn Dậu đóng sưu, nó xui chồng nó nhất định không đóng. Chúng con báo nó thuế sắp đăng trường, nếu không đóng sẽ phải trình quan phủ mẫu, nó nói quan phủ mẫu nó cũng không cần. Hôm nay “thừa” bóng ông lớn về đây, anh Cai lệ và người nhà con vào đốc, nó đánh lại tất cả. Hiện mất chúng con và nhiều người nữa trông thấy. Ông lớn là đèn trời, xin ông lớn xét tình chúng con, bắt nó bỏ tù, chúng con và anh Cai lệ được đội ơn ông lớn.

Quan Phủ vénh cái mặt nặng trịch và đập tay xuống mặt bàn:

– Không đóng sưu! Lại đánh cả lính! Nó định làm giặc à? Bắt cổ nó ra đây!

Một tiếng dạ vang năm gian đình. Vợ chồng chị Dậu và hai đứa con bé xềnh xệch lên đình theo đầu thừng trong tay Lý trưởng.

– Bẩm ông lớn, chúng con đã giải tên Dậu và Thị Đào ra hầu ông lớn!

Dứt lời Lý trưởng, quan Phủ giương đôi mắt trắng đã nhìn vào mặt anh Dậu:

– Mày định trốn sưu của Nhà nước? Thằng kia!

Anh Dậu run như cây sậy:

– Bẩm lạy quan lớn, tiền sưu con đã nộp rồi.

Quan Phủ quát hỏi Lý trưởng:

– Nó đã nộp rồi, sao mày bảo nó chưa nộp?

Lý trưởng vội kêu:

– Bẩm quan lớn, tên ấy “man” của ông lớn; thực quá tên ấy chưa nộp...

Quan Phủ không để cho Lý trưởng hết lời, ngài vắn anh Dậu:

– Mày nộp rồi thì biên lai đâu?

– Bẩm lạy quan lớn, con không lấy giấy biên lai, nhưng khi nộp có cụ Chánh tổng, ông Thủ quỹ và các ông chức dịch cùng biết...

Quan Phủ nhìn mặt Thủ quỹ và Chánh tổng:

– Các thầy có trông thấy nó nộp sưu cho Lý trưởng không?

Thủ quỹ ngó trộm Lý trưởng rồi thưa:

– Bẩm ông lớn, đêm qua, Thị Đào có nộp anh Lý chúng con hai đồng bảy hào tiền trình, anh Lý chúng con giao cho chúng con đếm lại...

Xen vào câu nói của Thủ quỹ, thằng Dần kéo vạt áo mẹ và giục:

– U đem con về mau lên. Con chả ở đây nữa! Nào!

Quan Phủ trừng mắt và quát Lý trưởng:

– Sao lại cho nó dắt cả con nít lên đây? Ông thì đập vào mặt mày bây giờ!

Sắc mặt xám như gà cắt tiết, Lý trưởng vội vàng một tay giăng sắp cái Tiu trên tay chị Dậu, một tay tóm đầu thằng Dần, đưa xuống thềm đình, rồi đem tít ra ngoài cổng đình, giao cho đứa lớn ngồi giữ đứa bé.

Hai đứa cùng khóc ngặt nghèo. Thằng Dần nheo nhéo gọi u. Mặc kệ chúng nó ở đấy, Lý trưởng lại quay lên đình.

Quan Phủ đương hỏi Thủ quỹ:

– Tiền đếm rồi mày đưa cho ai?

– Bẩm ông lớn, con đưa cho anh Lý chúng con.

Lý trưởng nói đón:

– Số tiền ấy mới là suất sưu của tên Hợi.

Quan Phủ cau mày:

– Tên Hợi là tên nào? Sao thằng Dậu lại phải nộp sưu cho nó?

– Bẩm ông lớn, tên Hợi là em ruột tên Dậu. Hắn chết từ đầu tháng giêng... Vì tên Dậu là thân nhân của hắn, cho nên chúng con bắt phải nộp thay.

Quan Phủ hỏi gặng:

– Thế làm sao mà lại không đưa biên lai cho nó? Định thu lạm thuế phải không?

Rồi ngoảnh lại nhìn viên Thừa phái, quan Phủ nói bằng giọng nghiêm nghị:

– Thầy thảo biên bản, nói rằng nay tôi về đây khám thuế bắt Lý trưởng thu thuế của tên Dậu mà không biên nhận cho nó. Rồi báo Chánh tổng ký vào. Nghe không?

Sau tiếng dạ của viên Thừa phái, Lý trưởng chấp tay đến cạnh quan Phủ và gãi tai:

– Bẩm lạy ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... Thực quả chúng con tình oan.

Quan Phủ càng ra bộ giận dữ:

– Vụ thuế này mà kiếm của những đứa ngoại canh được mấy trăm đồng... Còn chục thu lạm của thằng cùng đinh! Ông thì cách cổ...!

Lý trưởng lại nằn nì nhắc lại câu vừa mới nói:

– Bẩm lạy ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương... Thực quả chúng con tình oan.

Quan Phủ dịu giọng:

– Mai lên phủ hầu. Nghe không?

Lý trưởng dạ một tiếng dài, rồi khúm núm đi lùi trở ra.

Quan Phủ hỏi đến chị Dậu:

– Mày đánh lính và người nhà Lý trưởng để tháo cho chồng mày trốn sưu, phải không?

Chị Dậu cất giọng run run:

– Bẩm lạy quan lớn, con không đánh các ông ấy. Vì các ông ấy định đánh chồng con, con sợ chồng con đương ốm mà phải đòn thì chết, nên con phải can.

Lý trưởng nói xen:

– Bẩm ông lớn, chính thị ấy có đánh người nhà chúng con và anh Cai lệ, mắt con trông thấy.

Quan Phủ gạt đi:

– Im cái mồm! Không ai hỏi mày!

Rồi ngài lại gần chị Dậu:

– Mày can, tức là mày đánh nhau với chúng nó... A! Con này dám chống cự với lính trong khi làm việc phận sự! Muốn vào tù?

Chị Dậu nín lặng, không biết nói sao. Quan phủ cất giọng hách dịch:

– Cho ra ngoài kia!

Thầy Thừa vừa thảo xong tờ biên bản, đệ lên trước mặt quan Phủ. Nhìn qua biên bản một lượt, quan Phủ bảo

Chánh tổng đóng triện và mấy người hương chức ký tên làm chứng. Rồi ngài mới kiểm đến thuế.

Trước mặt Chánh tổng và các hương chức, Lý trưởng đổ tráp bạc cho thầy Thừa đếm. Tất cả bạc giấy, bạc hào mới được sáu trăm và ba¹ chục đồng. So với ruột thuế còn thiếu năm trăm, nhưng so với số tiền đã biên trong sổ Lý trưởng, thì dôi ra đến hai chục đồng.

Quan Phủ đập tay xuống bàn và dọa Lý trưởng:

– Mày không thu lạm, làm sao tiền thuế lại thừa? Xong vụ thuế này, ông thu bằng triện.

Lý trưởng sợ tái mặt, chỉ núc hai tay như người bất quyết và nói đi nói lại một câu “xin ông lớn thương”.

Quan Phủ đổi giọng ngọt ngào:

– Mai lên Phủ hầu! Giải cả con vợ thằng Dậu lên nữa. Nghe không!

Rồi ngài chững chạc đứng dậy, đi xuống giọt đình.

Tù và, trống cái và cò quạt lũ lượt tiễn ngài lên phía đầu làng.

1. Nhiều bản in thiếu chữ “ba”.

XXI.

Tan buổi hầu kiện, chị Dậu lật đật chạy xuống cổng đình tìm con. Không thấy đứa nào ở đấy. Chị sợ quá cuống quýt đi hỏi những người gần quanh. Thì ra trong lúc chúng nó bị ông Lý trưởng điệu xuống bỏ đó, một người đàn bà trong làng đi qua trông thấy thương hại, đã bế cái Tiu cho bú và dắt thằng Dần đưa đến tận nhà chị rồi.

Không kịp đợi chồng, chị vội bon luôn về nhà với con.

Cái Tiu bú no, nằm ngủ thín thít. Thằng Dần đương bưng bát cháo vừa thổi vừa húp soàn soạt.

Chị Dậu bước vào đến thềm, thằng bé chột ngẩng đầu lên. Nó khóc òa lên và hỏi:

– Thầy em đâu rồi, hở u?

Chị Dậu xua tay:

– Nói sẽ chứ! Cho em nó ngủ! Thầy con đương về sau ấy!

Rồi chị rón rén bước vào trong nhà.

Bà lão lảng giềng vừa sang:

– Thế nào? Bác không bị bắt lên phủ lại được tha về đây ư?

Vừa nói, bà lão vừa nhanh nhẩu tiến lên trên thềm và ngồi vào chiếc chõng nát, rồi tiếp:

– Tôi cũng khen cho bác ngỗ nghịch! Ai lại một người đàn bà con mọn, dám đánh hai người đàn ông? Nếu phải đứa khỏe, chúng nó đánh lại thì làm thế nào?

Cái Tiu thức giấc và khóc ngằn ngặt. Chị Dậu vừa đón con bé vừa tiếp khách:

– Cháu cũng biết rằng đàn bà hành hung như thế là hư thân, chứ không hay gì. Nhưng mà chúng nó đè nén chúng cháu tệ quá, cháu đã cố nhịn mà không nhịn được. Cụ tính nhà cháu đau ốm như thế, mà cả hai đứa cứ xông vào đánh, thì phòng còn gì là người! Vì thế cháu phải liều với chúng nó.

Bà lão giờ gói trầu thuốc đưa cho chị Dậu một miếng:

– Nói vậy thì nói, chứ cái thói tàn ác của quân lính lệ, ai mà chịu nổi? Tôi là người ngoài, nghe chuyện cũng còn tức thay, huống chi bác! Thế công việc bây giờ ra sao?

Chị Dậu đón lấy miếng trầu và đáp:

– Quan bảo cho về, ngày mai lên hầu.

Bà lão lại hỏi:

– Bác trai đi đâu chưa về? Hay lại bị giải lên Phủ rồi chăng?

– Không!...

Chị Dậu đương nói dở câu thì ngoài cổng nghe có tiếng rên hằm hừ. Anh Dậu lấy bảy tiến vào trước thêm với bộ mặt đỏ gay như người đun bếp.

Chào qua bà lão láng giềng, rồi anh run rẩy chống tay vào gối để bước lên thêm. Chị Dậu vội vàng bỗng con đứng dậy, cầm cánh tay chồng kéo lên.

Bà lão láng giềng ra ý ái ngại:

– Khốn nạn! Bác lại lên cơn sốt rét đấy ư?

Anh Dậu lò dò vào trong phản, ngả mình xuống cạnh thằng Dần, vừa thở vừa nói:

– Vâng! Từ nãy đến giờ, cháu thấy trong mình gầy gầy, hình như nó lại sắp sửa lên cơn rồi đây.

Thằng Dần ăn cháo đã xong. Nó mang đĩa bát ra sân bỏ vào nồi nước vo gạo. Chị Dậu đưa cái Tiu cho bà lão láng giềng.

– Cháu hãy gửi cụ một lát.

Rồi chị bưng mâm cháo đặt lên bàn thờ ông công, và ngồi vào cạnh anh Dậu:

– Thấy em có đức đầu không? Để tôi nặn cho cái nào!

Anh Dậu xua tay và rên khừ khừ:

– Thôi, tôi mệt lắm. Để tôi nằm nghỉ một lát. U nó ra mà ẵm con, để cụ...

Bà lão láng giềng vội đón:

– Được! Hôm nay tôi cũng thông thả. Cứ để tôi ôm cháu cho. Bác gái có đi làm gì, cứ đi!

Chị Dậu sẽ sàng đứng dậy:

– Thế thì cháu hãy quấy cụ lúc nữa.

Vừa nói, chị vừa chạy ra cuốn chiếc chiếu rách, cái Tiu đái ỉa hôm qua, đem ra ao giặt.

Anh Dậu vừa rên vừa tiếp bà lão:

– Cháu không ngờ những thằng lính lệ nó ác đến thế. Sáng ngày nếu không có nhà cháu cự lại với nó, có lẽ nó sẽ đánh cháu đến chết.

Bà lão nhổ bãi cốt trầu xuống thêm:

– Thôi! Còn phải kể! Bạc thì dân, bất nhân thì lính¹. Tục ngữ nói có sai đâu. Ấy là nhà bác không có gì nữa. Chứ nếu trong nhà còn có con gà con chó, chúng nó cũng đập chết mà ăn với nhau, không tha cho đâu. Bây giờ những đứa ấy còn ở đây hay là đi rồi?

– Hình như nó đã theo quan về Phủ thì phải.

– Bác gái đã chạy được nốt số tiền sưu chưa?

– Thừa cụ chưa. Từ sáng hôm qua đến giờ, nó những lật đật về cháu, chạy vào đâu được! Khốn nạn! Cái thân đàn bà như nó, thật là khổ sở đủ đường.

1. Bạc thì dân, bất nhân thì lính: Lời phàn nàn của bọn quan lại thời trước khi bị đối xử không hậu hĩ.

Rồi anh dập dình nước mắt.

Bà lão thò thẻ yên ủi:

– Thấy tình cảnh nhà bác, tôi thật ái ngại. Nhưng thôi, sông có khúc, người có lúc, mình cứ ăn ở hiền lành, rồi cũng có ngày trời mở cửa cho!

Bóng nắng vừa đến giọt nhà. Chị Dậu ở ngoài ao về với chiếc chiếu ướt và một nắm lá.

Sau khi đã vắt chiếc chiếu lên cội rào, chị đem nắm lá thả trong chậu nước lạnh rồi đặt vào gậm bàn thờ.

Bà lão hỏi:

– Lá dành, lá duối phải không?

Chị Dậu nhanh nhẩu:

– Phải. Cháu thấy người ta mách rằng: những người sốt rét, cứ lấy hai thứ ấy vò ra, phơi sương mà uống, bệnh nặng đến đâu cũng khỏi. Vậy cháu thử làm cho nhà cháu uống xem sao.

Bà lão ra ý vui vẻ:

– Ủ. Tôi thấy nói lá dành lá duối chữa bệnh sốt rét hay lắm. Thế mà tôi cứ quên khuấy, vẫn không nhắc bác.

Rồi nhà miếng bã trầu trong miệng và ném xuống sân, bà lão hỏi tiếp:

– Từ sáng đến giờ, các bác đã ăn gì chưa?

Chị Dậu đến cạnh bà lão để đón cái Tiu và đáp:

– Nào đã ăn vào lúc nào hờ cụ? Sáng ngày, nhà cháu vừa bưng bát cháo đến miệng, thì họ kéo vào...

– Thế thì để tôi hãy ẵm cháu cho. Bác đi lấy cháo cho bác trai ăn, kéo nữa bác ấy đói quá.

Anh Dậu ngắt lời:

– Cháu đắng miệng lắm, không muốn ăn uống gì cả.

Bà lão cố bảo:

– Phải cố ăn đi mới được, bác ạ! Chẳng ăn nhiều thì ăn ít. Chứ nhịn mãi thì sức yếu đi, bệnh càng nặng thêm. Và lại ăn cháo cũng không độc đâu mà sợ.

Chị Dậu nói theo:

– Cụ bảo phải đấy! Thấy em cố ăn vài miếng cho đỡ xót ruột. Kéo nữa, đã ốm lại đói thì chịu làm sao!

Rồi chị bưng một bát cháo đến cạnh chồng và năn nỉ:

– Nào, thấy em gượng dậy ăn đi, cho tôi bằng lòng.

Anh Dậu như nể lời vợ, uể oải ngồi dậy, anh đón bát cháo, nhắm mắt nhắm mũi, cố húp gần hết nửa bát, rồi kêu đắng lắm không nuốt được nữa.

Bà lão lại khuyên chị Dậu:

– Bác gái cũng phải ăn đi, để lấy sữa cho cháu nó bú. Mình đã vậy, còn con. Đàn bà con mọn cần nhất phải ăn cho đủ thì mới có sữa. Nếu sữa không đủ, thì con hay sài.

Anh Dậu cũng rề rà giục vợ:

– Cháo sắp vừa cả rồi đấy. U nó ăn cho hết đi. Rồi đi chạy cổ mấy đồng nữa.

Chị Dậu nhấc mâm cháo xuống phản. Bớt lại một bát, chừng muốn để dành cho thằng Dần, rồi chị vừa húp chap chuội vừa ứa nước mắt:

– Ngày nay nhờ cụ cho vay còn có cái ăn, ngày mai thì trông vào đâu?

Bà lão lảng giềng ra vẻ cảm động:

– Trời sinh voi, trời sinh cỏ, sợ gì! Bên kia còn nửa nỏ¹ gạo nữa, tôi chưa ăn đến. Lát nữa bác đem thúng sang, tôi hãy cho vay. Khi nào bác trai khỏe mạnh trả tôi cũng được.

Ngoài cổng có tiếng hiệu rúc. Đàn chó hàng xóm thi nhau sủa từ phía ngoài sủa vào. Lý trưởng với cây gậy song và hai người tuần hùnh hổ xông đến trước nhà. Chỉ gậy vác mặt anh Dậu, hấn quát:

– Sưu đâu? Thằng kia? Đem nộp nốt đi!

Bà lão lảng giềng nhanh miệng khất hộ:

– Bác ấy vừa ở đình về, làm gì đã có? Ông hãy làm ơn để cho người ta đến mai.

Lý trưởng mắng như tát nước:

1. Nồi: Đơn vị dân gian dùng để đoong chất hạt rời, thường bằng khoảng 20 đấu tức 20 lít.

– Không việc gì đến bà mà chõ mồm vào đấy. Nó không có, thì tôi đỡ nhà nó đi cho mà xem.

Rồi hán chỉ gậy vào mặt chị Dậu:

– Chỉ vì vợ chồng nhà mày để quan hành ông... Ông hạn cho mày từ giờ đến tối, nếu không chạy đủ hai đồng bảy nửa, thì mày sẽ biết tay ông!

XXII.

Thằng Dần, cái Tiu vẫn ngủ say. Chị Dậu bưng bát nước lá dành lá duối cho anh Dậu uống, rồi chị ngả mâm, lấy bát, ra bếp bắc cơm. Hôm nay có gạo của bà láng giềng cho vay, chị định nấu cơm ăn sớm, để chốc nữa còn phải lên Phủ hầu quan.

Anh Dậu trong mình hơi tỉnh, nên cùng ngồi ăn với vợ. Nhưng anh nhỏ nhẹ nhai không buồn nuốt, chỉ ăn vài miếng lại thôi. Chị Dậu cũng mới và hết một bát, thì Lý trưởng vừa sầm sập vào với hai người tuần và một sợi dây thừng.

Hắn xông đến chỗ chị Dậu và nói thật lớn:

– Đứng dậy! Đi lên Phủ!

Chị Dậu phát cáu:

– Lên Phủ thì lên. Tôi có trốn đâu? Nhưng ông hãy để tôi ăn xong bữa cơm cái nào!

Lý trưởng sừng sộ:

– Mày chẳng ăn xong thì mặc kệ mày. Việc quan ông cứ đúng phép ông làm.

Rồi hắn dùng dùng sấn lại, túm tay chị Dậu lôi dậy và thét hai người tuấn:

– Trói cổ nó lại, điệu đi cho ông!

Bát cơm trên tay chị Dậu đổ lật xuống mâm đánh xoảng, cơm canh bắn tung khắp nhà.

Cái thùng trong tay người tuấn tức thì bị lỏng vào hai cánh tay chị Dậu và gò ra đằng sau lưng.

Anh Dậu nhìn vợ bằng những dòng nước mắt thánh thót.

Lý trưởng trừng trừng hạch lạc:

– Còn đòi mày nữa! Từ giờ đến trưa nếu không nộp nốt tiền sưu thì ông chẻ xác ra cho. Đừng lấy nê ốm mà lẫn khân với ông!

Cái Tiu trong buồng giật mình thức dậy, khóc tru khóc tréo như bị beo ngất.

Chị Dậu đấu dịu với Lý trưởng:

– Xin ông làm phúc để tôi cho cháu nó bú cái đã...

Lý trưởng hùng hổ chìa bàn tay vào mặt chị Dậu:

– Ông thì vả cho vỡ mồm bây giờ! Mày nói cho cha mày nghe đấy à? Sắp đi hầu quan, còn đòi ở nhà để cho con bú. Để ông đứng đây đợi mày đấy chắc?

Thế là hắn tóm đầu thùng đẩy sắp đẩy ngửa chị Dậu xuống thêm. Vừa đi hắn vừa xa xả chửi mắng.

Tối đình, hắn sai tuần phu trói chặt chị Dậu vào một cột đình. Thằng Mới lễ mễ bưng mâm lòng lợn đậu phụ đặt vào chiếc chiếu giữa đình. Lý trưởng ngồi xếp bằng tròn bên cạnh bao lan, vừa uống rượu vừa cà riềng cà tỏi:

– Con mẹ dĩ Dậu! Mày đã biết nhục chưa con? Ông còn làm cho bố ghét mới thôi!

Chị Dậu lúc ấy hình như tức quá, sắc mặt tái xanh, cúi gằm xuống, không nói gì cả. Lý trưởng lại kẻ nhè:

– Chỉ vì vợ chồng nhà mày, cho nên hôm qua quan mới hạch ông, mày có biết không? Việc này chưa biết ông sẽ lo liệu thế nào cho xong. Có lẽ hơn trăm đồng bạc kiếm được trong vụ thuế này, ông phải đổ đi... vì mày tất cả...

Rồi hắn đập tay xuống sàn đình:

– Mày làm hại ông đến thế, chứ còn đến thế nào nữa! Con mẹ kia! Ông giết chết mày cũng không oan mà!

Cứ thế, cứ cái giọng ấy, hắn làm nhảm một mình cho đến khi chai rượu đã hết già nửa.

Chị Dậu chừng cũng không muốn dây với kẻ say, cho nên, hắn nói thế nào mặc hắn, chị cứ giả điếc làm lơ.

Mặt trời lên khỏi ngọn tre độ một con sào.

Mấy đĩa đậu phụ lòng lợn trong mâm đã sạch ngoen ngoèn. Bấy giờ Lý trưởng mới chịu bỏ mâm đứng dậy,

trong miệng còn nhồm nhoàm nhai dở miếng cơm tưới với nước mắm.

Không kịp chùi miệng, uống nước, hắn gọi một người tuần phu và giục:

– Trưa quá rồi! Giải cổ nó đi, không thì lỡ buổi hầu sáng.

Chị Dậu được thoát ly cái cột đình để theo hắn và người tuần phu lên Phủ.

Trời đương nắng gắt, tự nhiên thấy tối sầm lại. Một đám mây đen lù lù tiến từ phía nam lên phía bắc. Chân trời nhấp nhóang hiện mấy luồng chớp. Tiếng sấm tiếng sét theo cơn giông đồng thời kéo đến. Nước mưa đổ xuống ầm ầm.

Bởi đương đi trong một cánh đồng không, cả bọn đều không có chỗ mà ẩn. Lý trưởng tuy có cầm ô nhưng cũng bị ướt lướt lướt như chị Dậu và người tuần phu. Vì ô của hắn tức là một món trang sức, chỉ dùng để làm giá ngựa chó có giương được bao giờ.

Với cơn căm tức của hắn, sự rủi ro ấy không khác gì lửa cháy thêm dầu, hắn càng lèm bèm chửi mắng chị Dậu.

Nước mắt theo nước mưa chảy xuống giàn giụa, chị Dậu không biết than thở cùng ai, thỉnh thoảng chị chỉ kêu trời cho hả.

Một lát sau, gió im dần, mưa tạnh dần, trời cũng

quang dần, rồi thì ánh nắng lại ở trên đầu dội xuống như thiêu như đốt.

Tối công Phú, các quần áo ướt vừa khô. Nhưng đã tan buổi hầu sáng. Lý trưởng phải dẫn chị Dậu vào trong hàng cơm để đợi buổi hầu chiều.

Cố nhiên trong mùa sưu thuế, hàng cơm phố Phú vẫn phải đông khách hơn các ngày thường. Trên những dãy phản ken liền, trên những chiếc tràng kỷ giát nửa, người nọ chen vai người kia. Họ ăn, họ uống, họ nói chuyện, họ cãi lý sự với nhau. Chỗ này gọi cơm, chỗ kia gọi rượu, chỗ khác lại gọi nước mắm. Thằng nhỏ nhà hàng cuống cẳng chạy không kịp. Mùi tòi, mùi rượu, mùi mắm tôm với mùi mồ hôi của những người đã lâu không tắm, làm thành một bầu không khí khó tả, ai không quen người sẽ phải buồn nôn.

Chị Dậu với sợi dây thừng gò ở hai cánh vẫn ngồi ro ró dưới chân cột để nghe những tiếng chửi rủa của Lý trưởng mỗi khi có người hỏi hấn lên Phú làm gì.

Ruột chị lúc ấy như bị đứt ra từng đoạn.

Chồng ta hôm nay có dứt cơn sốt rét hay không? Cái Tiu từ sáng đến giờ xin bú ai được? Thằng Dần có chịu chơi ngoan hay lại gào khóc quấy bố? Cái Tý ở nhà lão Nghị có được yên thân hay vẫn bị chửi bị đòn?

Bấy nhiêu câu hỏi kế tiếp nhau quấy rối ở trong óc, nó làm cho chị lúc nào hai mắt cũng đỏ ngầu ngầu.

Thình lình trong hàng có tiếng nói lớn:

– Bà này nghiệt quá! Còn để chúng tôi vào hàng nữa thôi!

Giật mình, chị vội ngẩng mặt trông lên.

Trước một đồng ô vá năm không tay cầm, bà hàng đương co kéo mấy ông tổng lý¹, nhất định không cho đi ra. Một ông trong bọn chỉ vào đồ vật ấy và nói:

– Thiếu có hai hào rưỡi bạc, chúng tôi đã gán mười một cái ô, mà bà vẫn không bằng lòng, thật không biết điều chút nào.

Nhà hàng vẫn khăng khăng một mực:

– Các ông bảo mười một cái ô ấy bán cho ai được hai hào rưỡi? Nếu không cho tiền thì các ông phải để cho tôi một cái áo the kha khá lại đây. Chứ tôi giữ ô của các ông để làm “gấp chả” dỗi à?

– Nhưng mà chúng tôi còn phải vào hầu bây giờ. Để áo the đây thì khoác cái áo cánh nâu mà vào quan ư?

– Tôi không biết. Nếu không gửi áo thì các ông phải trả tiền tôi.

Cả bọn ngơ ngác nhìn nhau, ông kia gắt ông nọ:

– Tôi đã bảo đừng lấy thêm chai rượu sau nữa, thì có việc gì phải lôi thôi thế này. Thật là xấu với hàng Phủ.

1. Tổng lý: Chánh tổng và Lý trưởng.

Một ông liền móc dạ cá lôi ra một khối đồng vuông¹ đưa cho nhà hàng và nói:

– Gần năm trăm đồng bạc mới được cục đồng này đây. Tôi hãy gửi bà, chiều mai tôi đem tiền đến chuộc.

Trong Phủ, tiếng trống thông thả điểm luôn ba hồi. Những ông hương lý tấp nập đem bộ mặt đỏ vào hầu. Lý trưởng Đông Xá cười trối cho chị Dậu, rồi đưa chị vào cửa Phủ.

Hắn chỉ cho chị ngồi vào dưới một gốc bàng ở trước công đường, để chờ khi quan hỏi đến.

Lần này là lần đầu chị chàng nhà quê được biết cửa công. Trước tai, mắt chị, cái gì cũng lạ. Lạ nhất là trong buồng giấy của quan Phủ luôn luôn đưa ra những tiếng “bấm thính” “cách cổ” và “bò tù” và những người đến đó ai cũng vào với một cái đĩa không, rồi lại ra với một cái đĩa không.

Mặt trời đã xế, Lý trưởng Đông Xá mới được vác cái đĩa không đến trước bàn quan Phủ. Sau một hồi thét lác của ông “phụ mẫu”, anh ta lẩm rầm nói vài bốn câu gì đó, rồi hắn chạy ra gốc bàng, dẫn chị Dậu đến trước nhà giấy.

Liếc mắt nhìn qua chị Dậu, quan Phủ đồng dặc:

– Lính đâu! Giam cổ con này xuống trại!

1. Khối đồng vuông: Ý nói con dấu của Lý trưởng.

XXIII.

Phía sau công đường chợt có tiếng còi toe toe. Tiếp luôn tiếng máy chạy xình xịch. Một chiếc ô tô mui kín từ nẻo nhà tư từ từ bò ra đậu ở phía trước công đường và chia đầu ra ngoài cổng Phủ.

Sau bức chấn song của cửa sổ Trại lệ, chị Dậu thành linh nhòm ra.

Với quan Phủ đi kèm bên cạnh, một người đàn bà từ thềm gạch hoa bước xuống bằng bộ điệu vùng vằng giận dữ.

Chiều trời tuy đã gần tối, sức mắt chị Dậu còn đủ nhận rõ hình dạng và nhan sắc người đàn bà ấy.

Cái xác đầy đà như không chịu nổi sự chật hẹp của tấm áo *bom bay*¹ màu xanh, đôi vú vẫn thõn thện lộ ra trước ngực. Trong chiếc khăn tua quần xòa từ đầu đến cổ, lượt phần dày bự che không kín hai nét nhăn lớn trên cặp môi tô son.

1. Bom bay: Tên một loại vải.

Đến cạnh ô tô, người đàn bà ấy mở cái bì da lấy chiếc gương con soi mặt.

Quan Phủ nhanh nhẩu mở một cánh cửa ô tô và giục:

– Thôi mợ lên xe đi đi! Kéo nữa tối nay thứ bảy, ngài lại đi chơi đâu chẳng.

Người đàn bà làm bộ dằn dỗi:

– Thân tôi thật là nhục hơn con chó. Những đứa giãng há chẳng qua nó cũng thế này.

Quan Phủ ngọt ngào:

– Sao mợ lại nói thế nhi? Đã hay rằng mợ không ưa sự đó, nhưng cái đời nó như thế, người ta thế mình cũng phải thế. Tôi còn chịu được nữa mợ? Tục ngữ đã nói “giàu vì bạn, sang vì vợ”, năm nay tôi được thăng, tức là công mợ tất cả...

Quan Phủ ngừng lại giây lát để nhìn mặt người đàn bà ấy và tiếp:

– Vả lại đâu vẫn đấy, nào mình có mất một chút gì đâu.

Lúc ấy chị Dậu mới biết người đàn bà ấy tức là bà Phủ. Thấy quan Phủ cười, bà Phủ ra giọng gắt gỏng:

– Thôi đừng nói chuyện con khi. Đã đau cả ruột lại còn pha trò.

Rồi thì bà rón rén bước lên trên xe. Chỉnh chệch ngồi tựa vào chiếc đệm da, và mở “ví da” lấy chiếc gương con soi lại lần nữa.

Quan Phủ đóng cửa ô tô và sẽ dặn người tài xế:

– Đưa bà vào dinh, rồi mày lại đánh xe ra ngay. Độ một giờ rưỡi thì hãy đem xe vào đón. Một giờ rưỡi! Nghe không?

Tiếng máy lại kêu xình xịch lấp tiếng trả lời của người tài xế. Rồi chiếc ô tô thông thả từ trước công đường chạy ra sau mấy tiếng còi rất lễ phép. Quan Phủ chào vợ một cách sung sướng:

– Thôi, mợ đi cho được việc.

Và ngài đứng đó trông theo cho đến khi bóng xe đã khuất cổng phủ mới vui vẻ trở vào.

Chị Dậu còn đương ngơ ngẩn cố tìm ý nghĩa của những câu chuyện vợ chồng nhà quan mới nói với nhau mà chưa tìm ra, thì người Cai lệ vừa ở công đường đi xuống. Hắn lật đật mở rương lấy ra một bộ đủ cả áo the thâm, khăn vuông thâm, khăn vấn xa tanh, yếm trắng dải lụa bạch, dây lưng nhiễu xanh, áo cánh lụa trắng và một cái quần lụa thâm cạp màu cánh sen, vừa trao cho chị, vừa chỉ vào đôi guốc gỗ cạnh đó và nói:

– Cầm lấy bộ quần áo này và đôi guốc kia ra nhà tắm ở đằng sau trại, cái nhà vuông con có che cột đó, tắm cho sạch đi.

Chị Dậu ngạc nhiên:

– Thưa ông, ông bảo tôi ạ?

Cai lệ cau mày:

– Chẳng bảo mày thì bảo ai? Còn ai được mặc những quần áo này?

Chị Dậu òa khóc:

– Xin ông xét lại cho tôi. Tôi mới bị giam một lúc sao ông đã bắt tôi mặc quần áo tù?

Cai lệ phì cười:

– Quân mới ngu chứ! Quần áo tù được thế này à? Đó là quần áo của... trời cho đấy. Cứ ra tắm đi, rồi mặc vào. Không hỏi lời thôi.

Chị Dậu vội chùi nước mắt:

– Thôi! Cháu không tắm! Cháu không thay. Ông cho cháu cứ mặc quần áo của cháu...

Cai lệ ra vẻ bức mình:

– Nhưng mà còn bản không ai chịu được. Mày tưởng giường phản nhà quan cũng như giường chiếu nhà mày đấy à? Tắm đi và mặc bộ quần áo này một đêm nay thôi. Sáng mai lại mặc những thứ tốt đẹp của mày, không ai cấm!

Chị Dậu vẫn không hiểu, rụt rè như muốn hỏi nữa. Cai lệ liền quát:

– Bảo không nghe thì ông tổng cổ xuống nhà vuông bây giờ. Đừng thấy nói ngọt càng làm bộ.

Bằng cái dáng bộ sợ hãi, chị Dậu đón lấy bộ quần áo và xách đôi guốc, rồi đi qua phía sau Trại lệ. Trong buồng

tắm, nước lạnh, xà phòng, chậu thau, khăn mặt, các thứ đều sẵn sàng cả. Vào đó giầy lát, chị lại trở ra và cứ thập thò ở phía đầu trại, Cai lệ sáng ý liền hỏi:

– Mày sợ ướt cái váy mốc của mày phải không? Đóng cửa lại. *Tắm truồng cũng được*¹. Không ai thêm nhòm!

Chị Dậu ngẩn ngại đi vào nhà tắm.

Nửa giờ sau, cánh cửa buồng tắm ngỏ ra, chị chàng cũ kỹ nhà quê nghiêm nhiên thành một người óng ả nuột nà rõ ra vẻ cầu Lim, đình Cẩm.

Cai lệ quăng cho chị Dậu cái lược bí và cái gương vuông:

– Chải đầu đi, rồi vấn khăn cho thật tử tế!

Chị Dậu ngơ ngác ngồi một lúc, như muốn nghĩ xem người ta sắp sửa bắt mình làm gì. Cai lệ nóng ruột lại giục lần nữa, bấy giờ chị mới bẽn lẽn cầm lấy gương lược, xỏ đầu ra chải.

Một người lính lệ đứng cạnh mím cười:

– Sướng nhé! Máy khi đã được quan giam!

Người khác nói xen:

– Con bé đẹp thật đấy nhí! Của này nếu được thắng bộ cánh bóp thì... kém gì đời!

Người nữa nói góp:

1. Những chữ in nghiêng đã bị cắt bỏ ở nhiều lần tái bản.

– Chả đẹp, chúng mình lại phải xách nước cho nó...!
Nhưng còn phải cái bộ mặt ủ rũ luôn luôn. Hẳn là chị ta lo lắng gì đó.

Rồi hẳn nhìn mặt chị Dậu:

– Sao mày không tươi lên em! Tươi lên để chúng tao nhìn một cái cho bỏ cái công gánh nước cho mày...

Cả bọn cùng cười ầm lên. Chị Dậu nín lặng như không nghe biết gì cả. Vì ruột gan chị lúc ấy đương để cả vào chồng con ở nhà.

XXIV.

Đồng hồ trên vách đánh luôn bảy tiếng. Hối trống thu không đã tan. Ngọn đèn đất trong trại bắt đầu chập lửa. Người Cai lệ ở trên nhà tư chạy xuống vừa cười vừa bảo với người Biện lệ¹:

– Nay quan *thời*² cơm sớm quá, mới sáu giờ rưỡi ngài đã giục bếp bung mâm lên rồi... Dùng rượu sâm, mày ạ!

Biện lệ cũng gật gù:

– Thôi, hôm nay chả dùng rượu sâm còn để hôm nào! Sức ấy mà lại tắm bồ thì phải biết...!

Trên chòi canh từng từng ba tiếng trống báo. Một ô tô sơn xanh, lù lù tiến vào sân.

Biện lệ nói nhỏ với Cai lệ:

1. Biện lệ: Người chuyên trông coi, cai quản công việc phục dịch trong phủ quan.

2. Thời: Ăn (cơm).

– Xe của ông huyện Minh Hào.

Ông huyện Minh Hào mở tung cửa xe bước xuống, vui vẻ hỏi người Biện lệ:

– Quan nhà mày có nhà hay đã moong¹ rồi?

Biện lệ lễ phép:

– Bẩm cụ lớn, quan con đương dùng cơm.

Ông huyện bước lên bậc thêm một cách hùng dũng:

– Sao mà quan nhà mày bảo ăn cơm sớm thế? Mới có bảy giờ...? Thôi, vào bảo quan nhà mày cứ ăn cơm cho xong. Tao ngồi đợi đây cũng được!

Rồi ông huyện đi vào phòng giấy.

Biện lệ điếu lên nhà tư. Giây lát, hấn xuống Trại lệ với bộ điệu ồm ồm:

– Ngài cáu! Chúng bay ạ. Hôm nay đưa nào vô phúc mà trái ý ngài...

Cai lệ cười nhạt:

– Thôi, việc đến nơi lại bị khách ám, ai mà không tức! Thế ngài có ra tiếp khách hay cứ ngồi ăn?

– Ngài tha chửi cho là tốt, lại còn tiếp nữa! Tao vào bẩm quan Minh Hào sang chơi, ngài đã phát khùng mà

1. Từ gốc tiếng Pháp, có nghĩa là “via than, via quặng”. Hiện chưa rõ nghĩa. Theo phỏng đoán của chúng tôi, “moong” có thể là cách nói lóng, ý chỉ sự chuồn đi lén lút, mau lẹ.

rằng: “Kệ hần! Ông ăn xong đã!”. Rồi ngài cứ việc rung đùi đánh chén.

– Chắc là đêm nay thứ bảy, quan kia đến rủ quan này lên tỉnh chứ gì!

– Hôm khác thì đi ngay đấy, nhưng hôm nay, sét đánh ngài cũng ở nhà.

– Chả ở nhà, để ngài đi cho mày đấy hần! Đêm nay, mày còn hầu nhọc, con ạ. Tháng việc¹ này của mày bỏ đấy. Đã hỏi tiền canh giam² hay chưa?

– Nào ai đã hỏi vào lúc nào được?

Biện lệ liền quay mặt sang phía chị Dậu:

– Con mẹ kia! Đưa năm hào ra nộp tiền hàng đội!

Chị Dậu vẫn ngồi trên chiếc chõng tre xó trại, tuy có nghe thấy hần hỏi³, nhưng không trả lời, vì chị không biết là hần hỏi ai. Biện lệ gặng:

– Mồm mày câm à! Con mẹ Đông Xá?

Chị Dậu ngơ ngẩn:

– Ông hỏi tôi ạ?

1. Tháng việc: Tiền quan “chi thưởng” cho việc hầu hạ trong tháng.

2. Canh giam: Tiền quan chi cho việc canh gác, giam giữ người để quan giấu giếm, làm việc “riêng”. Có bản in sai thành “canh đảm”.

3. Có bản in sai thành “hần hỏi”.

– Chứ hỏi con chó nào nữa!

– Thưa ông tiền hàng đội là tiền gì ạ!

Biện lệ nắm chặt tay phải, xăm xăm chạy tể đến gần chị Dậu và gân cái cổ bạc ác:

– À, mày muốn giờ lý sự đấy chứ!

Cai lệ huých thêm:

– Biếu cho chị ta mấy quả phạt thù...!

Chị Dậu vội vàng xin lỗi bằng giọng run sợ:

– Thưa hai ông, cháu là đàn bà đâu dám giờ lý sự với các ông! Vì mới vào quan lần này là một, cháu không biết tiền hàng đội là tiền gì, cho nên phải hỏi. Các ông tha lỗi cho.

Biện lệ như cũng nguôi giận, hấn lại thẽ thọt:

– Nó là tiền giường, tiền chiếu mày ngồi, tiền cơm mày ăn lúc này, chứ là tiền gì? Năm hào! Ấy là ta thương mày nghèo, nên lấy có thế. Đưa ra nộp đi!

– Thưa ông, thật quả cháu không có. Thuế ở nhà cũng chưa nộp đủ nữa là...

Biện lệ sừng sộ:

– Không có thì chốc nữa cho thân vào cùm.

Rồi hấn chỉ tay vào một khúc gỗ dài thườn thượt như cái cối giã gạo kê ở giáp vách gian trại bên kia:

– Cái cùm kia kia, trông thấy chưa? Không có tiền thì một lát nữa sẽ đút chân vào đấy.

Trên công đường leng keng một hồi kêu. Cai lệ, Biện lệ mỗi người dạ một tiếng thật lớn. Rồi cùng lật đật chạy lên.

Lâu lâu một lúc, thì có tiếng cười, tiếng nói lời lá từ trong buồng giấy xô ra. Quan chủ tiền quan khách xuống thêm. Sau khi ông kia đã lên ngôi ô tô, ông này còn nắm tay lại và dặn:

– Thôi! Để thứ bảy sau vậy. Đúng hẹn đấy nhé!

Ánh sáng đèn pha phun ra chói sân công đường. Còi điện báo hiệu khởi hành bằng mấy tiếng hách dịch. Chiếc xe chạy xa cổng phủ rồi biến vào trong bóng tối. Quan Phủ gọi Biện lệ nói nhỏ mấy câu rất ngắn, rồi ngài đi lên công đường.

Cái kiểng¹ của Trại lệ giống với trống cái bên trại cơ, điểm luôn ba tiếng díp² nhau.

Chị Dậu đương ngồi gục đầu dưới bóng đèn với những cơn đau đón lo sợ, thì Biện lệ rón rén ở ngoài vào sẽ đến cạnh chị và hỏi:

– Con mẹ này thức hay ngủ? Đi lên quan đòi.

Chị Dậu giật mình vội ngẩng đầu dậy:

1. Cái kiểng: Nhạc khí dùng để gõ, hình cái đĩa có núm nhỏ ở tâm, treo trên giá gỗ, có thể dùng để đánh báo hiệu.

2. Không phải là “dịp” như nhiều bản đã in.

– Quan đòi cháu làm gì bây giờ hử ông?

Biện lệ cố làm ra vẻ nghiêm nghị:

– Không phải hỏi! Lên đấy thì biết.

Chị Dậu thấy mình hồi hộp; tiếng nói tự nhiên run run:

– Cháu tưởng việc quan thì làm ban ngày, chứ sao lại làm ban đêm.

Biện lệ ra bộ giận dữ:

– Bây giờ giữa lúc sưu thuế gấp ngất, nhiều việc cần kíp, ban ngày làm không hết, nên quan phải làm ban đêm, chứ làm sao!

Chị Dậu vẫn chưa hết sợ:

– Cháu lạy ông vạy lạy, xin ông kêu quan để cho cháu đến sáng mai.

– Không được! Việc quan không phải chuyện chơi! Nếu quan đòi mà không lên hầu, thì được tra chân vào cùm lập tức.

Chị Dậu vẫn ngồi im chẳng nói chẳng rằng, trống ngực mỗi lúc một nện mạnh.

Cai lệ ở đâu chạy vào:

– Nó bướng, không chịu đi chứ? Cùm cổ nó lại!

Tức thì hai ông đầu trâu mặt ngựa sấn lại, dắt tay chị Dậu lôi sang bên kia. Một người nhấc đầu cây cùm, một

người bắt chị bắt tréo hai chân xỏ vào hai lỗ ở giữa, rồi họ dập cây gỗ xuống. Chị Dậu nhăn như chuột kẹp. Lúc đầu hình như chị định bầm gan cố chịu, nhưng chỉ giây lát, thì thấy đau như đứt ruột, không thể nào mà chịu được nữa, chị phải mếu khóc, vái lia lịa:

– Cháu lạy hai ông! Hai ông tháo ra cho cháu!

Biện lệ ra bộ đặc sách:

– Mẹ mày! Đã biết cái lối cùm tréo của chúng ông chưa?

Rồi hắn tháo chốt, nâng cây gỗ lên cho chị rút hai chân ra, và hắn hỏi:

– Thế nào! Bây giờ mày đã chịu đi hay chưa?

Chị Dậu vẫn còn mếu máo:

– Cháu xin vâng lời hai ông, nhưng các ông hãy để cho cháu thuần chân cái đã.

Biện lệ liền đưa cho chị cái khăn mặt ướt, bảo chị lau mặt và lau hai chỗ ống chân bị thương. Rồi hắn bắt chị xỏ chân vào guốc, dẫn chị qua đầu công đường về phía nhà tư. Theo lời hắn, chị vừa bước chân vào khỏi cửa phòng nhà tư, cánh cửa liền đóng sập lại.

XXV.

Tên chiếc tủ đứng, ngọn đèn măng sông im lặng tỏa ra ánh sáng xanh lè. Trong bức màn tuyn lòa xòa rủ ngoài chiếc giường Hồng Kông, tấm khăn trắng muốt phủ trên chiếc đệm, không có một vết nhăn nhúm. Bức chần gấm đặt trên một chồng hòm sơn cũng như chiếc khăn xếp và tấm áo sa treo ở cây mắc, hết thấy in bóng lên khuôn gương vuông nghiêng nghiêng đứng dưới trần nhà. Trong phòng sáng như ban ngày, nhưng vắng ngắt không có ai cả.

Chị Dậu như đã hiểu đó là một chỗ không hay cho chị, loay hoay vặn quả bàng, chị chực ngó cửa chạy ra. Bỗng cánh cửa ngách hé mở. Một người đàn ông với bộ quần áo lụa trắng và đôi giày Kinh Tự phía sau cửa nhô ra.

Chiếc cánh cửa lại khép chặt lại.

Nhờ cái đặc biệt của hai chòm râu, chị Dậu nhận ra ông Phủ. Trống ngực nện thình thịch, chị vội run run chấp tay và vái một vái:

– Bẩm lạy quan lớn ạ!

Quan Phủ đáp bằng giọng nhẹ nhàng:

– Định đi đâu mà mở cửa. Đứng ra dưới cái gương kia ta hỏi.

Chị Dậu khúm núm sẽ đi đến chỗ quan Phủ đã chỉ.

Quan Phủ ghé ngồi vào giường đối mặt với chị Dậu. Sau khi đã thường thức cái dung nhan óng ả của chị gái quê, ngài đứng dậy, đi đến cạnh chị. Cúi xuống, ngài định hôn vào đôi gò má đỏ bừng. Chị Dậu vội nghiêng mình tránh và chạy ra gần cánh cửa. Quan Phủ theo sau, ngài nắm tay chị, lôi lại và ngọt ngào:

– Hãy vào trong giường này đã... Mà đánh lính trong khi làm việc phận sự, tội nặng lắm... Vào đây... rồi tao châm chước đi cho...

Chị Dậu càng run:

– Con lạy quan lớn, chúng con là gái có chồng, quan lớn tha cho...

Quan phủ vừa co tay chị, vừa trả lời:

– Không được! Có chồng mặc kệ có chồng. Hãy vào trong giường này đã. Ngày mai cho về với chồng. Ai giữ làm gì?

Chị Dậu nhất định cố giằng tay ra và cứ một mực:

– Con lạy quan lớn! Chúng con là gái có chồng, quan lớn tha cho.

Dường như cơn hăng nổi lên, *quan Phủ liến thúc hai tay vào nách chị Dậu, chực ôm lên giường*. Nhưng mà chị này khỏe hơn, vừa giãy giụa vừa buột miệng găt gòng:

– Ôi! Nhà ông này mới hay chứ! Có buông ra không thì tôi kêu lên giờ!

Quan Phủ không trả lời. Ngài mồm chặt hai môi cố *ghì chị này vào lòng*. Chị Dậu hết sức vùng vẫy để nhào mình ra.

Trận huỳnh huych kéo dài đến hơn mười phút. Chị Dậu du được bên địch ngã kênh xuống đất, rồi chị chạy ra cạnh cửa và đứng tựa lưng vào tường để giữ thế thủ.

Quan Phủ lóp ngóp đứng dậy, mở ví lấy năm giấy bạc độ hơn chục đồng, chìa vào tận mặt chị Dậu. Ngài thở và nói:

– Có muốn lấy tiền, tao cho.

Chị Dậu giằng năm bạc vút tọt xuống đất:

– Tôi ỉa vào tiền của ông!

Giương tròn hai mắt, quan Phủ sấn lại giơ tay *chực ôm chầm lấy chị Dậu*¹. Chị này hăng hái đẩy ra.

Ngoài cổng bỗng có tiếng trống báo giạt giọng. Rồi còi ô tô rít lên. Rồi tiếng ô tô xình xích đi vào...

Quan Phủ luống cuống vội mở cửa sau đẩy chị Dậu ra và nói hai tiếng vắn cộc:

1. Tất cả những chữ in nghiêng ở trên đều bị cắt bỏ trong nhiều lần tái bản *Tắt đèn* trước đây.

– Thôi bước!

Trong bóng tối có người ghé tai chị Dậu nói thầm:

– Muốn sống bám ngay vào vai tao này!

Tiếp đó, một cái lưng người phản phật chìa sát vào trước chị Dậu. Hoảng quá, chị liền ôm luôn lấy cổ người ấy. Hấn công chị xuống thêm, và lom khom bò quanh trở ra.

Tiếng xình xịch của máy ô tô đã vào đến trước công đường. Tiếp luôn đến tiếng đánh đá nghe rõ là tiếng đàn bà:

– Cậu còn thức hay ngủ rồi?

Trong cửa nhà tư, quan Phủ vừa đi vừa nói:

– Tôi chưa ngủ, vẫn chờ mợ đây! Sao mợ về sớm thế? Có gặp ngài không?

Trên công đường liền có tiếng the the:

– Cậu làm gì mà thở hồng hộc lên thế?

Rồi tiếng the the vào cửa nhà tư:

– Ai mở cửa sau làm gì thế kia?... Tiền bạc ở đâu lại vung ra đấy? Guốc đưa nào bỏ đó?... Làm sao cái khăn trải đệm lại bị nhăn nheo thế này?

Xen vào mấy tiếng giậm chân thành thịch, rồi lại đến tiếng tru tréo:

– Cậu giết tôi đi! Cậu làm thế này thì còn trời đất nào? Này! Dao đây, cậu đâm chết ngay tôi đi cho rảnh! Tôi nhục về cậu biết chừng nào!...

Người công chị Dậu khi ấy đã bò vào đến nhà tắm. Hấn đặt chị xuống và ghé tai chị sẽ bảo:

– Quần áo của mày để đâu? Lấy mà thay đi!

Rồi hấn trở ra.

Phía đầu nhà tư có tiếng nheo nhéo:

– Thằng Biện tư đâu? Lên đây! Lên... ngay đây!

Một tiếng dạ kéo dài ở Trại lệ. Kế đến tiếng chân chạy thình thịch. Cuối cùng là một câu hỏi đầy giọng tức tối:

– Thằng Biện tư đấy chứ?... Cha đẻ mẹ mày! Chém cha con đẻ mẹ mày! Mày dắt con nào vào đây vừa rồi! Nói ngay! Nói... ngay! Không thì bà xé xác mày ra bây giờ.

Cách quãng giây lát để nhường chỗ cho những tiếng lăm băm và tiếng đánh song đen đét, rồi cái giọng giận dữ lại tiếp tục:

– Không à? Cha đẻ mẹ mày! Chém cha con đẻ mẹ mày! Không à? Bà xuống Trại lệ bây giờ thì mày phải chết với bà!...

Mấy tiếng sau cùng như đi kèm với sự lồng phách, nó hét rất dài từ đầu nhà tư xuống gần Trại lệ, không khác búa bổ vào tai chị Dậu, làm cho cái nhịp trống ngực của chị lại càng mạnh hơn lúc nãy.

Một người đàn ông rón rén đi vào nhà tắm sẽ nói tiếng “đi ra”. Rồi hấn nắm vạt áo chị kéo ra sau trại, dắt chị đi đường quanh đến cổng Phủ và tổng chị ra.

Tiếng gầm gào trong Phủ vẫn chưa dứt hẳn.

XXVI.

Trống trên chòi đã điểm canh tư. Hơi sương đọng giọt nhỏ xuống ở lá cây lác đác. Bầu trời ngoài cổng Phù chỉ là một đám mịt mù, người ta không thể trông được xa ngoài ba thước.

Theo ánh sáng lấp lánh của các ao các ruộng, chị Dậu lần đường đến nhà hàng cơm ban trưa, định xin trú chân đến sáng.

Cửa còn ngỏ. Trong nhà đèn thấp sáng trưng. Mấy bàn tài bàn tổ tôm đương trối chân mấy ông tổng lý trong cuộc đen đỏ.

Thoáng thấy chị Dậu thập thò ngoài cửa, một người đàn bà ốm ẹo trong bộ quần áo nửa quê nửa tỉnh vênh cái mặt nạ dòng đứng ở trước thềm hỏi ra:

– Người nào kia? Ngấp ghé dòm nom gì đấy?

Cơn sợ hãi chưa hết, chị Dậu rụt rè bước vào để nói mấy câu run run:

– Lạy bà! Cháu bị giam trong Phủ mới được tha ra, tối quá không về nhà được. Bà làm phúc cho cháu ngồi nhờ đến sáng.

– Cái đó chị hỏi bà chủ. Tôi cũng là khách.

Bà lão hàng cơm vừa ở trong buồng bước ra:

– Có phải nhà chị lúc trưa bị ông Lý Đông Xá trói ở cột kia không?

– Thưa phải.

– Ngủ trọ phải hai xu một tối. Nếu chị không ăn cơm ăn quà.

– Thưa cụ, trong mình cháu thật quả không có xu nào, cháu không dám xin ngủ, chỉ xin cụ cho ngồi đây một lát...

– Chẳng có xu nào thì ra, chứ chị ở đây ăn cấp của các ông ấy à?

Mụ khách ra bộ nhân nghĩa:

– Thôi cụ làm phúc cho chị ta ngồi nhờ ít lâu. Tôi trông mặt mũi chị ta cũng hiền lành, không phải là người ăn cắp.

Rồi mụ vào đầu phản, ti tê hỏi chuyện chị Dậu vì sao bị trói bị giam. Và sau khi nghe chị kể qua đầu đuôi cảnh nhà, thì mụ có ý ái ngại:

– Bây giờ bác có muốn đi làm không?

– Thưa bà, làm gì ạ?

–Ồ vú. Tôi không phải là người đưa người, nhưng nếu bác muốn đi làm vú sữa thì tôi mách cho một chỗ.

–Thưa bà, thế bà ở đâu?

–Tôi là vợ ông Cửu Xung trên dinh quan cụ, về đây có chút việc riêng. Bây giờ quan cụ đương cần mấy người vú sữa, nếu bác muốn làm, thì tôi đưa vào.

–Thưa bà, cháu đương con mọn.

Mụ Cửu cười cách chế nhạo:

–Bác này mới lần thân chứ. Chả con mọn thì làm vú sữa bằng gì? Vả lại, làm vú nhà quan, ăn sung mặc sướng, lại được cao công, chả hơn ở nhà đeo cái váy mốc, đánh miếng cơm khoai, quanh năm không kiếm được đồng nào à?

–Nhưng còn con bé để cho ai được?

–Mướn người nuôi kèm, rồi lấy tiền công của mình mà trả, cũng còn thừa chán.

Chị Dậu chừng cũng bùi tai, liền hỏi:

–Thế thì bao giờ phải đi!

–Đi ngay sáng mai thì tiện nhất...

–Nếu vậy, cháu không đi được! Vì còn quyền ở thầy nó nhà cháu. Thầy nó có bằng lòng cho đi, thì cháu mới đi.

–Nhà bác có xa lắm không?

–Cũng không xa lắm. Từ đây về đến làng cháu chỉ có tám cây lô-mếch¹.

1. Cây lô-mếch: Kilômet.

– Có đường đi xe hay không?

– Xe tay có thể vào đến giữa làng.

– Được rồi! Lát nữa, để tôi cùng về bàn với bác trai giúp bác. Nếu như bác ấy bằng lòng, thì tôi hãy bỏ cho vay mười đồng mà may quần áo, rồi đến tháng lương trả tôi.

Mấy bàn tài bàn tổ tôm vừa tan, vì có mấy ông hết tiền. Những người thắng trận ầm ĩ gọi nhà hàng dọn rượu. Mụ Cửu Xung bảo nhà hàng dọn quà để mình ăn tạm và bảo chị Dậu ngồi tiếp bên cạnh. Nhưng chị nhất định từ chối.

Trời sáng. Mụ Cửu sai chị ra thuê cái xe về làng Đông Xá, rồi cho chị lên cùng ngồi với mình. Bằng những thân thế của quan cụ và cảnh sung sướng của tôi tớ người nhà điểm trong câu chuyện dọc đường, mụ Cửu đã làm cho chị Dậu quên sự khùng khiếp ở trong phủ và phục mụ là một người phúc hậu, dù điếu.

Xe tới Đông Xá giữa buổi người ta đem cơm thợ cày. Cả làng đều lấy làm lạ khi thấy chị Dậu được ngồi chung với một người đàn bà, mà trong mắt họ đã coi là bậc sang trọng. Họ ngơ ngác nhìn, họ tò mò theo hai người từ lúc xuống xe đến lúc tới nhà anh Dậu, như để xem cái cứu cánh của sự kỳ dị ấy.

Anh Dậu cũng như thằng Dần, hết sức mừng rỡ trong phút thoát thấy chị Dậu bước chân vào cổng nhà. Nhưng sự đon đả của anh cũng phải hãm ngay lại vì thấy sau chị lại có một bà khách lạ.

Mời mẹ Cửu ngồi tạm vào chiếc chõng nát, rồi chị Dậu ôn tồn hỏi chồng về tình hình trong nhà từ sáng hôm qua đến giờ.

Thì ra anh Dậu hôm nay đã cắt cơn sốt rét. Những lúc vắng chị, cái Tiu vẫn được bà lão láng giềng đem về bên ấy, ôm ấp chăm vậ.

Có tiếng trẻ con úc ích từ ngoài cổng tiến vào.

Bà lão láng giềng nghe tin chị Dậu đã về vội đem cái Tiu sang trả và để hỏi thăm những công việc của chị trên Phủ.

Chị Dậu ứa nước mắt nói cho mẹ Cửu biết rằng bà ấy là ân nhân số một trong đời mình sau khi chị đã nhanh nhẩu ra đón cái Tiu và cảm ơn bà lão một cách thành thật và cảm động.

Thằng Dần ton ton chạy ra núp vào sau mẹ. Xoa xít thằng bé và ngượng ngạo nhìn mặt anh Dậu, gò má chị tự nhiên thấy đỏ bừng bừng.

Mở đầu bằng câu “lão Phủ Tư ân đức quá”. Những chuyện ở trên phủ của chị được ôn lại với cả nhà, cận kề từ đầu đến cuối.

Anh Dậu hồi hộp nóng ruột khi nghe những phút chị phải kháng cự với con quý dâm dục để bảo toàn cho cái trong sạch của thân mình. Và anh tươi cười đắc ý khi nghe một cuộc đắc thắng của vợ.

Mẹ Cửu thay lời chị Dậu, kết luận bằng việc mẹ ấy

gặp chị ở hàng cơm và muốn đưa chị lên Dinh quan cụ làm vú sữa. Rồi cụ hỏi gặng anh Dậu:

– Tôi về đây chỉ có việc thế. Bác có bằng lòng thì tôi ở đây chờ bác gái cùng đi, nếu không, thì tôi lên tỉnh bây giờ.

Anh Dậu còn lúng túng ra về nghĩ ngợi. Ngoài cổng đã thấy người nhà lý trưởng vào giục tiền sưu.

Mụ Cửu nhân dịp bắt vào câu chuyện của mình:

– Cảnh nhà như thế. Mà hai vợ chồng cứ dán dán ở nhà với nhau để cho chết cả nút à? Tôi tưởng bác cho bác gái đi làm là phải. Nếu bác gái nghe tôi thì tôi hãy cho mượn trước mấy đồng bạc để bác trang trải các món.

Anh Dậu ngập ngừng chỉ vào cái Tiu:

– Thưa bà, tôi cũng muốn thế. Nhưng còn ngại con bé này. Mẹ nó đi vắng, tôi nuôi thế nào được nó.

Bà lão lảng giềng đổi lời:

– Tôi nói câu này, nên thì các bác nghe, không nên thì lời tôi lại trả tôi.

– Vâng, cụ cứ nói.

– Thằng cả nhà tôi mới bỏ mất con bé cháu, mấy hôm nay vợ nó buồn lắm, khóc lóc cả ngày. Nó hãy còn sữa, từ sáng hôm qua đến giờ nó vẫn ôm ấp cái Tiu hộ nhà bác đấy. Xem ý nó cũng mến cháu, tôi muốn xin các bác cho nó nuôi giúp con Tiu, đến năm nó mười hai tuổi thì lại trả bác.

Mụ Cửu bàn vào:

– Thôi thế còn gì bằng nữa! Hai bác nên nghe lời cụ đi là phải.

Anh Dậu cảm động:

– Được thế thì quý hóa lắm. Chúng cháu xin vâng lời cụ.

Mụ Cửu mở túi lấy năm đồng bạc đưa cho anh Dậu và nói:

– Khi nào bác gái lên tỉnh, tôi cho mượn thêm năm đồng nữa để bác ấy sắm sửa quần áo.

Chị Dậu gửi con bà láng giềng, chạy đi mua trứng gà và nước mắm để làm cơm thết mụ Cửu và mời bà lão ở lại tiếp khách giúp mình.

Mặt trời xế bóng, vợ chồng người con bà ấy sang nhà anh Dậu để xin cái Tiu đem về. Trong lúc bỗng con trao sang tay người, chị không khỏi thán thốt hai hàng nước mắt. Và những giọt nước mắt ấy cứ kế tiếp nhau tưới mãi xuống gò má chị, rồi nó trào như suối khi chị giã chồng, giã con, giã cái lều tranh ở xó lũy tre mà theo mụ Cửu ra ga đi xe lửa lên tỉnh Trung Sơn để bước vào một cuộc đời mới.

XXVII.

Lửa tắt, nồi cơm đương sôi.

Anh bếp ưỡn eo chống tay vào sườn và cười hên hêch:

– Ăn khoai mà cũng đẹp thế! Ba con rồi, vẫn môn môn như gái mười tám. Chỉ tiếc cái oản bụt¹ hơi xệ.

Bác tài dùng đũa ở ngoài sân vào:

– Khổ cho tôi quá! Tôi còn trai tơ, thế mà trông thấy u em, tôi cứ tưởng là nhà tôi. Này... u em, hay là bước đi bước nữa. Tôi đếch gì ở với thằng chân lấm tay bùn? Lấy chồng tài xế là tiên, lấy chồng cày cuốc là duyên nợ nần. U em có nghe người ta vẫn hát thế không?

Giả điếc như không nghe tiếng, chị Dậu cố phùng đôi má đỏ gay để thổi cho bếp lửa cháy lên. Mồ hôi đổ ra ướt đầm cả lẫn áo cánh.

1. Oản bụt: Ý chỉ cặp vú.

Đã ba hôm nay, chị vẫn phải giữ chức phụ bếp để chờ vào ngôi vú sữa chính ngạch. Mọi ngày, công việc của chị có vài lần rửa bát, nhặt rau, hôm nay vì trời nực quá, các vị gia thần của quan cụ đều sợ gần lửa, người ta mới thêm cho chị cái việc nấu cơm.

Lửa nỏ. Cơm đã cạn.

Mụ Cửu Xung trở vào với cái dáng bộ đặc sác:

– Nhà chị Đông Xá, cơm đã chín chưa? Tắm gội và thay áo đi! Được làm rồi đấy! Giấy của quan thầy thuốc vừa mới gửi đến, nói rằng sữa chị tốt lắm. Cụ lớn bà cho chị năm đồng một tháng. Nếu ngoan ngoãn chịu khó, sau này cụ lại cho thêm.

Vui vẻ chị Dậu cấp gói quần áo ra hồ. Tắm xong theo lệnh của cụ lớn bà, chị phải đi với vú Đình lên nhà trên hầu cố.

Cố, năm nay gần tám mươi tuổi, cái tuổi mà trời bắt cả hai hàm răng không còn cái nào, để cho bao nhiêu cao lương mỹ vị đều không có hân hạnh được vào cái mồm móm mém của cố. Tuy ngày ngày cố vẫn dùng nước thịt ép, nhưng theo lời dặn của đốc-tờ, thì không gì bổ bằng sữa người, phải có sữa người mới đủ tẩm bổ cho sức khỏe của cố. Vì thế quan cụ mới dùng đến chị.

Cũng như vú Đình, chức vụ của chị mỗi ngày chỉ vài lần dùng vú cao su úp vào vú mình hút sữa ra để dâng cho cố.

Công việc ấy tuy có rất ruột một lúc, nhưng mà cũng được nhàn thân, không lúc nào phải dầu dãi ở dưới bóng nắng.

Từ đó trở đi, ngày nào cũng như ngày nào. Ngoài lúc làm việc bốn phận và lúc hầu hạ các cô, thời giờ của chị chỉ để thương chồng, nhớ con và mong cho hết tháng để lĩnh lương gửi về nhà.

Cơ cửa quan cụ như nước cànch dương, nó đã rửa cho cái nước da đen giòn của chị thành ra màu da trắng nõn. Phụ với nó, lại thêm có đôi mắt sắc, cặp môi tươi, khiến cho chị càng trở nên một người đáng để ý.

Quan cụ ra ý thương chị. Những lúc vắng cụ lớn bà, ngài thường gọi chị sai bảo lật vạt. Có lúc cao hứng, ngài đã hỏi đến chồng chị có muốn ra làm Lý trưởng thì ngài cho làm. Nhưng nghĩ cái thân phận con nhà nghèo hèn, không dám mơ tưởng đến sự danh mệnh. Nên chị vẫn lễ phép từ chối.

Đêm ấy, vào tiết đầu¹ thu, đến lượt vú Đình phải sang ngủ ở phòng cố. Trong buồng các vú chỉ có mình chị với ngọn đèn Hoa Kỳ le lói trên hòm khóa chuông, cái hòm quần áo của vú Đình.

Những giọt mưa ngâu rá rích như khêu cơn buồn cho kẻ xa nhà. Cảnh khổ cực của chồng và con tự nhiên kéo đến đầy trước mắt chị.

1. Tiết đầu thu không phải là tiết thu như nhiều bản đã in sai.

Đứng không yên, ngồi không yên. Buồn bã, chị giờ gói áo xin được của các cô thái ra, cắt lại và may lại, để khi được phép về chơi nhà thì đem về cho các con.

Đêm đã khuya, chị thấy đau lưng, mới ngả mình xuống giường, toan nghỉ một lát, rồi lại trở dậy khâu nữa. Không ngờ mỏi quá, chị thiu thiu chợp mắt, rồi ngủ đi mất.

Trong lúc mơ màng, thỉnh thoảng chị thấy như có người nào sờ tay vào ngực. Giật mình, chị tỉnh dậy. Ngọn đèn Hoa Kỳ đã tắt lúc nào, cánh cửa khép kín. Trong phòng tối om. *Cái bàn tay tò mò của người nào đã từ ngực chị tiến công xuống chỗ dưới rốn¹.* Hoảng hốt chị nắm cái bàn tay ấy và giật giọng hỏi:

– Ai đấy?

Mang tai chị nghe thấy hơi râm rậm như bị những sợi râu ngắn quét vào, rồi thấy có tiếng thì thảo:

– Taò! Taò đây! Cự... đây! Nằm im!

– Bấm cụ chúng con là phạm tội tở...

– Nói khẽ chứ. Tắt đèn, nhà ngói như nhà tranh. Tao không cần gì cái đó.

Buông tay, chị vội choàng dậy, mở cửa chạy té ra sân.

Trời tối như mực và như cái tiền đồ của chị.

– Hết –

1. Những chữ in nghiêng ở trên đều bị cắt bỏ trong nhiều lần tái bản *Tắt đèn* trước đây.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

MỘT Ổ CHÓ VÀ MỘT ĐÚA CON

(Phần một)

(Trích nguyên văn phần một truyện ngắn đăng lần đầu trên báo Tương lai – Tháng 9-1936. Tác giả đã chỉnh sửa thành phần V trong tiểu thuyết Tắt đèn)¹.

Bốn bức tường gạch cao ngút, cấm đầy những mảnh thủy tinh, bao bọc một khu dương cơ độ sáu, bảy sào, ở trong: nhà ngói năm, sáu tòa, vừa thóc chín, mười cái, mít mười hai gốc, cau vài chục cây, cụ Bá thôn Đoài chỉ làm nghề cho vay nặng lãi, đã dựng nên cơ nghiệp hùng vĩ như vậy.

Đối với trong vùng, cụ gần thành một vị bá chủ, chuyên dùng chủ nghĩa “kiêm tính”². Hàng xã, hàng tổng, lắm kẻ mất nhà mất ruộng về cụ. Khu đất mà cụ dương ở,

1. Xem thêm: Truyện ngắn *Người hay chó*. Trích tiểu thuyết của Ngô Tất Tố. Tạp chí Văn học – Sài Gòn – Số 173 – 15-9-1972.

2. Kiêm tính: Người này dùng thế lực kinh tế để nuốt sản nghiệp của người khác.

cũng của mấy người láng giềng vay nợ cầm cố cho cụ, quá hạn không chuộc bị cụ cầm lấy.

Bây giờ cụ đứng vào bậc giàu có thứ nhất, thứ nhì trong tổng, ruộng ngoài năm, sáu chục mẫu, tiền trong tráp lúc nào cũng có độ vài ba trăm. Vì thế mà cụ cứ việc thò ra khỏi, nói ra lửa, dân làng không ai dám trêu.

Với cụ, vợ chồng dĩ Dậu không có họ hàng thân thích gì cả. Chỉ vì cậy thuê, cấy mướn cho cụ đã nhiều, nên biết nhà, biết người.

Sau khi cậu lệ và tên người nhà Lý trưởng đã dẫn anh Dậu ra đình, chị Dậu trao con bé con cho cái Tý, vợ lấy cái nón toan đi, thằng Dần khóc nhéch, khóc nhác:

– Trưa rồi, từ sáng đến giờ chưa được miếng gì vào bụng, con đói đã vàng cả mắt. U không mua gạo nấu cơm cho chúng con, lại còn đi đâu?

Chị Dậu giả điếc, cắp nón đi thẳng ra cổng, tai còn văng vẳng nghe tiếng cái Tý thò thè:

– Hôm nay chả có gạo đâu mà nấu cơm. Em hãy ăn tạm mấy khoai sống vậy...!

*

Ánh nắng tháng năm rát như lửa chàm vào mặt.

Hơi nước dưới đồng bốc lên, nóng như hơi trong chảo xôi.

Những con cua chừa chịu không nổi sức nóng của nước trong ruộng, lồm ngồm bò lên nắp dưới khóm cỏ vệ đường.

Đoạn đường từ làng Đông sang làng Đoài chỉ độ già bốn cây số. Trong lúc nắng gắt, người ta vẫn coi nó như con đường thiên lý trong bể cát già.

Nhưng với chị Dậu thì không mùi gì, vì cái đời chị đã hàng ngày dạn mặt với thần nắng.

Nấp bóng dưới cái nón rách, chị cố đảo một mạch, sang đến cổng nhà cụ Bá.

Mặt trời đứng bóng.

Trâu bò ngoài đồng lũ lượt kéo về.

Thập thò ngoài cổng, chị Dậu nâng vạt áo nâu rách lau qua những giọt mồ hôi nhuế nhoài trên đôi lông mày, mở to hai mắt quáng nắng dòm vào trong cổng.

Chẳng thấy người nào đi lại.

Đánh bạo chị xăm xăm bước vào trong sân.

Một đàn chó dữ như đàn hùm ở đâu nhất tề xổ ra nhảy chồm tận mặt người lạ.

Hoảng quá, chị Dậu ngồi phịch xuống gạch, vừa lấy nón đuổi những con ác thú vừa kêu:

– Anh bếp có nhà không! Làm phúc đánh chó cho tôi với!

Trong nhà có tiếng the the quát ra:

– Làm gì mà nheo nhéo thế! Nhà ai không chó? Sao không mang gậy? Thằng bếp còn bận việc khác, nó không hầu được...!

Rồi lại im.

Thì ra ông Bá, bà Bá đang ăn cơm ở nhà khách. Nghe tiếng chị này léo xéo, bà Bá bực mình sửa mấy câu cho đã giận, chứ bà không buồn đứng dậy. Vì đứng dậy sợ mất giá trị của bà.

Đàn chó vẫn vây kín xung quanh chị Dậu.

Hình như chúng nó cố làm hết phận sự với chủ, con nào con ấy lè lưỡi, nhả răng, chạy lồng, chạy lộn, chỉ chực vỗ lấy hai chân chị này.

Cái nón dùng làm khí giới đã bị đàn vật cắn rách tan tành, chị Dậu luống cuống không biết làm thế nào. May đâu có mụ thợ cấy vừa ở trong bếp vác gậy chạy lên, xua đuổi đội quân giữ nhà của cụ Bá mỗi con chạy mỗi nơi.

Chị Dậu lóp ngóp đứng lên, bước vào trong thềm nhà khách, chấp tay vái chào:

– Thưa lạy hai cụ.

Ông Bá đặt bát cơm xuống mâm, vừa nhai nhồm nhoàm vừa hỏi:

– Bán đứa con gái phải không?

– Thưa vâng!

Bà Bá đưa mắt cho chồng. Ông Bá hiểu ý, nói tiếp:

– Sáng ngày chồng chị sang đây, nói rằng con bé đã mười một tuổi, tôi có trả cho hai đồng. Là vì anh ấy kêu van nài mãi, nể quá thì phải mua, chứ nhà tôi có thiếu gì đứa hầu hạ. Nhưng bây giờ nghe nói nó mới lên chín, vậy tôi chiết đi một nửa, trả cho một đồng. Bằng lòng bán thì về đưa con sang đây ..

Chị Dậu ngạc nhiên:

– Thưa cụ, quả thật cháu mười một tuổi, nó đẻ năm Tý, chúng con không dám nói dối cụ...

Bà Bá nói xen:

– Nhân có mợ Hai bên kia vừa mới ở nhà, tôi cũng mua để lấy người hầu hạ nước nôi cho mợ ấy mà thôi, chứ cái đứa mới lên chín tuổi, phỏng đã làm được việc gì? Vả lại nó sang ở đây, cơm no áo lành, lại không sướng bằng mười ở nhà với chị hay sao? Đáng lẽ biếu không thì phải, trả một đồng cũng quá lạm rồi, chị không nên nài nỉ gì nữa.

Thôn Dân

Tương lai Số 1 – 27-9-1936

PHỤ LỤC 2

MỘT Ổ CHÓ VÀ MỘT ĐÚA CON

(Phần hai)

(Trích nguyên văn phần hai truyện ngắn đăng lần đầu trên báo Tương lai – Tháng 9-1936. Tác giả đã chỉnh sửa thành phần VI của tiểu thuyết Tất đèn khi cho in thành sách)

...

– Thưa cụ, con cũng biết rằng cháu được sang đây nương nhờ cửa cụ, thật là phúc cho cháu lắm... Nhưng nhà con thiếu mất hơn hai đồng bạc nộp sưu, nếu cụ chỉ cho một đồng, thì còn hơn một đồng nữa, con không chạy vào đâu được. Xin hai cụ đón tay làm phúc ...

Bà Bá don đả:

- Nhà chị có con chó cái khôn lắm, phải không?
- Thưa cụ, có. Nó mới đẻ được bốn con.
- Con nó đã mở mắt chưa?
- Thưa cụ đã! Nó biết ăn cơm đã vài hôm nay.

– Bắt cả sang đây bán cho tôi, tôi trả cho một đồng nữa, với con bé kia một đồng là hai. Thế là nhà chị đủ tiền đóng sưu, lại khỏi nuôi con, khỏi nuôi chó. Sướng nhé!

Chị Dậu buồn rầu ngồi vào bậc cửa:

– Thưa cụ, một con chó cái, nếu con đem đi bán chợ, rẻ nữa cũng được đồng hai, bốn con chó con thế nào cũng được một đồng. Cụ chỉ cho một đồng tất cả, thì rẻ của con quá, xin cụ trông lại.

Ông Bá nuốt vội miếng cơm trong miệng, giương to hai mắt đầy những tia máu:

– Đem ngay đi chợ mà bán, không nói lời thôi, mất thì giờ. Chị phải biết thời Tây bây giờ, thì giờ quý lắm, không ai có công đâu mà mặc cả cù nhằng với chị. Đem ngay đi chợ mà bán! Đi ngay...! Mấy con chó ranh, trả một đồng bạc lại còn kêu rẻ? Phóng chừng định lấy mấy chục...!

Chị Dậu mặt đỏ bừng bừng, đã toan đứng dậy. Bà Bá thẽ thọt:

– Cụ ông nóng tính, chị không nên cò kè lời thôi. Cứ nín đi! Có thiệt thì tôi cho thêm hào nữa là đồng một.

– Lạy cụ, quả thật nhà con còn thiếu hai đồng hai nữa mới đủ tiền sưu. Xin cụ thương cho!

– Ừ, tôi cũng giả cho một đồng hai hào. Nhưng chị phải nói với thầy Thơ ký làm văn tự cho. Và phải trả cho thầy ấy hai hào giấy mực kia đây. Nghe không?

– Nếu vậy thì con lại không đủ.

– Không đủ thì mặc chị, chứ chị bố cho nhà tôi à... !
Có thể thôi, bán thì đi làm văn tự, không bán thì về!

“Về thì đâm đầu vào đâu cho được tiền...! Đã liều thì liều một thể”. Nghĩ vậy, chị Dậu bèn rẽ ràng thưa:

– Vâng! Con xin bán cả hầu cụ. Nhờ cụ bảo ông Thờ làm giấy hộ con.

Bà Bá gọi xuống nhà dưới:

– Đứa nào lên chạy mâm đi! Rồi gọi Thư ký sang đây.

Đồng hồ trên tủ chè thông thả đánh mười tiếng chuông.

Bà Bá nhìn chồng:

– Sao bây giờ mới mười giờ? Hay là đồng hồ nhà ta sai.

Ông Bá cười giòn khanh khách:

– Bà quê lắm, đồng hồ của Tây làm ra, có khi nào sai!
Bây giờ mười giờ là phải. Nhà ta ăn cơm khí sớm!

Xe lửa “một giờ” toe toe hét còi.

Thầy Thờ tai cài cái bút, tay cầm lọ mực, khúm núm đi vào trong nhà, cúi chào ông Bá, bà Bá, rồi sang ngồi ở chiếc tràng kỷ gian cạnh.

Sau một hồi ông Bá nói nhỏ vào tai, thầy Thờ loay hoay cúi đầu xuống ghế mà viết. Viết xong thầy gọi chị Dậu:

– Chị kia sang đây tôi đọc cho nghe, rồi điểm chỉ vào.

Chị Dậu đón đến bước sang. Thầy Thơ dặng hắng một tiếng, rồi đồng dặc đọc:

“Tên tôi là Nguyễn Văn Dậu và vợ là Lê Thị Quýt ở xã Đông Xá có mượn của bà Cửu phẩm Bách hộ Lê Thị Sẹo ở Đoài Thôn một đôi hoa tai bằng vàng, đáng giá hai chục đồng bạc. Hạn trong năm năm phải trả. Nếu không trả, chúng tôi xin chịu tội bội tín.”

Chị Dậu nghe rồi giẫy náy:

– Thưa ông, tôi bán con, bán chó, chỉ được có hai đồng hai bạc, chứ có mượn hoa tai của cụ đâu?

Ông Bá rút cái tăm trong miệng, đặt ngang trên tách nước, rồi nói:

– Không ai thêm đánh lừa nhà chị. Bây giờ Dân luật cấm cha mẹ bán con, văn tự phải làm như thế, chứ không thể nói con, nói chó vào đấy. Sau này chị cứ để cho con chị ở mãi đây, thì cái giấy này tôi coi như không. Nếu chị giờ mặt mà đem con về, thì tôi sẽ chiếu giấy bỏ tù cả vợ lẫn chồng. Làm giấy như vậy, cốt giữ cho nhà chị khỏi lật nhà tôi, chứ nhà tôi không đời nào thêm lật nhà chị. Thế là bao giờ tôi cũng nắm đằng chuôi, chị đã nghe chưa?

Chị Dậu chưa kịp trả lời, ông Bá bưng tách nước uống một hớp lớn, xúc miệng ông ọc mấy cái, lại nhổ toẹt xuống sàn nhà, rồi thêm:

– Tùy đấy, chị có tin nhà tôi thì điểm chỉ vào, rồi đem về cho chồng chị ký và phải xin chữ Lý trưởng nhận

thực tử tế, thì tôi sẽ giao tiền cho. Nếu chị không tin thì thôi. Đây tôi không ép!

Nghe người ta cũng chết, không nghe người ta cũng chết, hai hàng nước mắt hòa với những giọt mồ hôi dòng dòng chảy qua hai cái gò má xém nắng... Biết làm sao?

Một lát sau, chị đón đến thò mấy ngón tay mốc mác, xù xì cho thầy Ký bôi mực và in vào giấy.

Chị Dậu cầm giấy, lạy chào vợ chồng ông Bá, rồi bước xuống lom khom nhặt lấy cái nón mê đặt lên đầu.

Bà Bá dặn theo:

– Nhớ lấy cái gì đây cho mấy con chó kéo nó bị nắng, nhé!

Thôn Dân

Tương lai Số 1 – 27-9-1936

PHỤ LỤC 3

(Trích phần đầu đăng trên tuần báo Việt nữ số 10, ngày 8-10-1937. Tác giả đã chỉnh sửa thành phần XIX trong tiểu thuyết Tắt đèn khi in thành sách.)

...

Chị Dậu vội đỡ lời chồng:

– Bẩm lady quan lớn, chính tay con giao tiền cho ông Lý. Rồi ông Lý đưa cho ông Thủ đếm lại.

Quan Phủ cau mặt:

– Vả vào miệng nó kia! Ai đã hỏi đến nó!

Cai lệ dạt thật nhanh, và tát vào mặt chị Dậu túi bụi. Hai đứa bé cùng khóc tru tréo.

Quan Phủ quát bảo Lý trưởng:

– Mày điệu nó xuống dưới ấy! Sao lại cho nó đem cả trẻ con ra đây?

Tức thì chị Dậu bị lìa sợi thừng của anh Dậu, lếch thếch bồng con xuống thêm đình.

Quan Phủ đến hỏi Thủ quỹ:

– Lý trưởng có nhận tiền của con Thị Đào và giao cho mày hay không? Phải nói cho thật!

Thủ quỹ ngập ngừng:

– Bẩm quan lớn... có! Anh Lý con nhận của thị ấy cả hai đồng bảy hào, giao lại cho con, con đưa trả anh Lý con ngay lúc bấy giờ.

Đến lượt Lý trưởng bị hỏi:

– Mày nhận tiền sưu của nó sao không biên lai cho nó, lại dám nói là nó chưa nộp! Thế là mày gian lận tiền sưu của cùng đinh. Tao sẽ bẩm lên quan tỉnh.

Lý trưởng sợ tái mặt:

– Lạy ông lớn. Xin ông lớn trông lại, chúng con thiệt tình oan. Hai đồng bảy hào con giao cho Thủ quỹ đếm lại là tiền Thị Đào nộp sưu cho em trai tên Dậu chết ngày tháng giêng, không phải thị ấy nộp sưu cho chồng. Vì thế, chúng con không cho phải lại.

Quan Phủ sẵn sộ:

– Nó nộp cho đứa nào mặc kệ, hễ đã nhận tiền của nó thì phải biên vào phải lại cho nó. Mày thu tiền của nó mà không cho nó phải lại, thế là lạm thuế. Ông thì cách cổ!

Lý trưởng hồi hộp trống ngực:

– Lạy ông lớn, chúng con là tôi con ông lớn, xin ông lớn thương và châm chước cho!

Quan Phủ dùng dùng ra oai:

– Cho xuống dưới ấy. Ngày mai lên hầu! Nghe không?

Lý trưởng khép nép đi lùi trở ra.

Bấy giờ chị Dậu mới được gọi đến.

Hai đứa bé con liền bị ông Lý giữ lại thêm đình, để mẹ nó lên hầu kiện:

– Mà y xui chồng mà y không nộp sưu? Mà y đánh lính và đánh người đốc thuế cho chồng mà y đi trốn? Mà y muốn ở tù?

Chị Dậu bưng hai má:

– Bẩm lạy quan lớn! Con không hề xui chồng con bỏ sưu. Chính con đã bán năm con chó và một đứa con để lấy tiền nộp sưu cho chồng con rồi. Nhưng ông Lý lại bắt nộp cả sưu cho người em con mới chết, cho nên nhà con mới thiếu. Con không hề đánh lính và đánh người nhà Lý trưởng.

Cai lệ vội vàng cãi lại:

– Bẩm ông lớn thị ấy khai “man”, hiện thị ấy đánh hai chúng con có Lý trưởng và tuần phủ đều biết.

Quan Phủ trừng mắt nhìn chị Dậu:

– Mà y đánh chúng nó rõ ràng, chúng nó có đủ chứng cứ. Sao mà y dám cố chối?

– Bẩm lạy quan lớn, con không chối. Nhưng thực là con không đánh các ông ấy. Bấy giờ ông quan định xông

vào đánh chồng con, con sợ chồng con ốm nặng mà lại phải đòn, không khéo chết mất, nên con phải ấy ông ấy ra thêm, chẳng may ông ấy bị ngã. Bác người nhà ông Lý thấy thế, vội vàng nhảy vào đánh con thì con phải vật nhau với bác ấy, để cho bác ấy khỏi đánh quá, thực con không đánh ai cái nào.

Quan Phủ hăm hè:

– Ấy ngã lình, vật nhau với người đốc thuế, mày sẽ ở tù một năm!

Chị Dậu nín không nói sao, quan Phủ lại hỏi:

– Hai đồng bảy hào đưa cho Lý trưởng mày định nộp sưu cho chồng mày hay cho thằng chết rồi?

– Bẩm quan lớn, con định nộp cho chồng con.

– Sao mày không lấy biên lai?

– Bẩm lạy quan lớn, con quên mất.

– Thằng Lý trưởng không đưa phái lai cho mày?

– Không ạ.

– Mày có muốn kiện thằng Lý trưởng không?

– Bẩm lạy quan lớn, con không dám kiện ai cả.

– Thế thì mày sẽ vào tù!

Rồi Quan phủ hỏi gặng lại anh Dậu:

– Mày có muốn kiện thằng Lý trưởng không?

Anh cũng nói đúng như lời vợ. Quan Phủ ngẫm nghĩ một lúc, ngài gọi thầy Thừa:

– Thầy đem chúng nó ra làm biên bản. Phải làm hai cái: Một cái nói việc Lý trưởng nhận tiền sưu của vợ tên Dậu mà không chịu biên phái lai, một cái nữa nói việc Thị Đào đánh lính và người đốc thuế...

Dạ một tiếng rất gọn, tỏ ra người đã hiểu công việc, thầy Thừa quay ra chiếc chiếu giữa đình lần lượt gọi những người có dính vào vụ thưa kiện đến trước mặt mình, vừa hỏi, vừa vặn, vừa biên vào giấy. Chú ý nhất chỉ có vợ chồng anh Dậu, khi hỏi đến hai người ấy, thầy sẽ rí tai:

– Sao chúng mày không muốn kiện thằng Lý trưởng? Nó thu tiền của mày, mà không biên phái lai cho mày, đó là nó làm trái phép. Nếu chúng mày kiện thì nó sẽ mất Lý trưởng.

– Bẩm cụ, chúng con chỉ mong được yên thân mà làm ăn, cho nên không kiện tụng gì ai. Vả kiện cho ông ấy phải mất Lý trưởng, chúng con cũng không được gì.

– Nếu không kiện nó thì vợ chồng mày sẽ cùng ngồi tù. Đánh lính đốc thuế, tức là chống lại với lệnh quan trên, chúng bay tưởng là chuyện chơi đấy à?

Anh Dậu chị Dậu đều nín lặng. Thầy Thừa lại hỏi:

– Hay là thằng Lý trưởng nó có dọa nạt làm sao, mà vợ chồng mày không dám kiện nó?

– Bẩm cụ, không!

– Cứ nói thật, quan sẽ thương cho!

– Bẩm cụ, thật không!

Thầy Thừa cau trán.

Vợ chồng bẽn lẽn đứng dậy và lùi thúi đi xuống. Anh Dậu mệt quá, lăn quèo luôn xuống thềm đình. Chị Dậu ngó không thấy con nhớn nhác tìm hỏi, thì ra người ta sợ để chúng nó gào khóc sẽ bị quan quở nên bắt bọn tuần phu phải đem cả hai đứa nhỏ để tít ở ngoài gốc đa.

Một lát ông Thừa thảo xong hai cái biên bản, vợ chồng chị Dậu cũng như những người có dính vào vụ thừa kiện, đều phải lên đình ký tên hoặc điểm chỉ vào đó. Cuối cùng thì đến Chánh tổng đóng triện nhận thực.

Bấy giờ quan Phủ mới kiểm đến thuế.

Ngài bắt thầy Thừa cộng riêng từng cuốn biên lai, ngài bắt Lý trưởng bỏ bạc ra chiếu đếm xem bao nhiêu bạc giấy, bao nhiêu bạc đồng, bao nhiêu hào con, bao nhiêu hào ván.

Số cộng ở cuốn biên lai so với số bạc trong tráp Lý trưởng chênh nhau một vài chục đồng, tiền mặt thật nhiều hơn tiền trong sổ, quan Phủ cười nhạt bảo Lý trưởng:

– Mày không thu lạm, làm sao sổ có ít mà bạc lại có nhiều? Thế nào ta cũng bấm cách, không thể tha mày.

Lý trưởng không còn máu mặt chỉ năn nỉ nói đi nói lại một câu: Xin ông lớn thương...

Ông Phủ vờ hỏi những người chưa nộp sưu thuế. Một “dây” trai đinh cũng bị người nhà Lý trưởng sênh sịch lôi lên cửa đình.

Sau khi đã tát tai, đá đít bọn đó một hồi cho oai, quan Phủ đứng dậy đi lên đầu làng để ra ô tô.

Theo lệnh ngài, Cai lệ, lính cơ giải những kẻ thiếu thuế về Phủ. Vợ chồng chị Dậu cũng phải đi vào bọn đó. Anh Dậu lấy bảy không cất nổi bước, chị Dậu thì bệu rạch với hai đứa con, vợ chồng lẻo đẻo theo không thể kịp bọn kia, ai nấy luôn luôn được nghe tiếng quát lác của hai ông lính.

Bỗng thấy anh Nho quay lại và bảo vợ chồng chị Dậu:

– Quan truyền tha cho chúng bay ở nhà, chờ đến khi nào có giấy đòi thì sẽ lên Phủ. Nhưng rồi chúng bay cứ kiện Lý trưởng, để quan sẽ trị nó cho.

– Chúng tôi cơm chẳng có ăn, còn dám kiện ai!

– Ngu lắm! Quan chỉ vớ thằng có tóc, ai vớ chi thằng trọc đầu?

PHỤ LỤC 4

(Đây là phần hai đăng trên tuần báo Việt nữ số 10 – 18-10-1937. Trong phần hai này có một số đoạn tác giả đã chỉnh sửa và viết trong phần XXI nói trên của sách Tắt đèn nên người biên soạn đặt phụ lục này trước phần XXII.

Riêng những đoạn kế tiếp đăng trên báo, thuật lại “chuyện cái Tý được về thăm nhà và việc chữa chạy các vết thương trên người cái Tý do bị đánh đòn” đã không thấy có trong tiểu thuyết Tắt đèn khi in thành sách. Tôn trọng tính liên tục của nội dung đã đăng báo, người biên soạn đặt ngay tiếp theo để bạn đọc tham khảo.)

...

– Này! Vợ chồng dĩ Dậu đã được tha về cả đấy! Bác chả quyết đoán họ phải vào tù.

– Sưu không có! Lại đánh Cai lệ, đánh cả người nhà ông Lý, thế mà quan không bắt giam, cũng nhân đấy chứ! Thiên hạ cứ đồn ông Phù này ác...

– Lại còn nhân gì ông ấy? Người nào đã lên đến Phù, cũng bị đánh đập cùm kẹp, làm cho bực tiền mới thôi, thế mà còn nhân, thì thế nào nữa mới là không nhân? Chẳng

qua vì cái máu dê! Trông thấy nhà chị chàng này hơi sạch nước cản, cơn dê nổi lên cho nên ngài cũng làm ơn cho lúc đầu, về sau này...

– Chả phải thế! Dê thì cô đầu Hà Nội thiếu gì, ai thèm vờn đến đứa nhà quê con mọn?

– Úi chà! Bà tưởng? Ông quan nào chứ ông quan này thì lớn búi bé mềm! Bao nhiêu con sen, vú em chữa với lão ấy rồi đấy. Đến những người phu đội đất đắp dê năm nọ, khi chả ra khi, người chả ra người, thế mà đêm nào ngài cũng sai lính bắt họ vào trong nhà quan cư, trông chị Dậu còn có nhan sắc, tuy bận con mọn rách rưới, nhưng vẫn mơn mớn như gái đến thì. Rồi các bà xem, thế nào chị ta cũng bị...

– Các ông các bà đoán sai tất. Không phải quan thương vợ chồng anh Dậu, cũng không phải hấn muốn gạ gẫm chị Dậu. Mà vì lẽ khác mà ngài tha họ. Tôi đi lên quan về đây, lúc quan dặn nhỏ người Nho, tôi nghe tiếng hết.

– Đầu đuôi thế nào?

– Quan bảo với người Nho rằng: Tao coi thằng Dậu mặt mũi xanh ngắt, hình như nó ốm nặng giải nó về Phủ, nếu nó chết giữa đường thì lôi thôi. Còn con vợ nó thì cũng chưa đáng ký giam, nhà nó chắc không còn ai người lớn coi được hai đứa con nít. Bắt nó bổng bế con cái vào Phủ, lỡ hoặc đến tai quan trên thì không ra sao. Rồi quan giục người Nho trở lại bảo thằng Cai lệ cho hai người này

ở nhà và đồ họ phải kiện Lý trưởng. Quan cứ dặn đi dặn lại người nho “Cốt nhất là thằng Lý trưởng”. Đấy! Vì thế vợ chồng nhà ấy mới được tha về.

– Có lẽ quan định trị ông Lý?

– Không tiền thì quan trị, có tiền thì chẳng việc gì.

– Phải, chính thế. Lúc nãy ở đường, cụ Thừa đã hỏi dò mãi chúng tôi “vụ thuế năm nay, Lý trưởng làng mày kiếm của ngoại canh được mấy trăm?”. Chắc quan cũng nhòm vào chỗ đó chứ gì?

Những tiếng bàn tán trong một gian nhà cạnh đường đều lọt vào tai vợ chồng anh Dậu. Mấy câu sau cùng của người tuần phu thuật lại lời quan Phủ làm cho cả hai người hết sự hồ nghi, và hiểu tại sao mà quan cứ khuyên mình đi kiện ông Lý, tại sao mà quan không bắt hai vợ chồng nhà mình. Bấy giờ anh Dậu đã thở không được, chị Dậu cũng mới rời cánh tay vì hai đứa con. Ai nấy chỉ mong cho chóng đến nhà để được nằm nghỉ, cho nên bao nhiêu câu nói của người ngoài đều chỉ thoáng qua một lát rồi bay đi.

Mặt trời đã xế.

Ánh nắng in một ngấn thẳng băng ở trong cột hiên.

Mâm cháo tanh bành dưới đất sáng ngày, bỗng thấy chinh chệm đặt trên bàn thờ, và có đậy rõ cẩn thận.

Chị Dậu cảm động:

– Chắc cụ Tự xếp dọn cất cử hộ đấy! Bà cụ phúc đức quá!

Anh Dậu mệt không thể nói, uể oải lăn đùng ra phản, nằm cứng queo như người chết rồi. Chị Dậu cũng đặt thằng Dần xuống đó, rồi chị ghé vào cạnh chồng ngồi nghỉ với con bé con thỏn thức nằm trong lòng.

Thằng Dần vẫn chưa hết cơn khiếp sợ vì những trận vật nhau đánh nhau mà nó được chứng kiến, và những câu dọa nạt thét lác mà nó phải nghe từ sáng đến giờ, nó gục xuống phản, lim dim ngủ gà ngủ vịt. Cái Tiu bú no cũng ngủ. Anh Dậu dần dần yên tiếng thở dài.

Thật là gần hết ngày, chị Dậu thì lật đật đi, về, khi ở đình, khi ở nhà, khi ở Đoài Thôn, khi ở Đông Xá, hai chân đã chạy không biết mấy chục cây số, lại suốt cả đêm hôm qua không được nhắm mắt phút nào, và luôn bốn bữa không có giọt cháo hay hột cơm nào vào bụng. Không thể cố gượng được nữa, chị ôm con bé con ra đầu phản bên kia, ngả lưng nằm tạm. Sự thương nhớ cái Tý và sự lo lắng hai đồng bạc sưu vẫn không lấn đổ sự mệt nhọc, chị thiu thiu chợp ngủ. Nhưng chị lại phải thức liền, vì tiếng anh Dậu đã rên hằm hừ.

Se sẽ lừa con bé xuống phản, chị vội choàng dậy và sang nắn bóp cho chồng.

Chồng chị lại lên cơn sốt rét, chân tay mình mẩy đều nóng như lửa, mà vẫn cảm cập run.

Chợt nghĩ ra điều gì. Chị tất tả chạy ra lũy tre và len lỏi chui vào trong bụi. Giây lát, chị lại trở về với một nắm lá duối và một nắm lá dành.

Thằng Dần vừa dậy. Nên lại mếu khóc kêu đói, làm cho cái Tiu thức theo.

Những bát cháo để trên bàn thờ vẫn y nguyên, chị vội lấy xuống cho thằng bé lớn, rồi chị đón con và cho nó bú.

Cái Tiu vẫn khóc ra rả, vì vú mẹ nó đã không còn sữa.

Rầu rĩ, chị ngồi thừ mặt để nghe tiếng con khóc hòa với tiếng chồng rên.

Ngoài cổng có tiếng chân chạy huỳnh huých và tiếng trẻ con léo xéo. Thằng Dần đặt vội bát cháo xuống phản:

– U ơi, chị Tý đã về kia rồi!

Vừa nói, thằng bé vừa tuồn xuống đất, lon ton đi ra đón chị. Chị Dậu cũng trông theo một cách nghi ngờ.

Thằng Dần đứng. Cái Tý ở cổng vào với bộ mặt hốc hác nhưng có vẻ tươi cười. Nó ôm chầm lấy em và bằng giọng khàn khàn, nó hỏi chị Dậu:

– U đã ăn cơm rồi chứ? Thầy con có lên cơn sốt nữa không?

Bỏ ngõ nhìn nó, chị Dậu chưa kịp nói gì thì ngoài ngõ lại có tiếng người là lạ:

– Bác trai, bác gái có ai ở nhà không đấy? Coi chó cho tôi với!

Chị Dậu vội bồng cái Tiu đứng dậy ghé ra.

Một người đàn bà với cánh rong tre kênh cang lừ lừ tiến vào trong sân. Chị Dậu nhận ra người ấy là mụ thợ cấy nhà ông Nghị Quế vừa mới vác gậy đuổi chó cho chị hôm qua. Vui vẻ chị chào:

– Bà sang chơi bên này đấy ư? Mời bà cứ vào, chó của nhà tôi bán hết cả rồi.

Mụ thợ cấy liền bỏ cánh rong giữa sân và bước lên thềm. Theo lời chị Dậu, mụ cùng chị ngồi ghé vào chiếc chõng rách. Chỉ vào anh Dậu, mụ hỏi:

– Bác trai nằm kia, phải không?

– Vâng, nhà tôi đấy!

– Làm gì mà ngủ sớm thế?

– Nhà tôi sốt rét đã mấy tháng nay, vẫn chưa dứt cơn, lúc này mới lên một cơn kịch liệt. Chừng như mệt quá phải nằm thiếp đi đấy thôi. Bà cần hỏi gì thấy cháu, để tôi lay dậy?

– Hãy để bác ấy nằm nghỉ.

Rồi mụ đưa tay ra đón cái Tiu:

– Bác đưa tôi giữ con bé này cho, hãy đi đẽo ít vỏ gạo mà nắn cho con bé lớn. Khốn nạn, tội nghiệp con trẻ.

Chị Dậu giật mình:

– Cháu làm sao thế hử bà?

– Phải đòn, chứ làm sao nữa! Bác gọi nó ra mà xem. Nó đau lắm đấy.

Hốt hoảng chị Dậu vội đưa cái Tiu nhờ mụ ẵm hộ và đứng ra xem cái Tý thế nào.

Con bé vẫn bế thằng Dần ở sườn, nó bỗng òa lên khóc nức khóc nở như muốn than thở với mẹ mà không biết nói sao. Ngó đến nó chị Dậu rụng rời nổ đót. Trời ơi là nó là tên tù vừa bị tra tấn. Hai mắt sưng mọng bằng hai quả ổi, hai bên mang tai hằn hằn mười đầu ngón tay lên như mười quả chuối tiêu, hai cái cổ tay có vết thừng trói xây xát cả làn da ngoài, thịt non lòi ra đỏ hỏn.

Chị Dậu giậm chân tru tréo:

– Khốn khổ! Người ta hủy hoại con tôi!

Mụ thợ cấy nói xen:

– Đấy chưa thấm, còn ở lưng mình nó nữa.

Chị Dậu liền bảo thằng Dần đứng xuống để chị cởi áo cho cái Tý.

Từ vai trở xuống đến đít, đến háng, đến hai bụng chân, những cái lằn roi lớn bằng con chạch nổi ngang nổi dọc, nổi thiên nổi chéo chằng chịt liền lù với nhau, chỗ thì sặc thịt đỏ bầm, chỗ thì vết máu hãy còn rơm rớm, làm cho thân thể con bé khoang khứa như thằng quý sứ trong trò Trương Viên.

Kinh khiếp và đau đớn, chị Dậu meo máo hỏi mụ thợ cấy:

– Bây giờ làm thế nào cho cháu đỡ đau, hử bà?

– Bác xem gần đây có cây gạo nào, ra đèo lấy vài miếng vỏ đem về giã cho giập ra, trộn ít nước tiểu trẻ con sao cho nóng rồi nặn cho cháu. Hễ nó tán huyết thì trong vài ngày sẽ khỏi. Nếu không nó mà sưng lên thì bất trị đấy. Bác đi mau lên để còn về!

Chị Dậu vội vàng vào bếp lấy con dao rựa lật đật ra cổng để cái Tiu ở nhà với bà khách lạ.

Con bé cứ khóc ra rả.

Anh Dậu sẽ cựa chân tay và rên khừ khừ mấy tiếng, rồi lại nằm im.

Thằng Dần rồi rít giục chị mặc áo ấm nó đi chơi.

Cái Tý se sẽ khoác áo vào mình, không dám cựa người vì sợ quần áo sát vào da thịt. Một lát sau, chị Dậu tất tả trở về với nắm vỏ gạo vụn nát.

Theo lời dặn của bà khách phúc đức, chị giã, cho tắm nước tiểu, chị sao, rồi chị bọc vào cái giẻ chườm những vết thương cho cái Tý.

Vừa rát vừa bỏng, bọc vỏ gạo hơi động vào thịt, cái Tý đã phải giẫy nảy lên kêu khóc.

Chị Dậu nhìn nó bằng hai hàng nước mắt ròn ròn:

– Người nào phũ phàng độc ác nỡ đánh con trẻ thế này?

Bà lão thợ cày thở thê:

– Còn người nào nữa, bác bảo chỉ có ông Nghị bà Nghị mới có quyền được hành hung tàn nhẫn, người khác thì ai dám thế? Người ta giàu có, cho nên người ta rẻ người, người ta coi con người không bằng con chó, bác ạ! Thật thế, tôi không nói sai. Từ chiều hôm qua đến giờ, cháu nó phải đôn đến năm sáu trận. Ngay lúc bác ở bên ấy về khỏi nó ở nhà dưới gào khóc.

TẮT ĐÈN

Ngô Tất Tố

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409, Fax: 024.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.com.vn

E-mail: info@nxbvanhoc.com.vn

** Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh*

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 028.38469858, Fax: 028.38483481

** Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng*

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236 3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: Hoàng Thị Diệp Yến

Nguyễn Phương Thùy

Sửa bản in: Hương Nguyễn

Bìa: Nguyễn Mạnh Cường

Trình bày: Vũ Lê Thư

In 3.000 cuốn, khổ 15x23 cm, tại Công ty TNHH MTV In

và Thương mại Thông tấn xã Việt Nam - Vinadataxa

Địa chỉ: Số 70-342 Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Số ĐKXB: 1934-2018/CXBIPH/03-102/VH, cấp ngày 5 tháng 6 năm 2018

Quyết định xuất bản: 1390/QĐ-VH, cấp ngày 30 tháng 7 năm 2018

Mã ISBN: 978-604-969-288-8. In xong và nộp lưu chiểu năm 2018

CÔNG TY CP VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG SỐNG

Trụ sở chính: 176 Thái Hà, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | Tel: (024) 3 722 62 34 | Fax: (84-24) 3 722 62 37

VPGD: Phòng 308, tầng 3, Tòa nhà số 14 Pháo Đài Láng, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | Tel: (024) 6 656 60 58

Phòng kinh doanh: Tel: (84-24) 3 773 8857 | Email: sale@alphabooks.vn

VPĐD phía Nam: 138C Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh | Tel: (028) 3 822 03 34

SỐNG | VĂN HỌC



“**T**heo tôi tiên tri, thì cuốn *Tắt đèn* còn phải sống lâu, thọ hơn cả một số văn gia đương kim hôm nay... Chị Dậu, đích là tác giả Ngô Tất Tố hóa thân ra mà thôi... Chị Dậu là cái đốm sáng đặc biệt của *Tắt đèn*. Nếu ví toàn truyện *Tắt đèn* là một khóm cây, thì chị Dậu là cả gốc cả ngọn cả cành, và chính chị Dậu đã nổi gió lên mà rung cho cả cái cây dạ hương *Tắt đèn* đó lên.”

— Nguyễn Tuân — Trích Lời giới thiệu sách *Tắt đèn*
— Nxb Văn hóa — 1962

CÔNG TY CP VĂN HÓA TRUYỀN THÔNG SỐNG

Tắt đèn

Trụ sở chính: 176 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội | Tel: (024) 3722 62 34 | Fax: (84-24) 3 722 62 37

VPGD: Phòng 308, tầng 3, Tòa nhà số 14 Pháo Đài Láng, P. Láng Thượng,

Q. Đống Đa, TP. Hà Nội | Tel: (024) 6 656 60 58

Phòng kinh doanh: Tel: (84-24) 3 773 8857 | Email: sale@alphabooks.vn

VPĐD phía Nam: 138C Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh |

Tel: (028) 3 822 03 34

ISBN: 978-604-969-288-8



9 786049 692888



8 936158 590105

Tìm mua ebook của Sống tại: waka.vn, mikiapp.com, Alezaa.com

Giá: 89.000đ

